

LAM GIANG – NGUYỄN QUANG TRÚ

NHỮNG CÁI DẠI CỦA NGƯỜI XƯA



HUYTIENdesign



Nhà Xuất bản THANH NIÊN

NHỮNG CÁI DẠ CỦA NGƯỜI XƯA

NHỮNG ĐIỀU BẤT TRÍ CỦA HÀN TÍN

Hàn Tín là thiên tài quân sự thời Hán – Sở tranh hùng (206 – 202 TCN).

Trước có bán cá ở chợ Hoài Âm, rồi theo Tây Sở Bá Vương Hạng Võ, được làm Chấp Kịch lang, một chức quan võ coi đội lính canh gác, hầu hạ trong điện vua. Bèn bỏ nước Sở, vào Ba Thục theo Hán Vương Lưu Bang. Nhờ có sự tiến cử của Tiêu Hà, Hàn Tín được Hán Vương đắp đàn bái tướng, phong làm Phá Sở Đại Nguyên Soái.

Hàn Tín dùng kế “minh tu Sạn đạo, ám độ Trần Thương” (sửa đường Sạn đạo là đường giao thuận lợi giữa Ba Thục và Quan Trung, ngầm đem quân ra đường Trần Thương) đánh úp đất Tam Tần do các tướng của phe Hạng Võ trấn thủ.

Lại dùng kế “Bối thủy”, bày trận dựa vào sông, phá tan quân Triệu, lược định 50 thành đất Triệu.

Rồi sau lại dùng kế “Sa nang úng thủy” (túi cát ngăn sông) phá tan 20 vạn quân Sở của tướng Long Thư,

chiếm cứ đất Tề làm Tề Vương.

Thiên hạ hiện rõ ra cái thế tam phân đỉnh túc: Hán, Sở, Tề.

Sau khi Hàn Tín đại phá quân của Long Thư, Hạng Võ hối hận vì trước kia đã coi khinh Hàn Tín, bèn sai Vũ Thiệp đến đất Tề, thuyết Hàn Tín về cái lợi tam phân. Hàn Tín mê muội, không nhận thức cái lợi thế chính trị ấy. Trí sĩ đất Yên là Khoái Triệt cũng thuyết Tín về cái thế tam phân. Tín cũng mê muội không chịu nghe theo.

Lúc làm Tề Vương, uy thế của Hàn Tín đủ nạt được cả Sở và Hán. Hán Vương rất lấy làm lo. Hàn Tín không chịu hiểu rằng uy thế nạt được chủ của mình thì thân mình nguy nên vẫn cứ hợp binh với Hán Vương để tiêu diệt Tây Sở ở Cai Hạ.

Cai Hạ nhứt chiến Ô Chùy quệt!

Một trận đánh ở Cai Hạ, ngựa Ô Chùy của Hạng Võ què, không chạy được nữa! Nói bóng là Tây Sở thua đo ván, đành chịu chết, cơ nghiệp bá vương tan như tro bụi.

Sau trận chiến thắng năm 202 TCN này, Hán Vương Lưu Bang lên ngôi Hoàng đế, ấy là vua Cao Tổ nhà Hán. Cao Đế (Cao Tổ) phong cho Hàn Tín làm Sở Vương. Như thế là một cách đoạt khéo đoàn quân thiện chiến của Hàn Tín vậy.

Hàn Tín không biết như thế, vui vẻ tự phong. Rồi báo ân, báo oán vụn vặt thời mình còn hàn vi đi ăn nhờ,

đi bán cá.

Hán Cao Tổ sợ để Hàn Tín lâu ngày ở đất Sở, nó lại luyện tập, tổ chức được đoàn binh thiện chiến khác thì nguy. Bèn nghĩ ra cách “Ngụy du Vân Mộng” giả cách đi tuần du đầm Vân Mộng. Sở Vương Hàn Tín phải đến nơi tiếp rước, Cao Tổ liền sai võ sĩ trói lại, việc giản dị như trói một con gà!

Hàn Tín bị trói, bỏ ở thùng xe, cứ luôn miệng kêu ca rằng mình vô tội và nhắc lại câu tục ngữ “Cao điều tận, lương cung tàng; giảo thố tận, tẩu cầu phanh; địch quốc phá, mưu thần vong!” (chim bay cao đã hết, cung tốt bỏ xó, thỏ tinh ranh bắt hết, chó săn bị nấu thịt; nước địch đã phá tan, mưu thần mất mạng!)

Cao Tổ chở tù về đến Lạc Dương mới tha cho Hàn Tín và giáng xuống làm một tước hầu ở Hoài Âm. Như vậy mà vẫn còn nghi, sợ Hàn Tín làm phản.

Hàn Tín vẫn cứ mê muội, nuôi cái ảo tưởng sẽ có ngày được trọng dụng trở lại vì cái biệt tài quân sự của mình. Một hôm, Tín cùng Cao Tổ đàm luận việc binh, Tín phê bình suốt các tướng nhà Hán, ai có năng lực điều khiển được bao nhiêu binh sĩ, ai dũng cảm, ai nhất gan, ai nên làm quận thú... Cao Tổ hỏi rằng:

- Như ta thì sao?

Tín đáp rằng:

- Bệ Hạ cầm nổi mười vạn binh

Lại hỏi:

- Như khanh thì sao?

Hàn Tín đáp một cách tự phụ:

- Thần nhược tướng binh, đa đa ích thiện! (Nếu thần cầm binh thì càng nhiều càng tốt!)

Như vậy là Tín có tài quân sự như thế hơn Cao Tổ rất nhiều. Cao Tổ cũng biết rõ như thế nên khi phải ngự giá thân chinh đi đánh Trần Hy ở đất Đại, Cao Tổ định ninh tái tam tái tứ căn dặn Lữ Hậu phải lưu ý đến Hàn Tín... Lữ Hậu tàn ác và rất thông minh, hiểu ngay sự việc. Hàn Tín chưa chết thì cơ đồ nhà Hán chưa yên. Lữ Hậu bèn phao tin Hoàng Đế đánh đất Đại thắng trận. Hàn Tín phải vào triều chúc mừng. Lữ Hậu sai bắt Tín, đem chém ngay, gửi đầu Hàn Tín ra trận cho chồng được yên tâm. Thế là tám thân bách chiến chết về tay đàn bà ở cung Vị Ương...

Đời sau cho rằng đó là một bản án oan ức ngàn năm chưa có.

Xét cho kỹ, tư cách làm người của Hàn Tín không có gì cao quý đáng cho người đời sau khâm phục. Lúc còn làm Sở Vương, Hàn Tín đã nhẫn tâm bức tử bạn cũ là Chung Ly Muội. Chung Ly Muội nguyên là tướng Tây Sở, tay chân thân tín của Bá Vương Hạng Võ. Hạng Võ thua trận Ô giang, Chung Ly Muội không ra mặt hàng Hán, chạy về núp bóng Sở Vương Hàn Tín. Bọn gián điệp mật báo với Hoàng Đế nhà Hán sự việc như thế, như thế... Hàn Tín sợ vua nghi đến mình nên muốn nạp đầu Chung Ly Muội để cho Hán Đế được yên tâm. Chung Ly Muội bảo Hàn Tín rằng:

- Ngày nay ta chết thì ngày mai đến lượt mày.

Quả đúng như thế. Hàn Tín mê muội không biết dùng Chung Ly Muội làm tấm bùa hộ mạng cho mình. Nếu Chung Ly Muội còn sống chưa chắc Cao Đế đã dám khuyến cáo Lữ Hậu phải giết Hàn Tín. Nếu Hàn Tín có chút độ lượng quân tử, người khốn cùng đến nương bóng mình, sao mình nỡ dồn họ vào thế bí phải tự sát... nếu Hàn Tín có chút tình bằng hữu thì Cao Đế còn phải lo lắng nhiều điều, chứ không thể tự đắc với thành tích chính trị tru Tần diệt Sở...

Hàn Tín chết là vì Hàn Tín tự rước lấy cái chết đó mà thôi! Đất Sở liền với đất Nam Việt, sao Hàn Tín và Chung Ly Muội không chạy về đó... xem sao!

THUỐC TRƯỜNG SINH NHỮNG SỰ MÊ TÍN LẠ LÙNG

Sinh ra làm kiếp người, giữ được địa vị Hoàng Vương, đế bá là tốt bậc giàu sang rồi thế mà vẫn có nhiều vị còn ao ước thuốc trường sinh để kéo dài hạnh phúc đến vô cùng, vô tận...

Tần Thủy Hoàng mê hoặc theo lời Từ Phúc, sai gã đi tìm thuốc Trường Sinh. Cấp cho gã nhiều tiền bạc, lương thực, sai gã đem 3.000 đồng nam, đồng nữ dạo khắp miền Đông Hải, tìm thần tiên. Từ Phúc gặp sóng

to gió lớn, phải dừng thuyền ở Đan Châu, gã nói láo rằng đã đến được Bồng Lai, Doanh Châu là những nơi chỉ dành riêng cho thần tiên ở.

Năm 215 TCN (Tiền Công Nguyên), còn phải thêm Hàn Chung, Hầu Sinh, Lư Sinh ra biển. Lư Sinh trở về nói láo rằng đã gặp được thần tiên, sao chép được sách tiên.

Theo lời các nhà hàng hải đi tìm y dược này, người trần gian vẫn có thể tiếp xúc với thần tiên. Trở ngại chính là lũ cá giao long nên thuyền không đến gần Bồng Lai tiên cảnh được. Cần phải có thuyền lớn trang bị tên dài cung mạnh đủ sức tác xạ để dọn đường. Những loài cá to, cá lạ ở Đông Hải bị săn đuổi ráo riết.

Hạm đội của Tần Thủy Hoàng bắn giết được một số giao ngư ở phía Bắc bán đảo Sơn Đông, tuy vậy thuốc trường sinh vẫn cứ còn là thứ thuốc trong mộng tưởng...!

Đời Hán, bọn phương sĩ, thuật sĩ xúi giục Hán Vũ Đế kiến trúc đài cao, có thừa lộ bàn là mâm đồng hứng sương đêm dùng làm nguyên liệu chế thuốc. Thuốc dùng hoàng kim, thủy ngân, nấu luyện nhiều lần, phương pháp tương tự như các đồng nghiệp của họ bên Thái Tây (Âu Châu) vậy.

Hán Vũ Đế là ông vua hiếu chiến, phía Bắc đánh Hung Nô, phía Nam xâm lấn Bách Việt, nhà vua trị vì từ 140 đến 87 TCN, hưởng nước 53 năm, các phương sĩ cho

rằng đó là nhờ có thần tiên phù trợ và các thứ đan dược do họ chế tạo.

Đời Tam Quốc, vua nhà Bắc Ngụy là Tào Duệ (cháu nội Ngụy Vũ đế Tào Tháo) cũng hâm mộ các phép tu luyện thần tiên, sai binh sĩ và dân phu vào Trường An, Kinh đô của nhà Tây Hán, vận chuyển thừa lộ bàn về Nghiệp Thành. Chỉ một việc cưa xẻ thừa lộ đã làm chết đến mấy ngàn binh sĩ. Cuối cùng vì nặng quá, vận chuyển không nổi nên bảo vật phải bỏ lại dọc đường.

Đời Đường, ông vua anh minh, tài năng nhất của triều đại, đặt ra quan Huyền học Bác Sĩ để giảng luận, nghiên cứu Đạo giáo, Lão Tử được suy tôn là Huyền Nguyên Hoàng Đế, được coi như Thủy Tổ. Việc nấu cao, luyện đan, chế tạo linh dược phát triển mạnh mẽ. Vua Thái Tông ham uống các thứ thuốc này đến nỗi cơ thể nhiễm độc, băng hà vào lúc mới 52 tuổi.

Việc lên đồng, xuất hồn đi tìm gặp linh hồn người đã chết đã trở thành một tín ngưỡng phổ biến khắp xã hội. Đường Minh Hoàng đã sai bọn đạo sĩ xuất hồn đi tìm gặp Dương Quý Phi. Đạo sĩ đất Lâm Cùng đi tìm hồn Dương Quý Phi khắp các cõi Bích Lạc, Hoàng Tuyền, sau phải cõi gió ra Đông Hải, lên Tiên Sơn mới gặp!

Đường Hiến Tông, Đường Vũ Tông đều ham mê học đạo thần tiên, luyện đan dược. Vũ Tông lập cả một tòa Vọng Tiên Đài để làm nơi gặp gỡ giữa thần tiên và

người trần thế. Tuy có uống nhiều đan dược, song nhà vua không thọ được bao nhiêu, chỉ làm vua được có 6 năm.

Thuốc trường sinh quả là một thứ thuốc khó tinh chế!

Đời Minh, Hồ Đại Thuận soạn ra sách Vạn Thọ toàn thư, nói rằng sách này do Lữ Động Tân truyền thụ. Lại có đạo sĩ Đào Trọng Văn tự xưng mình đã chế được Võ thiên đan dược. Dược liệu gồm cả kinh nguyệt lần đầu tiên của thiếu nữ đồng trinh. Vua Gia Tĩnh nhà Minh ở lý trong cung trên hai mươi năm không ra coi triều cũng vì say mê thứ nguyên liệu này vậy. Vua Gia Tĩnh (Minh Thế Tông) làm vua được 45 năm, các đạo sĩ cho rằng nhà vua hưởng nhiều phúc đức nhờ có tiếp xúc với thần tiên và các phương sĩ.

Việc tìm thuốc trường sinh bất lão được tiếp tục qua triều Thanh. Họ Ái Tân Giác La vào làm chủ Trung Quốc, chấm dứt chế độ nhà Minh nhưng không chấm dứt được truyền thống đan dược trường sinh bất lão. Vua Càn Long trị nước 60 năm cũng là một ông vua thích đan dược, biết cả phù chú sai khiến âm binh!

Ở Tây phương cũng có những phương sĩ, thuật sĩ khổ công bào chế thứ rượu thuốc trường sinh (élixir de longua vie) và cố tạo pháp thuật (pierre philosophale) có quyền lực điểm vào đồng chì, thép kẽm thì những loài kim đó đều hóa thành vàng. Elixir de longue vie và

pierre philosophale là 2 mục tiêu mà họ đã kế tiếp nhau hết đời nọ sang đời kia, nỗ lực đạt cho tới. Và chưa đời nào đạt tới nên những nỗ lực còn phải nối tiếp nhau, trước đã phí mất ngàn năm rồi sau này chắc sẽ còn phí nhiều thiên niên kỷ nữa.

Viễn cảnh chưa thấy có gì hứa hẹn. Các thuật sĩ, phương sĩ Tây cũng như Đông còn phải tốn rất nhiều công phu để tìm thấy chút hy vọng trong ảo ảnh, ảo tưởng. Dầu sao, một cách gián tiếp, công việc của họ cũng đem lại đôi chút ích lợi thực tế cho hóa học, sinh học, y học...

PHÁ HOẠI DI TÍCH LỊCH SỬ KHÔN HAY NGU?

Đặt câu hỏi như vậy thì dễ trả lời lắm. Di tích lịch sử là tài sản vật chất và tinh thần của đất nước, của toàn thể quốc dân, không ai có quyền phá hư, phá hại cả.

Lịch sử Việt Nam thế kỷ XIX có ghi lại một việc phá hoại rất đau lòng. Đại Nam nhất thống chí có ghi lại việc xây dựng trấn thành Hải Dương vào năm Gia Long thứ 3 (1804), phá tháp cũ Đồ Sơn huyện Nghi Dương cao trăm thước để lấy gạch đá. Nguyên là tháp xây

dựng từ đời Lý Thánh Tông niên hiệu Long Thụy Thái Bình (1054 – 1058)

Vua Gia Long không có một chút ý thức nào tôn kính các vị đế vương của các triều đại trước, một di tích lịch sử đã tồn tại gần 800 năm mà nhà vua nỡ hủy diệt đi một cách bình thản! Nói theo tiếng đời nay, việc làm này thật hết ý! Ngu muội và bất kính đến cực điểm.

Lại còn phá đàn Nam Giao của nhà Lý nữa. Đàn này ở địa phận huyện Thọ Xương, phía Nam tỉnh thành do nhà Lý xây đắp để làm chỗ tế trời. Nhà Lê đời Quang Thuận sửa lại, chính điện 3 gian, hai bên Đông vu, Tây vu mỗi bên 7 gian, có các tòa điện Canh Y (phòng thay áo). Trai cung, nhà bếp, nhà kho, bên trong, bên ngoài xây tường quanh cùng 3 gian nghi môn. Đời Quang Hưng dựng thêm điện Chiêu Sự, đời Cảnh Trị sửa lại. Qui chế thì 4 góc có cột đá, cột rường xà bẩy đều chạm rồng phượng, sơn son thếp vàng, Hồ Sĩ Dương soạn bài ký.

Bản triều, đầu đời Gia Long dỡ lấy gạch đá để xây thành, chỉ còn đền chính ở phường Thịnh An. Năm Tự Đức thứ 11 đền bị hỏa tai... (1858) không thấy nói gì đến việc tu bổ.

Sự việc đã rõ ràng lắm, nhà Lý, nhà Lê kính trời còn nhà Nguyễn Gia Miêu thì cho rằng trời ở Bắc Hà xa xôi lắm, chỉ cần có đàn Nam Giao ở Huế là đủ rồi! Vả lại giữ đàn Nam Giao của nhà Lý, nhà Lê, lỡ có người

nào nhớ tiếc nhà Lê mà sinh ra cố sự nọ kia thì phiền lắm. Chi bằng phá đi. Đền cháy thì bỏ cho tiện việc.

Việc phá hoại di tích lịch sử này làm cho chúng ta sống sót, ghen ngào... Biết nói gì thêm nữa?

Ngày nay, Huế đã thành cố đô của Việt Nam. Các công trình kiến trúc ở Huế ngày xưa đã được coi là di sản của văn minh nhân loại. Không còn có cái nạn phá hoại ngu muội như đời Gia Long.

Hai việc phá hoại di tích lịch sử đời Gia Long làm cho chúng ta phải liên tưởng đến một việc phá hoại ở phía Bắc sông Dinh tỉnh Ninh Thuận, cách Phan Rang 7 cây số về phía Bắc có một cụm tháp xa xưa gọi là Ba Tháp. Trong cuộc chiến tranh 1945 – 1954, lính Pháp đã phá đi 1 tháp để lấy gạch xây lô cốt. Lô cốt tuy đã được xây nhưng quân Pháp thua trận liên miên, rốt cuộc phải triệt thoái khỏi Đông Dương. Hy vọng tái chiếm thuộc địa tan theo mây khói.

Ba Tháp đã biến thành Hai Tháp. Dẫu là người khéo xua nịnh, không ai kiếm đâu ra lời lẽ để khen ngợi những việc phá hoại ngu muội bao giờ!

Cái mà ít ai phá hủy được là “ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ”.

Không phải là những việc phá hoại ngày nay đã chấm dứt. Pháp luật tuy ngăn cản được những việc phá hoại di tích lịch sử nhưng khó lòng ngăn cản được những

việc phá hoại cảnh quan. Cảnh quan ở chung quanh di tích, làm tăng vẻ đẹp của di tích hơn lên. Một di tích mất cảnh quan là mất đi một phần giá trị. Đây là một điều mà chúng ta không thể và không nên làm ngơ. Người phá hoại cảnh quan chỉ nghĩ đến cái lợi trước mắt họ mà thôi.

Chúng ta chỉ có một cách đối phó hữu hiệu là làm cho ý thức bảo vệ di tích lịch sử và cảnh quan thấm nhuần sâu xa vào tâm hồn quảng đại quần chúng.

TRẦN CAO KHÔN HAY KHÔNG KHÔN?

Khi quân Minh đã diệt được nhà Hậu Trần, có một người tên là Trần Cao trốn lánh vào châu Ngọc Ma (Trấn Ninh) ông tự xưng là dòng dõi nhà Trần.

Bởi thế, năm 1427, vị anh hùng cứu quốc Lê Lợi đuổi được quân Minh, mới tôn Trần Cao làm Thống quốc để dễ giao thiệp với nhà Minh.

Non sông nước Đại Việt đã bước vào thời kỳ đại định rồi, Thống quốc Trần Cao tự biết mình là người vô công, nên bỏ Kinh thành Đông Quan mà trốn đi.

Trốn đâu cho thoát? Trước lời chất vấn của Lê

Lợi, Trần Cao thành thực nói rằng:

- Tôi là người vô công, ở ngôi chí tôn thế nào được xin cho được toàn thân mà chết!

Rồi ông uống thuốc độc, tự kết liễu tính mạng.

Lê Lợi lên làm vua, đặt niên hiệu là Thuận Thiên. Nước Đại Việt được hưởng một thời thái bình thịnh trị. Bờ cõi mở rộng vào đến Núi Đá Bia (Đại lãnh giữa Phú Yên và Khánh Hòa)

Chín mươi năm sau (1516) có Trần Cao nổi dậy với mưu đồ khôi phục đất nước cho nhà Trần. Cũng như Trần Cao thống quốc ở thế kỷ trước, Trần Cao ở thế kỷ XVI này tự xưng mình là hậu duệ nhà Trần. Những người tin theo gọi là vua Trần.

Vua Trần khởi binh ở Hải Dương vì thuở ấy có lời sấm nói “Phương Đông có thiên tử khí”.

Chiết tự chữ Trần là Đông A. A là gò lớn.

Trần Cao đặt niên hiệu là Thiên Ứng, tự cho là mình ứng với mạng trời.

Thời Trần Cao nổi dậy là đời vua Lê Tương Dực. Dân chúng tin theo Trần Cao vì Trần Cao là cháu huyền tôn của Trần Thái Tông, nhà Trần sắp trung hưng. Địa bàn chiếm giữ là Hải Dương, Thủy Đường, Đông Triều, Tiên Du, Quế Dương. Trần Cao thống lĩnh đại quân tiến chiếm Gia Lâm, vào bến Bồ Đề, uy hiếp Kinh thành.

Quân vua Trần đều cạo tóc đầu để phân biệt với

quân nhà Lê. Nguyễn Hoàng Dụ đem quân giữ bến Bồ Đề ở Bắc ngạn sông Nhĩ Hà, đối trận với Trần Cao.

Trong khi ấy thì ở Kinh thành xảy ra biến cố lớn. Nguyên Trịnh Duy Sản là một tướng có nhiều công chiến trận, hay can gián nhà vua. Vua Tương Dực không nghe, truyền lệnh đánh đòn Trịnh Duy Sản. Tức giận, Trịnh Duy Sản đem quân vào cửa Bắc Thần, sai tỳ tướng giết chết vua Tương Dực. Nguyễn Hoàng Dụ nghe tin vua bị giết, bỏ trận tuyến, rút quân về Thăng Long, trên đường triệt thoái, sợ Trần Cao truy kích, Nguyễn Hoàng Dụ cho quân sĩ phóng hỏa, đốt cháy xóm làng, nhà cửa của dân.

Trịnh Duy Sản lập Lê Ý lên làm vua. Ấy là vua Chiêu Tông. Rồi cũng rước vua về Thanh Hóa để tránh quân Trần Cao.

Trần Cao vào Kinh đô, chỉ được 3 ngày rồi bị các tướng nhà Lê chia năm đường tiến đánh, phải chạy lên Lạng Nguyên.

Vua Chiêu Tông nghe lời Hùng Quốc công, treo giải trọng hậu, quan chức oai quyền cho những ai bắt được cha con Trần Cao.

- Bắt được Trần Cao, thưởng công 50 người, người có công đầu phong Hữu Đô Đốc, tập ấm 3 đời. Như không muốn làm quan thì thưởng vàng 300 lạng, ruộng 2.000 mẫu.

- Bắt được Trần Thăng (con Trần Cao) thưởng công 20 người, người công đầu được phong Đô Đốc đồng tri.

Cuối năm 1516, Trịnh Duy Sản, Nguyễn Hoàng Dụ chia đường tiến đánh Trần Cao ở Chí Linh. Trịnh Duy Sản khinh địch, bị Trần Cao phục binh giết chết!

Trần Cao lại đem quân về bến Bồ Đề. May cho vua Chiêu Tông, Thiết Sơn bá Trần Châu cố sức giữ Kinh thành, đuổi được Trần Cao lên Lạng Nguyên.

Trần Cao thấy việc lớn khó thành, nhường ngôi cho con là Trần Thăng. Trần Thăng đặt niên hiệu là Tuyên Hòa, lấy sông Nguyệt Đức làm giới hạn từ bờ sông trở lên phía Bắc là đất nước của “vua Trần”.

Chiến cuộc kéo dài, mãi đến mùa thu năm Canh Thìn (1520) Trần Thăng mới thua chạy lên Thất Nguyên (Thất Khê) trốn sang Tàu, bị quân nhà Minh tróc nã được, giao trả về cho An Nam!

Trần Cao mai danh ẩn tích từ lâu, không ai biết ông lánh nạn phương nào, do đó có lẽ được sống sót.

Trước sau có đến 2 Trần Cao. Nếu Trần Cao thế kỷ XV sớm biết ẩn thân. Đừng có xưng nguồn gốc mình ra làm chi thì ai biết đến ông mà triệu ông ra làm Thống Quốc? Nếu không làm Thống Quốc thì chắc chắn được trường thọ an nhàn.

Trần Cao thế kỷ XVI tuy đã gây ra những biến cố

lớn suýt làm nghiêng đổ một hoàng triều, song nhờ biết “truyền ngôi con trưởng Tuyên Hòa” mà “Qui y nương bóng Di Đà độ thân” nên cũng được sử sách, thần linh bao dung, cho hưởng những ngày tàn trong bóng tối.

Có người cho rằng Trần Cao thế kỷ XVI là hậu thân (kiếp sau) của Trần Cao thế kỷ XV. Chuyện hóa thân kiếp trước, kiếp sau, ai biết thế nào là sai, là đúng?

Vì có những lý thuyết huyền hoặc nên bọn yêu tăng mới xướng ra yêu ngôn để mê hoặc lòng người.

Sau ngày Trần Thăng (con Trần Cao) chết, có vài gã thầy tu tự xưng mình là Thiên Vũ Tướng quân, Thiên Bồng Nguyên Soái. Hai ông tướng nhà trời này bị Mạc Đăng Dung bắt chém một cách dễ dàng. Bản án buộc vào tội “yêu ngôn hoặc chúng”.

Coi vậy mà Mạc Đăng Dung dùng luật cũng rất nghiêm. Dùng những lời nói ma quỷ làm mê hoặc lòng người thì bị tội tử hình, không xá miễn. Cố nhiên là không ai khen bọn yêu tăng và các đồ đệ của chúng là khôn ngoan bao giờ!

CÓ TÀI THÌ PHẢI CHẾT!

Giữa thế kỷ thứ XVII, chúa Nguyễn ở Nam Hà sau khi chịu đựng nhiều trận tấn công của chúa Trịnh ở miền Bắc, đã quyết chí thanh tội trí thảo để cho thiên hạ (toàn thể dân Việt) biết chúa Trịnh là gian tà, tội đáng muốn chết!

Thanh tội là nêu rõ tội ác ra. Một mình Trịnh Tùng đã giết được 2 vua Anh Tông và Kính Tông.

Trí thảo là đem binh đi đánh kẻ có tội.

Năm 1655, chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần sai Nguyễn Hữu Tiến làm Tiết chế, Nguyễn Hữu Dật làm Đốc chiêu đánh chiếm 7 huyện ở Nam Ngạn sông Lam Giang. Nguyễn Hữu Dật là người có nhiều mưu lược, lại rất giỏi thiên văn học, hai lần đoán trúng ngày mưa gió, bão lụt, hai lần đoạt chiến lũy của quân Trịnh.

Các tướng phương Bắc đối địch rất khó khăn. Trịnh Đào thua trận, bị thương, chết trên đường về Thăng Long theo lệnh triệu hồi. Phạm Tất Toàn đem cả châu Bắc Bố Chính đầu hàng quân Nguyễn.

Mùa hạ năm Đinh Dậu (1657) Trịnh Tráng qua đời. Trịnh Tạc lên kế vị, hiệu là Tây Định Vương.

Trong lúc Nam quân đắc thắng, Trịnh Tráng sai con là Trịnh Toàn vào Nghệ An lo việc chống giữ. Trịnh

Toàn là người có mưu lược, tài năng, các quan Bắc Hà nhiều người kính trọng. Trịnh Tạc rất lấy làm nghi kỵ, sai con là Trịnh Căn vào Nghệ An, tiếng là giúp chú nhưng kỳ thực là canh chừng ông chú, sợ chú có những hành động gì khả nghi.

Cứ lấy binh lực và tài năng thì Trịnh Toàn đủ sức chống lại anh mình là Tây Định Vương Trịnh Tạc. Nhưng Trịnh Toàn không muốn gây cảnh nổi da xáo thịt như kiểu ông tổ Trịnh Tùng là em mà cướp quyền anh là Trịnh Cối ngày trước nên khi được lệnh triệu hồi, Trịnh Toàn đem sổ sách bàn giao cho Trịnh Căn rồi về Thăng Long.

Trịnh Bàn, Trương Đắc Danh là tướng dưới quyền Trịnh Toàn, thấy chủ tướng không chịu cử binh tranh quyền, lại đem sổ sách bàn giao, đoán biết thế nào Trịnh Tạc cũng giết chú em, mình nấn ná ở lại sẽ bị liên lụy mất mạng nên bất đắc dĩ phải quy hàng Nguyễn Hữu Dật.

Hai tỳ tướng này quy hàng là phải vì lúc đó nhân dân Nghệ An, Hà Tĩnh nhiều người quy nghĩa (bỏ chúa Trịnh gian tà, về với chúa Nguyễn nhân nghĩa).

Trịnh Toàn về đến Thăng Long, Tây Định Vương Trịnh Tạc nói em có ý mưu phản, truyền lệnh tổng giam rồi bỏ cho chết đói trong ngục.

Trịnh Toàn có cái tội là thông thạo việc hành binh lại được các quan kính trọng.

Nếu Trịnh Toàn theo gương ông tổ mình là Trịnh Tùng ngày trước thì Trịnh Tạc chắc không ngồi yên trên ngôi Tây Định Vương.

Nam quân sẽ tiến chiếm luôn Bắc ngạn sông Lam, có thể trường khu đại tiến, chiếm luôn bình nguyên sông Mã nữa.

Họ Mạc ở Cao Bằng cũng sẽ thừa kế chiếm Lạng Sơn. Như vậy, cơ nghiệp của họ Trịnh chưa đổ, cũng bị mất đến phân nửa.

Việc Trịnh Tạc giết em thực là nhẫn tâm, vô đạo. Chúa Nguyễn ở phương Nam, họ Mạc ở Cao Bằng mới là địch thủ đáng sợ mà Trịnh Tạc không sợ lại sợ chú em.

Trịnh Bàn về hàng Nguyễn Hữu Dật là phải. Trịnh Bàn là tông tộc họ Trịnh, không có một chút xú quyền gì mơ tưởng đến vương vị nhưng biết rõ Trịnh Tạc là người đa nghi nên mình tìm phương lánh nạn.

Trịnh Toàn chết vì có tài nhưng cũng chết vì bất trí, bất trí vì không thấy được sự độc ác bất nghĩa của anh mình. Bất trí thì phải chết đói.

Trịnh Tạc không dám đem chú em ra hành hình vì sợ dư luận quan dân Bắc Hà. Thôi thì cứ để cho nó chết âm thầm trong ngục là mau xong chuyện, khỏi phiền làm án văn tuyên bố tội trạng làm chi.

Trịnh Toàn tự đâm đầu vào chỗ chết. Nếu theo

Trịnh Bàn về hàng Nguyễn Hữu Dật thì tính mạng chắc được bảo toàn, có lẽ còn được chức tước, quan quyền nữa.

Không được làm quan, làm dân ở Bắc Hà, lại cũng không muốn làm quan, làm dân ở Nam Hà, trong khoảng trời đất mênh mông, gã thanh niên quý tộc này dung thân vào đâu cho được?!

KHÔN MÀ DẠI

Nói chuyện khôn, chuyện dại là nói chuyện vô cùng. Có những người tự phụ là rất khôn nhưng rốt cuộc lại dại một cách rất đáng buồn và rất đáng tức cười.

Năm 361, người nước Vệ là Vệ Ưởng vào nước Tần, được vua Tần Hiếu Công tin nhiệm, ban cho chức Tướng Quốc (Thừa tướng), Vệ Ưởng thi hành tân pháp, sửa đổi các luật lệ tài chánh, công nông, quân sự, làm cho nước Tần đã giàu mạnh càng thêm giàu mạnh.

Để tận thu thuế thân, thuế lực dịch, Vệ Ưởng đặt ra cách làm giấy chiếu thân, một thứ giấy mà đời sau gọi là giấy căn cước, biên rõ tên tuổi, nguyên quán, nghề nghiệp, không có giấy chiếu thân là dân lậu phải dầy ra khẩn đất, mở ruộng ở biên cương.

Các hàng quán, nhà trọ phải ghi rõ giấy chiếu thân của người xin ngủ trọ. Chủ quán nào quên không ghi tên tuổi người ngủ trọ cũng bị tội nặng và bị đi đày.

Pháp lệnh thi hành rất nghiêm, rất chu đáo, ai cũng phải sợ, phải tuân hành răm rắp.

Đối với nước Tần, Vệ Ưởng lập được nhiều công lớn, thành tích lừng lẫy. Vệ Ưởng đã đánh lừa được Công Tử Ngang nước Ngụy, đánh chiếm 700 dặm đất Thương Ô, và được vua Tần phong cho đất ấy nên được gọi là Thương Quân.

Một hôm Thương Quân mở tiệc lớn, khoản đãi tân khách, nhân hỏi rằng:

- Ta so với Ngũ Cổ Đại Phu đời trước, ai hơn?

Tân khách đều đồng thanh xưng tụng. Chỉ có một mình Triệu Lương dám phản đối rằng:

- Ngài so với Ngũ Cổ Đại Phu thế nào được. Ngũ Cổ Đại Phu giúp cho nước Tần làm bá chủ ở phương Tây, hơn 20 nước Tây Nhung đều khiếp phục.

Ngài tuy được lòng vua tại vị nhưng lại gây hiềm khích lớn với hai vị Sư, Phó và cả với Thế tử nữa. Ngài thành công rồi, được đất phong rộng lớn rồi. Tưởng nên nộp trả chức vị lại cho triều đình, lui về ấp phong mà an toàn dưỡng lão. Ngài nên biết rằng mặt trời đã đứng bóng thì phải xế nghiêng, mặt trăng đã tròn thì đến độ phải khuyết. Ngài là người có mưu trí, mong ngài sớm

tiên cơ!

Quả nhiên, sau khi Tần Hiếu Công qua đời, vua mới kế vị, không cho Thương Quân làm Tướng Quốc nữa, bắt phải về ấp phong. Thương Quân dùng xe bò công chở tài sản riêng của mình. Vua mới giận lắm, sai kỵ binh đuổi theo đánh giết. Trăm họ nghe tin, oán hận Thương Quân đã dùng pháp lệnh khắc nghiệt nên cũng tự động cầm giáo mác đuổi theo.

Trên đường về, Thương Quân hay được tin quân triều đình đuổi bắt, sợ quá, xuống xe, thay đổi y phục, giả làm khách thương, lần mò tìm đường về đất Thương Ô để cử binh tự vệ.

Trời tối, Thương Quân vào quán bên đường ăn uống và xin ngủ trọ.

Chủ quán hỏi rằng:

- Ông khách có giấy chiếu thân không?

Thương Quân đáp rằng không có và lập tức bị chủ quán đuổi ra đường. Đến bước cùng khốn này, Thương Quân buồn bực than rằng:

- Ta đặt ra lệ giấy chiếu thân, không ngờ lệ ấy ngày nay trở lại làm hại thân ta!

Lần quần ít ngày, Thương Quân chưa về đến ấp phong thì đã bị bắt giết!

*

*

*

Tục ngữ Trung Hoa có câu:

Xuất hồ nhĩ, phản hồ nhĩ!

(Cái tự mày bày ra thì lại trả về cho mày!)

Cũng vào khoảng thế kỷ IV trước Tây Lịch, vua Denys thống trị thị trấn Syracuse. Ông làm cho thế nước hùng mạnh, đánh thắng quan Gia Thái Cơ, thành lập được nhiều thương phụ trên đảo Sicisle của đất Ý. Ông là một bạo chúa hà khắc, dân chúng dưới quyền đều khiếp sợ.

Có một tên thợ đúc đồng hiến nịnh, dâng lên cho ông một con bò bằng đồng. Bỏ người có tội vào bụng bò, đập nắp lại, nổi lửa đốt. Những tiếng kêu thất thanh của người bị xử tử nghe như tiếng bò rống điên cuồng!

Tên thợ đúc tưởng mình sẽ được trọng thưởng, không ngờ vua Denys sai bắt bỏ hắn vào bụng bò rồi nổi lửa đốt để thí nghiệm mà chơi. Rõ ràng tên thợ đúc đồng đã tổn của, tổn công rồi tự rước lấy cái chết thảm hại!

*

*

*

Lại như chuyện Chu Hưng đời Vũ Hậu cuối thế kỷ VII Tây Lịch.

Năm 690, Vũ Chiêu (Vũ Hậu) đoạt ngôi của con, tự xưng là Tắc Thiên Hoàng Đế, dùng những bọn khốc lại hung ác để trấn áp dư luận xa gần.

Trong số này có Chu Hưng và Lai Tuấn Thần làm chó săn đắc lực. Một hôm, Lai Tuấn Thần bày một tiệc rượu rất thịnh soạn, mời đồng nghiệp là Chu Hưng đến dự. Ăn uống đương hồi vui vẻ, Lai Tuấn Thần hỏi Chu Hưng rằng:

- Có một tên tù rất gan dạ, tra hỏi, đánh đập cách gì, nó cũng không nhận tội, vậy ta nên dùng cách gì bắt nó phải cung chiêu?

Chu Hưng mỉm cười, đáp rằng:

- Chuyện dễ ợt! Không có gì khó khăn cả. Cứ dùng một cái ang bằng sành thật lớn, bỏ nó vào, đậy nắp, rồi quạt than thật hừng mà đốt cái ang ấy cho chín đỏ. Sức mấy mà nó dám không khai?

Lai Tuấn Thần sai thuộc hạ khiêng một cái ang lớn đến, làm đúng theo lời Chu Hưng chỉ dẫn.

Khi cái ang đã nướng chín đỏ, Lai Tuấn Thần mới chậm rãi nghiêm nghị bảo Chu Hưng rằng:

- Có người tố cáo tôn huynh mưu phản. Hoàng đế có chỉ dụ sai tôi tra xét việc này. Bây giờ cái ang đã được nướng chín đỏ, mời tôn huynh vào đó ngồi chơi chốc lát!

Quả thật là chuyện “xuất hồ nhĩ, phản hồ nhĩ” hay

là chuyện báo nhân tiên. Những kẻ hay dùng mưu trí gian ác hại người nên bình tâm mà suy nghĩ một chút.

Chu Hưng phải thú nhận tử tội, song Lai Tuấn Thần cũng không an hưởng phú quý được lâu. Cái tồn tại lâu hơn sự xưng đế của Vũ Hạo và công danh của Chu Hưng, Lai Tuấn Thần là từ ngữ “Thỉnh quân nhập cung” (mời anh vào ang). Mưu trí hại người rồi lại tự hại, để tiếng xấu lại đời sau. Không biết những kẻ mưu trí ấy có khi nào hối hận chút đỉnh không? Có hối hận cũng bằng thừa vì thân đã bại, danh đã liệt, gia đình và nhiều khi cả gia tộc nữa đã bị tan nát như một nắm cát trước ngọn gió thổi lồng....!

TÂM LÝ CỦA DÂN CHÚNG BẮC HÀ THỜI TRỊNH SÂM (1767 – 82)

Trịnh Sâm vừa mới lên ngôi thì đã có điềm bất thường.

Tháng hai năm Đinh Hợi (1767), chốn kinh sư có động đất.

Tháng ba năm Kỷ Sửu (1769) Trịnh Sâm sai bọn Hoàng Ngũ Phúc, Phạm Huy Đĩnh xông vào điện vua Lê Hiển Tông, lùng bắt Thái tử Lê Duy Vỹ. Chúng vu

cáo Thái tử hoang dâm với bọn cung phi của chúa Trịnh Doanh, chúng bắt Thái tử phải lột mũ, chờ nghe tội. Thái tử nạt rộng:

- Thoán thiết, thí nghịch là việc làm quen thuộc của chủ tớ nhà này. Ta không có tội gì hết, phải trái đã có công luận, sử sách ngàn thu.

Ngày 20 tháng chạp năm Tân Mão (đầu năm 1773) Thái tử thụ hình. Đương giữa trưa, trời đất tối sầm. Người buôn bán ở chợ phải thắp đuốc.

Năm Nhâm Dần (1782) động đất ở Kinh Sư, Sơn Tây, Sơn Nam. Dân chúng sợ nguy cơ mất nước. Trịnh Sâm cũng hoảng sợ, hạ lệnh trưng cầu lời nói thẳng. Bùi Huy Bích dâng lời can gián nói về nghĩa vua tôi, tình anh em, Trịnh Sâm tuy biết mình đuối lý và đuối sức thật sự, nhưng không chịu sửa đổi gì hết. Đặng Thị Huệ vẫn cứ là Tuyên Phi, Trịnh Cán đưa con nít ốm đau quặt queo vẫn cứ là Thế tử để sau này nối nghiệp chúa.

Trịnh Sâm mất vào lúc mới có 41 tuổi. Việc bỏ con lớn lập con nhỏ của Trịnh Sâm bị quân dân Thăng Long biếm nhẽ, chê bai:

Đục cùn thì giữ lấy Tông

Đục long, cán gầy còn mong nối gì?

Trịnh Khải được bọn kiêu binh Tam Phủ phù lập lên nhưng dân chúng vẫn cứ tin rằng vận số của họ Trịnh hết rồi, sắp có những biến động lớn. Những điềm

liên tiếp xảy ra.

Năm Quí Mão (1783) tháng hai, núi Tản Viên lở. Tháng sáu, sông Thiên Đức nước cạn khô.

Năm Giáp Thìn (1784) ngày 1 tháng 10, nước Tây Hồ sôi lên, sùng sục, tôm cá chết hết, mùi hôi thối xông lên nồng nặc khác thường.

Qua ở đâu bay về tụ tập trong vườn cây phủ Chúa. Cửa tiền thành Thăng Long sụp đổ hơn 10 trượng.

Năm Kỷ Ty (1785) nước đầm Thịnh Liệt ở huyện Thanh Trì đỏ như máu. Tháng tư mưa đầm liên miên. Tháng 9 mùa màng bị nạn châu chấu, cào cào phá hoại.

Năm Bính Ngọ (1786) dân đói. Chúa Trịnh Khải phải ra lệnh cho các nhà giàu mua bằng sắc, quan tước để chính phủ có tiền cứu tế, chẩn bần.

Sức nước, sức dân đều suy kiệt. Khi Long Nhương Tướng quân Nguyễn Huệ đem quân Bắc tiến thì chỉ một trận đánh ở Tây Long Chử là cơ nghiệp “phi đế, phi bá” của các chúa Trịnh sụp đổ tan tành, không còn cách gì vãn hồi chút hơi tàn được nữa!

Không có một đám nghĩa quân nào nổi dậy với danh nghĩa tôn phủ chúa Trịnh cả. Chúa Trịnh đã di hại rất nhiều cho luân lý đạo đức Việt Nam. Ngay từ thời Trịnh Sâm, thời cực thịnh của họ Trịnh đã có thuyết “Quyền qui nhất thống” rồi. Quyền qui nhất thống là lý thuyết chính trị hợp với chính nghĩa, danh chính ngôn

thuận vậy.

Dân chúng Bắc Hà thờ ơ với sự hưng vong, còn mất của họ Trịnh. Quân Tây Sơn ra Bắc như đi vào chỗ không người. Ngoài cái đám kiêu binh mà dân chúng thù ghét như lang sói hùm beo, Trịnh Khải không còn biết dựa vào đâu cả.

Cứ xem sự thờ ơ của dân chúng sau ngày họ Trịnh diệt vong đủ thấy tài chính trị của họ Trịnh thua nhà Mạc rất xa.

Mất Thăng Long và Kinh thành rồi, Mạc Kính Chương còn xưng là Uy Vương chiếm giữ đất Thái Nguyên, Mạc Kính Dụng còn chiếm giữ Lạng Sơn.

Mạc Kính Khoan, Mạc Kính Vũ chiếm giữ Cao Bằng. Mất Cao Bằng rồi, Mạc Kính Chu, Mạc Kính Nghi còn khởi quân Cật Vương, hoạt động mạnh mẽ ở vùng Tuyên – Thái. Số người tưởng nhà Mạc còn nhiều, đâu có phải như họ Trịnh ở đất Thăng Long 200 năm mà đến khi cơ đồ sụp đổ thì không còn gì để tưởng nhớ.

KHI CÁI NGU TÁI DIỄN

A. TRIỀU NHÀ THỤC

Năm 210 TCN. Tần Thủy Hoàng băng hà ở Sa Khâu. Triệu Đà vốn là quan Úy của nhà Tần, thừa cơ hội tốt, chiếm đất Tự Lập. Lại dòm ngó bờ cõi của Thục An Dương Vương, định tâm đánh úp Thục Phán. Sai con là Trọng Thủy xin ở gửi rể tại triều. An Dương Vương chỉ có một con gái là My Châu nên bằng lòng bắt rể.

Chàng rể lấy cấp nỏ thần An Dương Vương, thay vào đó bằng một lẫy nỏ giả. Mượn tiếng về thăm cha, khi lâm biệt, Trọng Thủy dặn My Châu rằng:

*Phòng sau hai nước tranh hùng,
Kẻ Tần, người Việt tương phùng đâu đây?
Trùng lai dầu hẹn có ngày.
Nga mao xin nhận dấu này thấy nhau.
Dứt lời thẳng ruổi vó câu
Quản bao liễu oán hoa sầu nẻo xa.*

Thế rồi, sự việc diễn tiến như lời Trọng Thủy. Triệu Đà xuất binh đánh úp Thục Phán. An Dương Vương phải bỏ thành chạy trốn, chạy đến đâu quân Triệu theo sát gót đến đó. Đường khi cùng quẩn, An Dương Vương đến vùng biển gần Mộ Dạ Sơn, gọi khẩn thần Kim Quy đến cứu, thần cho biết giặc đang ở bên

mình vua. Vua tuốt gươm Thái Ấ, chém chết My Châu rồi tự mình nhảy xuống biển.

Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca bình luận sự việc bằng những lời lẽ có vẻ công bình và trách nước nghiêm trang:

Tính ra nước Thục một đời

Ở ngôi vừa được năm mươi năm tròn.

Nghe thần rồi lại tin con,

Cổ mưu chẳng nhiệm lại còn trách ai?

Trọng Thủy thấy My Châu chết rồi, chàng về Loa thành thương xót khôn nguôi, nhảy xuống giếng mà chết.

Tương truyền rằng những con sò nào ăn máu của My Châu thì sinh được ngọc minh châu rất đẹp.

Nếu dùng nước giếng ở Loa Thành mà rửa ngọc thì ngọc càng trơn đẹp sáng trưng.

Mối tình Trọng Thủy – My Châu cung cấp cho thơ văn nước Việt một nguồn cảm hứng bi thương vô hạn.

Vua Tự Đức tóm lược sự tích ấy như sau:

Loa Thành tùy trúc tùy phục băng,

Giang sứ hà lai Khoa kỳ năng...

Quỷ công, nhân xảo giải cấu tỵ,

Kiều thành, linh nổ trường kham bằng!

Triệu binh quy

Trọng Thủy nhuế

Hữu gia nhi,

Đắc giai tể

Quân vương ký bất nghi

Nhi nữ cánh hà tri?

Sàng đệ trình thân thiệt

An tri nổ cơ chiết

Tặc binh dĩ bức thành

Nhứt phát phi sơ liệt...

Thông thống sát mã khứ hà chi?

Mã thượng nhưng nhiên ủy họa mi

Cảm trực tùy thân thiệp nhất khứ,

Nga mao cần địa lang lai truy!

Nhi gia? Tặc gia? Hối dĩ trì!

Ai tai! nhất kiếm ân tình ly

My Châu vi

My Châu bi!

Thủy chung tâm hấn do nữ nhi!

Có người đã dịch nguyên điệu bài từ trên như sau:

Thành ốc xây xây, lở lở hoài.

Giang sứ từ đâu đến trở tài.

Công người, sức quỷ hợp làm một

Thành bền, cung báu tốt hòa hai

Triệu binh về,

Trọng Thủy tới,

Cô gái ngoan,

Chàng rể mới.

Vua cha đã chẳng nghi.

Trẻ thơ có biết gì!

Chiếu chăn tình nóng nảy,

Đâu hay máy cung gãy.

Bình giặc đến xáp thành

Ôi thôi cò chẳng nảy!

Vội vàng lên ngựa biết đi đâu?

Thương con, cha cũng dắt theo hầu

Nệm gấm bên mình thiếp đi trước,

Lông ngỗng chỉ lối chàng rượt sau.

Con ư? Giặc ư? Hối chậm rồi!

Thương thay ân ái chặt làm đôi

My Châu ôi!

My Châu thôi!

Nên hư sau trước chữa bao hồi!

Tù Viên Thi Thoại của Trung Quốc cũng có thơ

đề vịnh, tên các nhân vật có đổi khác.

Động Cổ Man, nước Nam Việt về đời Tần rất mạnh. Man Vương có con gái là Lan Châu, nhan sắc diễm lệ. Giỏi nghề chế ra cung tên bằng đồng. Triệu Đà sai con trai đến ở gửi rể, chưa đầy 3 năm đã học được cách chế tạo ra cung nỏ, tên đồng. Liền xuất binh đánh úp bắt được Man Vương đem về.

Triệu Vương phụ tử khai biên giới

Lai chủng Lan Châu nhất đoá hoa

Đồng nỏ tam thiên tùy tế khứ.

Nữ nhi tâm thái vị phu gia!

Dịch:

Cha con vua Triệu mở non sông

Một đoá Lan Châu thực khéo trồng

Ba ngàn cung đồng theo chú rể

Gồm cho lòng gái vị nhà chồng!

Sự việc lịch sử có pha lẫn tính chất thần kỳ! Hiện nay (trước năm 1945) trên núi Mộ Dạ, gần xã Cao Ái, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An còn có đền thờ An Dương Vương. Tục gọi là đền Công (biến âm của Công). Đền có thờ công lông đen quý lạ.

Năm 1959, các nhà khảo cứu đã đào được ở dưới chân thành Cổ Loa hàng vạn mũi tên đồng, kiểu tên giống như kiểu tên đời Chiến Quốc ở Trung Hoa

B. TRIỀU HẬU LÝ

Năm 541, Lý Bôn khởi nghĩa, đánh đuổi Thứ sử nhà Lương ra khỏi đất Việt, chiếm giữ thành Long Biên, sáng lập ra nhà Tiền Lý. Đặt niên hiệu là Thiên Đức, quốc hiệu là Vạn Xuân.

Nhà Lương sai bọn Dương Phiêu, Trần Bá Tiên sang đánh, mong tái chiếm đất Việt. Lý Nam Đế thua quân ở sông Tô Lịch, chạy về động Khuất Liêu, giao binh quyền lại cho Triệu Quang Phục.

Triệu Quang Phục dựa vào địa thế sinh lầy, nhiều lau lách của đầm Dạ Trạch, đánh thắng quân nhà Lương, khôi phục thành Long Biên, xưng là Triệu Việt Vương.

Nhà Tiền Lý còn có một ngành là Lý Thiên Bảo lánh mình ở động Dã Năng, lập ra nước Dã Năng (ở miền thượng Lào). Lý Thiên Bảo mất vào năm 555, không có con, truyền ngôi cho Lý Phật Tử.

Năm 557, Lý Phật Tử kéo binh về đất Việt, đòi chia đất với Triệu Việt Vương. Triệu Việt Vương nghĩ tình họ Lý, thuận ý chia đất cho Lý Phật Tử, lấy bãi Quân Thần thuộc huyện Từ Liêm làm giới hạn. Lý Phật Tử dời đô về đóng ở Ô Diên (Hà Đông) lại sai con là Nhã Lang cầu kết hôn với Cảo Nương là con gái Triệu Việt Vương. Triệu Việt Vương là người trung hậu, nghĩ đến tình vua Tiền Lý, tỏ ý bằng lòng. Thuộc tướng là hai anh em Trương Hống, Trương Hát đồng can rằng:

- Không nên! Chuyện Trọng Thủy, My Châu sẽ tái diễn. Bề ngoài là hôn nhân, bên trong là giặc cướp.

Ngày xưa, Trọng Thủy, My Châu

Hôn nhân là giả, khẩu thù là chân.

E khi xảy việc bất thần.

Rể con phản bội, xa gần với ai?

Triệu Việt Vương không nghe lời can gián trung trực ấy, cứ chấp nhận cho Nhã Lang ở gởi rể.

Năm 571, Lý Phật Tử xuất binh đánh úp Triệu Việt Vương. Triệu Việt Vương thua chạy đến cửa Đại Nha (Nam Định) thì phải nhảy xuống biển mà tự trầm như An Dương Vương ngày trước!

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư phê phán hành động của Lý Phật Tử thiệt không bằng loài heo chó!

Lý Phật Tử xưng là Hậu Lý Nam Đế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên lại phê rằng:

Lấy bá thuật mà xét thì Hậu Lý Nam Đế đánh úp Triệu Việt Vương là đắc kế. Lấy vương đạo mà xét thì việc dùng mưu gian trá, vứt bỏ chính đạo nhân luân, kíp tham công lợi thiệt là dê hèn.

Năm 602, tướng nhà Tùy là Lưu Phương đem quân 27 doanh sang đánh Giao Châu, Lý Phật Tử nghe gió xin hàng, bị đưa về Trung Quốc rồi chết luôn ở bên đó.

Lý Phật Tử tự cho là khôn khi tranh được nước

Việt nhưng cái ngu nhất là không có cơ mưu gì để giữ được nước. Bầy tôi của Lý Phật Tử cũng không thấy ai có tài năng. Rốt cuộc, thân làm tù binh, chết xa xứ sở.

Nếu cứ yên phận giữ động Dã Năng thì chắc là được hưởng phước lộc tiểu vương đến trọn đời!

Chỉ buồn cho Triệu Việt Vương vì bản tính trung hậu mà bị bọn tiểu nhân lợi dụng, lừa gạt đến nỗi “than thân bách chiến hóa ra đường cùng!”

Lại cũng đáng buồn cho Trương Hống, Trương Hát có kiến thức chính trị, có nghĩa khí trung can, có mưu lược mà không có đất dụng võ!

C. TRIỀU HẬU LÊ

Họ Trịnh là một họ quyền thần đại kiêu hoành, đại gian, đại ác. Chúa Trịnh nào cũng xưng là:

- Đô Nguyên Soái nắm quyền chỉ huy toàn thể quân binh.

- Thống Quốc Chính, nắm trọn quyền cai trị dân chúng.

Sự lộng quyền của các Chúa Trịnh thì đến Thiên Lôì nói cũng không chịu được! Trịnh Giang sợ sấm sét, phải làm nhà hầm mà ở, dân gọi trộm là Chúa Hang.

Tây Vương Trịnh Tạc đã xây đài Thụ Thiện, ý định ép vua Lê phải nhường ngôi cho mình. Bất ngờ Thiên Lôì đánh tan đài Thụ Thiện, việc ấy mới bãi bỏ.

Hoàng thân Lê Duy Mật khởi nghĩa binh Thanh – Nghệ được dân Mường hưởng ứng. Sau Hoàng thân chiếm được đất Trấn Ninh để làm căn cứ khôi phục nhà Lê.

Tại núi Trình quang (núi Bồ Chông) Lê Duy Mật lập một thành lớn có 3 vòng lũy. Toàn cõi Trấn Ninh có 16 đại đồn. Năm 1770, Trịnh Sâm sai các tướng Bùi Thế Đạt, Nguyễn Phan vây vòng thành ngoài. Trong thành, lương thực đầy đủ, quân Trịnh có vây đánh đến hàng năm cũng khó lay chuyển nổi.

Lê Duy Mật ra lệnh cố thủ, đợi khi quân Trịnh cạn lương sẽ mở cuộc phản công. Tướng Trịnh dò biết Lê Duy Mật có một người rể là Lại Thế Tế. Lại Thế Tế có một bà mẹ già ở phần đất do quân Trịnh kiểm soát. Hoàng Ngũ Phúc ép bà này phải viết thư kêu gọi Lại Thế Tế đầu hàng.

Lại Thế Tế nhận được thư, sợ bà mẹ già bị giết hại nên mở cửa lũy vòng ngoài đón quân Trịnh vào. Quân Trịnh kê súng bắn vào vòng thành trong, ngày đêm xạ kích liên miên, không lúc nào ngưng tiếng nổ. Lê Duy Mật biết có nội biến, bèn cùng vợ con tự thiêu.

Sự nghiệp của Thiên Nam Đế Tử gây dựng trong 10 năm đến nay tiêu tan theo tro bụi.

Một chàng rể bất nhân không hiểu được đại nghĩa tôn Lê đã tàn hại tận tuyệt gia đình của một vị Hoàng thân dũng cảm. Điểm bất trí của Lê Duy Mật là không

xét biết tâm lý chàng rể một cách tường tận, sâu xa...

Tri nhân, tri diện, bất tri tâm.

Tri tâm quả là một việc rất khó vậy! Lại Thế Tế cũng bất nghĩa như Nhã Lang. Chuyện cũ đã ngàn năm vẫn cứ tái diễn.

NHỮNG CÁI NGU ĐẶC BIỆT

A. ƯỚC VỌNG “THỤ THIỆN” CỦA TRỊNH TẠC

Thời phong kiến, các triều vua theo thuyết “thiên mệnh quân chủ” vua chịu mệnh trời cai trị toàn dân. Nếu có được công nghiệp lớn như Thành Thang sáng lập ra nhà Thương, Vũ Vương sáng lập ra nhà Chu, việc Thang Vũ cách mạng có danh nghĩa sáng tỏ thì là điều tuyệt diệu, không ai dám chỉ trích. Không được như thế thì bày ra chuyện “Thụ Thiện” kiểu vua Nghiêu nhường ngôi cho vua Thuấn.

Tây Vương Trịnh Tạc là vị Chúa thứ 4 của dòng họ Trịnh gian ác, kiêu hoành.

Trịnh Tùng giết vua Anh Tông và vua Kính Tông. Các điềm tai dị xảy ra. Như năm Mậu Ngọ (1618) tháng tám, trời mưa cát vàng rồi mưa than đen. Tháng chín có luồng bạch khí đứng tại hướng Đông – Nam, cứ canh

năm thì hiện ra mãi đến tháng mười mới mất. Rồi có một luồng hắc khí hiện ra ở phương Nam. Tháng 11, sao chổi hiện ra một tháng ở phương Đông.

Như vậy là ý trời đã giận họ Trịnh bất nghĩa, bất trung.

Thế mà Trịnh Tạc lại muốn bày chuyện “Thụ Thiện” cho đúng với lý tưởng chính trị nho giáo. Các quan văn võ không ai dám can ngăn, can gián, nói gần nói xa gì hết. Phải đợi có Thiên Lô xuống can thiệp, đánh sập đài Thụ Thiện, Trịnh Tạc mới chịu thôi.

B. UY NAM VƯƠNG TRỊNH GIANG

Dân Bắc Hà gọi Trịnh Giang là Chúa Hang vì chúa ở nhà hầm dưới mặt đất, nơi mà Chúa gọi là Cung Tiên. Chúa thường sống ở đó, nhất là những khi có sấm sét gió mưa. Thiên Lô đã có lần giáng cho Chúa một búa thị oai, may mà Chúa chỉ té lăn chiêng chứ không chết.

Ở hang mà coi việc quân – chính thì giặc cướp nổi lên khắp nơi. Đám loạn quân nào cũng tạo cho mình cái danh nghĩa phù Lê diệt Trịnh. Nếu Chúa Hang làm Đô Nguyên Soái, Thống Quốc chính được thì Nguyễn Hữu Cầu xưng là Thống Quốc Bảo dân Đại Tướng quân cũng được chứ sao?

Giữa Trịnh Giang và Nguyễn Hữu Cầu, chưa biết ai có lý hơn ai về danh nghĩa.

Một cái ngu vừa của chúa Hang là lập ra Giám ban ngang hàng với ban văn, võ, Giám ban có quyền tài chính rất lớn, thu nạp tất cả các nguồn thuế khóa trong nước. Đã thế mà Giám ban còn xâm lấn vào quyền quân sự. Bọn thái giám như Bào Quận công, Thạc Quận công cũng làm Đại tướng cầm quân đi đánh dẹp các nơi.

Giám ban có quyền tài chính, quân sự là một tổ chức lạ lùng, trong lịch sử Việt chưa triều nào có...

Chúa Hang cứ nằm trong hang mà tính việc trị nước an dân. Kết quả là nước loạn, dân không an chút nào cả!

*Lòng người đâu chẳng bạn ly,
Ếch kêu, quạ họp thiếu gì gần xa.*

Nguyễn Hữu Cầu làm giặc ở Bình Nguyên mà chống cự với Chúa Trịnh đến 10 năm trời.

Hoàng Công Chất dựa vào rừng núi động Mạnh Thiên, xưng hùng ở miền bắc Hưng Hóa gần 30 năm.

Được làm vua, thua làm giặc, Hoàng thân Lê Duy Mật chống với các Chúa Trịnh từ Nghệ An, Thanh Hóa đến Trấn Ninh hơn 30 năm.

Về danh nghĩa thì Hoàng thân tự xưng Thiên Nam Đế Tử đúng với lịch sử Hoàng gia chính phái. Đã là Thiên Nam Đế Tử thì có quyền.

- Thanh tội (kể tội bọn quyền gian).

- Trí thảo (đánh bọn quyền thần gian ác).

Các Chúa Trịnh dẫu gian ngoan đến cách mấy cũng không làm sao chối bỏ được những sự thật này.

Cái danh nghĩa phù Lê diệt Trịnh phát khởi từ năm 1740 đời Chúa Hang truyền mãi đến đời Trịnh Sâm, Trịnh Khải.

Quả đúng như lời Nguyễn Hữu Chỉnh nhận xét:

Bấy lâu họ Trịnh gian tà,

Binh kiêu, dân oán ắt là bại vong!

Họ Trịnh áp bức nhà Lê hơn 200 năm. Mãi đến đời Lê Chiêu Thống, vua Lê mới làm được một việc báo phục, đốt tiêu phủ Chúa.

KHÔN VẶT MÀ NGU TO...!

Vua Tự Đức tự phụ rằng đời ngài có nhiều văn trị không đời nào sánh kịp. Vua lập ra hai khoa thi không triều đại nào có là Nhã sĩ khoa và Cát sĩ khoa. Những người thi đỗ 2 khoa này tự coi mình có vinh dự văn chương hơn cả các vị tiến sĩ!

Vua lại tuyên bố rằng:

Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán.

Thi đáo Tùng, tuy thất Thịnh Đường.

Văn như Nguyễn Văn Siêu, Cao Bá Quát thì lần lượt được đời tiền Hán(Tây Hán).

Thơ đến như Tùng Thiện Vương thì áp đảo được đời Thịnh Đường.

Vua cũng thường nói với quần thần:

- Trẫm không ứng thí, nếu đi thi thì đỗ được Trạng nguyên.

Vua tự cho mình rất xứng đáng được làm vua nước Đại Nam (quốc hiệu có từ đời Minh Mạng) bốn ngàn năm văn hiến.

Một hôm, Vua cao hứng làm một bài thơ để bắt các quan thi chính tả. Thơ như sau:

Tiêu hà tá hán khởi vi phong

Sấn nhập trùng vi nhiều trưởng trung

Bất dụng luân tiêu phàn khoái lực

Hốt văn hàn tín tự tiêu vong!

Các quan nghe những chữ tiêu hà (tưởng là Tiêu Hà), phàn khoái (tưởng là Phàn Khoái), hàn tín (tưởng là Hàn Tín) tưởng đó là bài thơ vịnh sử nên viết sai lỗi chính tả tùm lum...

Vua xem các bài viết, bật cười bảo rằng:

- Tiêu hà là bẹ chuối, tàu sen chứ không phải là Tiêu Hà, người đã giúp Lưu Bang khởi nghĩa ở đất

Phong Bái. Phần khoái là hun đốt chứ không phải là chiến tướng. Hàn tín là tin lạnh chứ không phải là Hàn Tín làm Phá Sở Đại Nguyên Soái, người lập được nhiều chiến công, có vai trò quyết định trong việc xây dựng đế nghiệp nhà Tây Hán.

- Đây là bài thơ vịnh con muỗi không dính líu gì đến sử sách cả.

Bẹ chuối, dài sen nổi cánh rung
Sấn vào màn trướng quấy lung tung
Chẳng cần phải tốn công hun đốt
Tin lạnh vừa đưa tẩu tán cùng

Các quan văn nghe giảng, ai cũng tấm tắc nhà vua hay chữ, dùng chữ hiếm hoi và thâm thúy. Vua lại bắt các quan thi lại một bài nữa. Vì đã thua một keo rồi, phen này các quan đề cao cảnh giác. Vua đọc :

*Lâm vũ lâm ly lý lý trường
Minh minh bình chúc chiếu âm dương
Trì khu thượng hạ công danh quân
Khử thủ ly bì đắc kỷ cương?*

Lý là dặm đất, không phải chữ Lý, họ của nhà Đường. Âm dương là nơi có tiếng kêu vang không phải là khí âm, khí dương. Kỷ cương là mấy nôi, mấy trã, không phải là giếng mối đạo đức, luật pháp.

Đây là bài thơ tả thực về việc soi ếch, bắt ếch.

Vua tự diễn nôm như sau:

Vườn mậu đêm mưa ướt ngập nhầy

Thắp đèn soi khắp chỗ kêu đây

Bắt trên, tóm dưới, xâu từng chuỗi

Bỏ tróc da, kho mấy trã đây

Vua thiết triều. Không bàn luận việc nước, nước đang ở trước thảm họa nguy vong. Việc cấp bách không lo, lo chơi chữ vụn vặt. Chơi thì vui đấy nhưng nước mất thì sao?

NGU HIẾU

Sử giả Trần Trọng Kim ghi trong Việt Nam sử lược rằng

Ngài thờ đức Từ Dụ rất có hiếu. Lệ thường cứ ngày chẵn thì châu cung, ngày lẻ thì ngự triều, trong một tháng châu cung 15 lần, trừ khi đi vắng và khi se yếu. Trong 36 năm, thường vẫn như thế, không sai chút nào.

Thiệt là một thời dụng biểu kỳ lạ. Lịch sử Đông Tây kim cổ không có một ông vua nào có thời dụng biểu như thế. Nói riêng về nhà Nguyễn Gia Miêu thì vua Gia Long, vua Minh Mạng, Vua Thiệu Trị đều

không làm như thế.

Cái sáng kiến châu cung đã là một sáng kiến ích kỷ chỉ biết có bà Phạm Thị Hằng và Nguyễn Phước Hồng Nhậm mà thôi!

Ai cho phép nhà vua dùng một nửa thì giờ của quốc dân để mẹ con vui chơi với nhau, bàn tính chuyện nhà? Trước oai võ xâm lăng của thực dân Vũ Duy Trân dâng sớ, xin vua hết sức đánh giặc. Vua phê ngay vào sớ tấu rằng:

- Kim nhật thỉnh chiếu, minh nhật thỉnh chiếu, chiếu nhi bất thắng, tương trí ngô gia mẫu tử vu hà địa?

(Ngày nay xin đánh, ngày mai xin đánh, đánh như không thắng thì đặt mẹ con nhà ta vào chỗ nào?)

Vì nhà vua chỉ biết có quyền lợi mẹ con mà không biết đến quyền lợi ích dân nên Vũ Duy Trân lại phải mạo hiểm, liều chết lần nữa, dâng sớ can ngăn, nói bóng gió:

- Yến tước xử đường, mẫu tử tương bộ, lúc nhiên kỳ tương lạc, tự dĩ vi an!

(Chim én, chim sẻ ở mái nhà, mẹ con mớm mồi cho nhau, âu yếm vui vẻ, tự cho là yên ổn!)

Nhà vua lại có một quyển tập riêng để ghi chép những lời khuyên dạy của mẹ hiền, đặt cái tên là Từ huấn lục.

Không ai biết bà Từ Dũ (Dụ) dạy con những điều

gì nhưng cứ xem các hành động của vua thì chắc chắn không có lời dạy về bốn phận giữ nước, về việc xuất tiền kho mua sắm khí giới mới trang bị cho binh sĩ. Vua cũng biết khí giới của quân mình cổ lỗ, thua xa súng Tây, nhưng trong kho có sẵn một triệu lượng vàng bạc, 3 lần đủ canh tân quốc phòng mà vua không chịu chi xuất.

Cái công dụng của việc châu cung và Từ huấn lục là góp một phần hiệu quả vào việc nước mất nhà tan...

Cái ngu đem lại gần 100 năm đau buồn cho dân tộc.

NHỮNG NGÀY THÊ LƯƠNG CUỐI ĐỜI TÊ HOÀN CÔNG

Trong hàng Ngũ Bá đời Xuân Thu, Tê Hoàn Công là người lập nên nhiều thành tích chính trị, quân sự hợp đạo lý, được các nước chư hầu khâm phục.

Tê Hoàn Công trao quyền Tướng quốc cho Quản Trọng, tôn xưng là Trọng Phụ chứ không dám gọi tên.

Quản Trọng hết lòng lo việc nước, giúp Hoàn Công xây dựng nên sự nghiệp bá chủ ở phương Đông.

Trong cuộc sống bình thường hằng ngày. Hoàn

Công thân mật với ba người là Dịch Nha, Thụ Điều, Công tử Khai Phương nước Vệ.

Dịch Nha rất giỏi nghệ thuật nấu ăn. Gã đã từng chưng hấp đĩa hài nhi mới sinh được 7 ngày của gã để hiến dâng cho Hoàn Công một thức ăn quý báu, hãn hữu trong cõi hồng trần!

Thụ Điều cai quản hậu cung của Hoàn Công. Muốn tránh hết mọi chuyện dị nghị, gã đã tự thiến mất dương vật!

Khai Phương là Công tử nước Vệ đến phục dịch ở nước Tề. Để tỏ lòng trung thành tuyệt đối với vua Tề, Khai Phương không thăm viếng, không đeo tang cha mẹ.

Những cử chỉ, hành động phi thường của 3 gã đều bị Quản Trọng chê trách và khuyên Hoàn Công phải xa cách bọn tiểu nhân. Quản Trọng nói:

- Tình thương của con người, ai cũng thương con. Nhẫn tâm làm thịt con để nịnh vua, sự độc ác nham hiểm không biết thế nào mà nói cho hết được! Ai cũng yêu quý bản thân, kẻ tự thiến mình là người có những mưu đồ đen tối, những ước muốn tham bĩ khác thường! Làm con nên có lòng hiếu thuận, người bất hiếu có bao giờ làm được kẻ trung thần?

Đến ngày lâm chung, Quản Trọng còn nhắc lại những lời khuyên răn chí lý đó. Hoàn Công tuổi quá

lục tuần, thể lực suy kém, chỉ muốn được sống yên vui.

Ở nước Tề cũng có một ẩn sĩ vô danh dâng cho Hoàn Công một bài sấm có 6 chữ “nhất nạn, nhị nạn, tam nạn”

Hoàn Công vừa tuân theo lời di giáo của Quản Trọng vừa sợ sấm ngữ nên cách chức đuổi hết bọn Dịch Nha, Thụ Điều, Khai Phương về vườn.

Ngặt vì... không có Dịch Nha thì Hoàn Công ăn uống không thấy ngon, không có Thụ Điều thì ở chốn hậu cung thiếu người quản lý sinh ra lộn xộn, không có Khai Phương thì thiếu hẳn trật tự trong những buổi thiết triều.

Hoàn Công cảm thấy cuộc đời buồn tẻ nên lại gọi bọn ấy trở về, cho phục chức làm việc như cũ.

Chẳng bao lâu Hoàn Công đau nặng, nằm liệt trên giường. CƠM không có mà ăn, nước không có mà uống. Hối hận rằng:

- Lời nói của các bậc thánh nhân thực là có kiến thức sâu xa. Nếu người chết có linh thiêng, ta còn mặt mũi nào trông thấy Trọng Phụ ở dưới chốn suối vàng!

Bọn Dịch Nha, Thụ Điều, Khai Phương khởi binh làm loạn trong chốn cung đình, gã nào cũng dùng một vị công tử làm bù nhìn bình phong để tranh ngôi vua với Thái tử Chiêu.

Tề Hoàn Công nằm chết một mình, dòi bọ lúc

nhúc đục khoét thân thể. Mãi đến hơn hai tháng sau mới có người phát giác, lúc bấy giờ mới thấy trên ngực sàng một bộ xương khô...

Dịch Nha lập Công tử Võ Khuy lên làm vua nước Tề. Thái tử Chiêu chạy sang nước Tống. Tống Tướng Công liên hiệp sinh lực các nước Tống, Tào, Vệ đưa Thái tử Chiêu về bản quốc. Võ Khuy chạy trốn.

Thái tử Chiêu lên làm vua. Ấy là Tề Hiếu Công. Nhờ có những khuôn phép di lưu của Quản Trọng, nên sau thời loạn ly, suy yếu, nước Tề lại hưng thịnh lên được.

Xét sự nghiệp bá chủ của nước Tề, năm 685 Quản Trọng cầm quyền Tướng quốc, chỉnh đốn nội trị, ngoại giao. Tề Hoàn Công 9 lần họp chư hầu, uy thế mới dần dần nổi lên được. Năm 645 TCN Quản Trọng qua đời. Hai năm sau, Tề Hoàn Công cũng hoẵng (Vua chư hầu chết gọi là hoẵng)

Hơn 40 năm, phương Đông hưởng cuộc sống bình trị. Khổng Phu Tử phê bình sự nghiệp Tề Hoàn Công là “chính nhi bất quyết”, trung chính không dùng xảo thuật lừa người.

Giá như cuối đời mà Tề Hoàn Công không triệu hồi bọn Dịch Nha, Thụ Điều, Khai Phương thì đã tránh được “Tam nạn”...

I. TỪ CÁI NGU CỦA THÔI TRỨ ĐẾN...

Thôi Trử đã đến tuổi thất tuần còn ham cưới vợ trẻ đẹp là Đông Quách Khương. Tề Trang Công được ngôi vua nước Tề là nhờ Thôi Trử trước kia phù lập. Trang Công thường đến chơi nhà Thôi Trử rồi cùng Đông Quách Khương thông gian.

Một hôm, Trang Công đến chơi nhà Thôi Trử, mượn tiếng thăm bệnh gia chủ. Chỉ nghe có tiếng Đông Quách Khương ngâm nga ở sau nhà. Trang Công cho là cơ hội tốt để có thể cùng với nàng tính chuyện ái ân. Nhân cao hứng bèn ca bài “Đông phương chi nhập” để gợi ý. Ca rằng:

Phương đông mặt trời đã lên a, chói sáng lò

Em gái nhỏ vào phòng ta

Vào phòng ta, nằm giường ta a!

Đang say sưa ca hát thì bỗng nhiên có người đem binh sĩ đến bao vây. Thôi Trử sai bọn vệ sĩ gươm giáo sáng ngời, đóng hết cửa nhà trước. Trang Công trèo lên lầu, nói xuống với bọn giáp sĩ, hứa phong quan chức cho toàn thể. Vô hiệu! chúng khăng khăng đòi Trang Công phải lìa trần gian. Thế là Trang Công bị bắn rớt xuống lầu.

Thôi Trử sát hại Trang Công, rửa được mối hận tình nhưng lo ngại sử quan chép đúng sự thật thì mắc tội thối nghịch. Bèn dùng quan tước và tiền bạc dụ dỗ những sử quan cứ làm đúng phận sự của mình. Thôi Trử nổi

giận, giết luôn 3 anh em sử quan vì ông nào cũng ghi chép trung thực rằng: Thôi Trử giết vua tên là Quang.

Lại có quan Nam Sử lo sợ thật bị chôn lấp nên cũng sẵn sàng cầm thẻ ghi lại sự việc cho minh bạch!

Thôi Trử không làm thế nào được, nuốt hận than rằng:

- Thôi thế là ta mang tiếng xấu muôn đời.

Thôi Trử lập người em khác mẹ của Trang Công là Chử Cửu lên làm vua Tề, tự mình làm chức Hữu tướng, chia cho bạn đồng lứa là Khánh Phong làm chức Tả tướng. Quyền chính nước Tề về hết trong tay hai gã quyền gian.

Tấn Bình Công thấy nước Tề suy yếu, hưng binh vấn tội. Thôi Trử, Khánh Phong lo sợ, đem các đồ trân châu bảo ngọc đến hiến cho vua Tấn để cầu hòa. Các tướng lĩnh nước Tấn đều được tặng phẩm giá trị. Quân sĩ được đãi tiệc linh đình.

Quân Tấn sau khi thu phục được đất Triều Ca, kéo hết về nước. Thôi Trử, Khánh Phong hưởng được vài năm hạnh phúc bình yên.

Nhưng làm chuyện đại ác thì có hưởng phước lâu dài thế nào được? Con em nhà họ Thôi tranh giành quyền vị, tài sản với nhau. Bọn Thôi Thành, Thôi Cường (con đời vợ đầu) bị lũ em là Thôi Minh, Đường Vô Cửu (anh em cùng mẹ khác cha) giành giữ Thôi Ấp

là ấp hương hỏa nhà họ Thôi. Cả bọn kéo đến cửa Khánh Phong nhờ phân xử. Chúng kiện cáo lẫn nhau lung tung. Lũ con đời vợ đầu buộc tội rằng:

- Cha tôi tuổi già lú lẫn, nghe lời xúi dại của Đông Quách Khương gây tổn hại cho gia tộc họ Thôi. Chúng tôi nhờ bác phân xử giúp...

Gia thần (bầy tôi riêng ở trong nhà) của Khánh Phong là Lư Bồ Niết tiến lên, bảo chủ nhân rằng:

- Họ Thôi là đối thủ của họ Khánh. Nay trời chán họ Thôi, đó chính là cơ hội tốt cho họ Khánh thịnh đạt một mình. Ngài sớm quyết định cho.

Khánh Phong gật đầu đồng ý.

Sau đó ít lâu, anh em họ Thôi bức bách Đông Quách Khương phải treo cổ tự sát. Thôi Trử thất thế nguy cấp, liền chạy đến cầu cứu Khánh Phong. Khánh Phong sai Lư Bồ Niết đem quân vây đánh phủ đệ họ Thôi, giết chết Thôi Thành, Thôi Cường bắt hết già trẻ lớn bé nhà họ Thôi làm tù binh, nổi lửa thiêu đốt lâu đài, ném các tử thi vào lửa đỏ, rồi mới đem giáp sĩ trở về, báo tin toàn thắng, dẹp xong bọn nghịch tử. Thôi Trử trở về phủ đệ của mình, thấy cảnh tượng tàn phá điêu tàn, hối hận mình đã mở đường cho đối thủ can thiệp. Bây giờ con chết, vợ mất, cơ nghiệp tiêu tan. Buồn quá cũng thất cổ chết luôn. Trước khi chết còn nguyện rửa họ Khánh sẽ biến thành quỷ dữ báo thù.

Họ Thôi tuyệt diệt. Đại quyền nước Tề về tay họ Khánh. Khánh Phong vốn không có tài năng gì về quốc chính, chỉ thích uống rượu, săn bắn vui chơi, nên sai con là Khánh Xá thay thế mình xử các công việc quốc gia.

Bề tôi cũ của Trang Công là Lư Bồ Quý trốn tránh ở nước Tấn trở về, Khánh Xá tin dùng và gả con gái cho Lư Bồ Quý. Lư Bồ Quý nhắn tin cho bạn là Vương Hà về nước Tề, giúp việc cho họ Khánh. Từ đó, Lư Bồ Quý và Vương Hà là hai người thân tín của họ Khánh đương tại chức, tại quyền.

Tề Cảnh Công chỉ làm bù nhìn mà thôi vậy, Công tộc nước Tề là Tử Nhã, Tử Vỹ bất bình về việc mất phần, công thiện, lệ định cấp cho mỗi quan lớn mỗi bữa ăn tại phiên triều là hai con gà. Bọn quan lại phụ trách việc này thấy vua Tề vô quyền nên lấy thịt vịt thế vào, sau lại chỉ còn có nước luộc vịt!

Tử Nhã, Tử Vỹ kết bạn được Lư Bồ Quý, Vương Hà. Cả bọn chờ thời cơ hành động. Lư Bồ Quý và Vương Hà bói được một quẻ, đem đến nhờ Khánh Xá luận đoán, coi thử việc đánh kẻ thù có thắng lợi không, Khánh Xá xem quẻ đáp rằng:

- Đánh được, trong quẻ có câu “con hổ đời huyết, con hưu thất huyết” bọn này chết đến nơi rồi! Lư Bồ Quý, Vương Hà đồng cảm tạ tài đoán quẻ cao minh của Khánh Xá.

Đầu mùa Đông, Khánh Phong đi săn. Trần Vô Vũ phải đi theo hầu. Được nửa tháng, Trần Vô Vũ được tin cha nhắn nên xin nghỉ giả hạn về thăm mẹ bệnh nặng. Khánh Phong tỏ ý ân cần, bói dùm cho Trần Vô Vũ một quẻ. Quẻ xấu lắm, chắc chết nay mai. Trần Vô Vũ vật mình gào khóc. Khánh Phong phải cho phép nghỉ.

Người em họ của Khánh Phong là Khánh Tự thấy Trần Vô Vũ về một mình, bèn kêu lên rằng:

- Tai họa lớn sắp xảy ra.

Rồi khuyên Khánh Phong nên trở về gấp để đối phó với các sự nguy hiểm. Khánh Phong cự tuyệt, không thềm nghe. Khánh Tự thở dài, bảo gia thuộc của mình rằng:

- Phải chạy trốn cho mau. Nếu như ở nước Ngô, nước Việt mà chúng ta tìm được mảnh đất nương thân thì thiệt là vạn hạnh!

II. ÂM MƯU CỦA LƯ BỒ QUÍ – VƯƠNG HÀ

Lư Bồ Quý và các bạn đồng chí tiến hành âm mưu rất là bí ẩn, nhưng vợ Lư Bồ Quý vốn là con gái Khánh Xá, đánh hơi biết được sự việc nghiêm trọng, bảo chồng rằng:

- Anh có chuyện gì phải nói thật với em, em sẽ giúp cho một tay. Nếu không công việc sẽ thất bại. Lư Bồ Quý hoảng sợ, đành phải thú thật. Vợ bảo:

- Tính cha em kỳ lắm, bướng lắm, không chịu lời

thuộc hạ bao giờ. Như muốn khuyên ông đi về phía Tây thì phải khuyên đi về phía Đông; như muốn ông ra đi thì phải khuyên nên ở nhà.

Rồi đó, vợ Lư Bồ Quý về thăm cha bảo rằng:

- Nghe chừng có người muốn làm hại phụ thân.

Khánh Xá nghe chưa dứt câu, đã vội gạt đi:

- Những đứa phản loạn đã bị giết hết cả rồi. Những thằng trốn tránh thì đổ có thằng nào dám lộ mặt ra!

Đến kỳ thường tế ở miếu Thái Công. Khánh Xá đem giáp sĩ tùy tùng đến dự lễ. Giáp sĩ dàn hình vòng cung, cảnh giới ở phía ngoài. Tề Cảnh Công cùng các quan trong triều tế bái rất náo nhiệt.

Bỗng nghe có tiếng đàn sáo rộn rã ở bên ngoài. Trần Vô Vũ đem một bọn nhạc công đến biểu diễn ca xướng. Bọn giáp sĩ của Khánh Xá hè nhau đi coi. Thực hiện được kế “điệu hổ ly sơn” (dụ cọp xa rừng) bọn Tử Nhã, Tử Vỹ, Trần Vô Vũ. Lư Bồ Quý dẫn gia binh vây miếu Thái Công. Khánh Xá kinh sợ rụng rời, nhất là khi thấy Lư Bồ Quý, Vương Hà cầm khí giới dẫn đầu quân đối nghịch. Khánh Xá không có khí giới, không chạy thoát được bị bắn chết tại miếu.

Khánh Phong đi săn về, được tin binh biến, đem võ sĩ đến vây thành. Tử Nhã, Tử Vỹ, Trần Vô Vũ cố thủ nghiêm mật. Khánh Phong sợ có binh cứu viện cho Trần

Vô Vũ thì họ có cái thế lưỡng hạ giáp công, trong đánh ra ngoài đánh vào, mình lâm trận ở giữa vòng thì bất lợi... nên phải rút quân chạy cho mau về hướng nước Ngô. Vua Ngô Di Muội là người hâm mộ văn hóa các nước phương Bắc, cho phép Khánh Phong ở đất Chu Phương. Đất rộng, người thưa, sức đất lại phì nhiêu, Khánh Phong đồn trú ở đó, chẳng bao lâu làm nên cơ nghiệp hào phú còn hơn ở nước Tề.

Có người thắc mắc than rằng:

- Sao trời lại giúp phường gian?

Nhà hiền triết Huệ Bá nói:

- Người thiện mà giàu thì là trời thương. Người ác mà giàu thì là trời sắp giết nó.

Trời sắp diệt họ Khánh nên khiến bọn nó quy tụ vào một nơi.

Sau đó 8 năm, Sở Linh Vương cướp được ngôi vua nước Sở, thống lĩnh liên quân đánh nước Ngô. Quân Sở bắt được Khánh Phong, vua Sở muốn đem Khánh Phong làm một trò cười cho chư hầu nên đích thân ngồi phán xử. Bắt Khánh Phong phải tự kể tội mình.

Quan đại phu Thúc Cử can vua Sở rằng:

- Kể nào tự xét mình không có tội vết nhơ bần thì mới có quyền xét xử người khác. Nay nhà vua bắt buộc Khánh Phong như vậy, lỡ khi ra trước mặt chư hầu, nó nói những điều bất lợi cho nhà vua thì làm thế nào?

Sở Linh Vương không nghe lời can gián, cứ muốn bắt Khánh Phong nói rằng:

- Xin đừng ai bắt chước Khánh Phong ở nước Tề, Khánh Phong có tội giết vua, khinh dễ tự quân, bức bách các quan trong triều phải thề trung thành với gã!

Khánh Phong bị bắt buộc diễn tập vài lần. Sở Linh Vương cho là đã thuận thực bèn sai gông giải Khánh Phong đi trước, tự mình đốc thúc theo sau. Đến trước mặt chư hầu, Khánh Phong la to lên rằng:

- 'Im lặng nghe đây. Đừng có ai bắt chước Công tử Vi, giết quốc quân, cướp ngôi vua, bắt chư hầu phải thề trung thành với nó!

Sở Linh Vương nghe mấy lời đó, then toát mồ hôi. Hối quân sĩ hạ thủ cho mau, Khánh Phong bị băm nát như bùn, Sở Linh Vương truyền lệnh tru diệt hết toàn thể gia tộc họ Khánh.

Họ Thôi, họ Khánh đều bị quả báo khốc liệt, cái đó đã đành. Chỉ đáng tức cười về cái ngu của Sở Linh Vương tự dựng hiến một tấn hài kịch cho chư hầu đàm tiếu...

NGU VÌ MIẾNG ĂN

I. MÓN VƯƠNG BÁT THANG Ở TRIỀU ĐÌNH NƯỚC TRỊNH

Trịnh Công tử Di lên làm vua. Nước Sở gửi tặng một con ngươn rất lớn. Ngươn thuộc loài rùa biển thịt trắng thơm ngon. Gửi tặng món ăn ngon là để tỏ tình hòa hiếu.

Công tử Tống, Công tử Qui Sinh đều làm quan Đại phụ tại triều. Một hôm, cả hai vị đều đến triều yết kiến Trịnh Linh Công. Gặp nhau ở ngoài cửa điện, công tử Tống bảo công tử Qui Sinh rằng:

- Tôi có ngón thực chỉ (ngón tay trở) rất linh. Hôm nào tự nhiên nó rung động là hôm ấy tôi được ăn một món đặc biệt ngon quý. Hôm nay nó lại động tôi chắc sẽ được ăn sơn hào, hải vị gì đây. Anh cứ đi theo tôi, thế nào cũng được ăn kè!

Cả hai vào triều, tâu bày qua loa các sự việc. Công tử Gia (tức là công tử Qui Sinh) trả lời không trúng các câu hỏi của Trịnh Linh Công. Vị vua thanh niên này bực mình hỏi nguyên do sự lơ đãng, đãng trí ấy. Công tử Tống đỡ lời đáp rằng:

- Thần có ngón trực chỉ rất linh ứng. Hễ mỗi lần tự nhiên nó động là thần có món ăn ngon. Hôm nay nó lại động. Công tử gia mãi suy nghĩ về chuyện ngón tay thần

kỳ nên lơ đãng...

Những tưởng kể chuyện thực chỉ là mua cười cho nhà vua, bất ngờ Trịnh Linh Công chau mày bảo rằng:

- Ngón thực chỉ linh hay không linh là còn tùy thuộc vào ta nữa chứ? Ta không cho nó linh lại không được sao?

Hai vị công tử thấy vua cáu gắt, nấn ná một lát rồi tìm cách cáo thoái. Nhưng không đi về nhà liền, quanh quẩn đôi vòng rồi cả hai ghé vào nhà bếp của vua mà dò xem coi có món gì quý lạ. Vừa lúc đó, tên đầu bếp đang nấu thịt con ngươn tức là con giải, con vích mà các nhà quý tộc phương Bắc gọi là cá trảo nhi hay vương bát. Mùi thơm quyến rũ, hai vị công tử mỗi người ẵm một miếng rồi mới chịu lui về dứt khoát. Tên đầu bếp hoảng sợ, tâu trình sự việc ăn hỗn ấy lên Trịnh Linh Công. Hôm ấy, vua thiết tiệc các quan triều, có ý muốn khoe mình có uy tín, cường quốc láng giềng phải kiêng nể.

Bất ngờ xảy ra chuyện ăn hỗn vô duyên..., vua bực mình mà các quan cũng không vui, ăn uống qua loa rồi kiếm cớ tháo hự. Trịnh Linh Công lại càng cáu giận, các quan đều lo sợ cho tính mạng của Công tử Tống. Công tử Tống cũng cảm thấy nguy, nghĩ đến cách giết vua để tự vệ. Bèn đi rủ Công tử Qui Sinh đồng mưu với mình. Công tử Qui Sinh bảo rằng:

- Con vật mà mình nuôi lâu ngày, mình còn chưa

nữ giết huống hồ là một vị quốc quân.

Khi hai vị Công tử còn đương nói chuyện, một tên kỵ mã của Công tử Tống cỡi ngựa chạy tới bảo rằng:

- Này quan Đại phu! Tôi đã nghe rõ sự việc. Hôm qua ngài nói với chủ nhân tôi rằng “Thằng ấy lên được đài rồi không biết phải trái gì cả. Chúng ta đưa nó lên được thì chúng ta hạ nó xuống được, chứ sao?”

Công tử Qui Sinh thấy rằng cãi lầy với quân tiểu nhân thì mệt lắm, bất đắc dĩ phải thuận theo Công tử Tống.

Mấy ngày sau, Trịnh Linh Công bị giết ở chốn triều đường. Ai cũng biết là Công tử Tống chủ mưu. Nhưng chú của công tử Tống bắt sử quan chép rằng:

- Công tử Qui Sinh thí vua.

Lại thông báo cho các nước chư hầu như vậy.

Vì chuyện một miếng ăn mà giết vua, sự việc diễn tiến lạ lùng, xưa nay chưa từng nghe thấy. Công tử Tống, Công tử Qui Sinh cố nhiên là có tội nhưng Trịnh Linh Công không phải là hoàn toàn không có lỗi đâu!

II. TRÁI XOÀI Ở TRIỀU TRẦN THÁNH TÔNG

Trần Thánh Tông là ông vua thứ hai đời nhà Trần. Ngài là một ông vua hiền hữu, biết thương anh em, sấm đậm lớn, gối dài để anh em cùng ngủ chung với nhau. Ngài cũng thường chia sẻ những thức ăn ngon cho các quan.

Một hôm, có người dâng lên cho ngài một giỏ xoài lớn, tươi ngon. Theo thực phổ thời ấy, xoài là quả phẩm ngon bậc nhất. Ngài truyền lệnh phân phát cho các quan mỗi người một quả để vua tôi cùng hưởng cho vui. Viên quan phụ trách việc phân phát, đếm lộn một số nên đến chỗ Hoàng Cự Đà thì vừa hết xoài. Ai nấy đều có phần, chỉ một mình Hoàng Cự Đà buồn bực lắm.

Ít năm sau, quân Mông Cổ do Ngột Lương Cáp Đài chỉ huy sang xâm lược nước ta. Vua Trần Thánh Tông phải bỏ thành mà chạy. Thuyền vua đang lênh dênh mặt nước, bỗng gặp chiếc thuyền của Hoàng Cự Đà. Vua sai người hỏi thăm tin tức quân giặc. Hoàng Cự Đà lớn tiếng trả lời rằng:

- Ngài cứ đi tìm mấy thằng ăn xoài ngày trước mà hỏi!

Nói xong chèo thuyền đi thẳng, bỏ mặc vua trên sông. Khi đuổi được quân của Ngột Lương Cáp Đài rồi, các quan xin đem Hoàng Cự Đà ra trị tội. Vua Thánh Tông bảo:

- Đó là cái lỗi của ta!

Rồi cứ cho Hoàng Cự Đà ở lại trong quân với chức vị cũ để cho y có dịp lập công chuộc tội.

Độ lượng của một ông vua thanh minh đã cảm hóa được sự ngu si của một quan võ ít học.

III. MẠNG VUA TRỊ GIÁ BẰNG MỘT GIÒ HEO

Đây là mạng của Po Binaswar, sử ta gọi là Chế Bồng Nga.

Chế Bồng Nga là ông vua hùng võ bậc nhất của sử Chiêm Thành. Vua lên ngôi từ năm 1360, thí nghiệm binh lực bằng cách đánh châu Đà Lý nước Việt.

Năm 1376, vua đại thắng quân Việt ở động Kỳ Mang. Vua Việt là Trần Duệ Tông tử trận. Thân vương là Ngự Câu Vương Trần Huân bị bắt phải xin hàng.

Vua Chiêm mấy lần đem binh ra Thăng Long. Vua Trần Nghệ Tông phải chạy sang Bắc Ninh, đem vàng bạc châu báu lên chôn giấu ở núi Thiên Xien. Các tướng Việt như Đỗ Tử Bình, Hồ Quý Ly nghe uy danh Chế Bồng Nga đem thủy quân ra đóng ở sông Hải Triều (Hưng Yên) Trần Nghệ Tông lại cứ theo đường lánh nạn thường lệ, chạy sang Bắc Ninh. Trần Khái Châu, Hồ Quý Ly được lệnh nghênh chiến...

Thủy quân Chiêm đóng ở bờ phía Nam, thủy quân và lục quân Việt đóng ở bờ sông phía Bắc. Quân hai bên đều lo chiếm thủy thế và địa thế, trừng trừng đối diện chứ chưa giao phong.

Chiều ngày 24 tháng giêng, tên đầu bếp của Chế Bồng Nga dâng lên vua món giò heo hầm chưa được rục. Vua ném thấy không được ngon, sai nọc tên đầu bếp, đánh cho 30 hèo. Đêm ấy thừa lúc tối trời, tên đầu

bếp bơi thuyền nhỏ qua sông, trình báo tường tận quân hình, binh thế của Chế Bồng Nga trực tiếp cai quản, chỉ huy. Sáng ngày 25, hai bên mở trận đánh nhau. Bao nhiêu tên đạn của quân Việt hướng vào thuyền Chế Bồng Nga mà nã tới. Ngay từ hiệp đầu, vào giờ Thìn, Chế Bồng Nga đã bị trúng đạn chết.

Trần Nguyên Diệu, tôn thất nhà Trần, trước đã hàng quân Chiêm, giờ lại trở mặt, chém đầu Chế Bồng Nga, đem qua trại quân Việt mà dâng nộp. Bất ngờ gặp tướng Phạm Nhữ Lạc quát mắng rằng:

- Mày là lá ngọc cành vàng cứ sao lại hàng giặc?

Rồi thừa lúc Trần Nguyên Diệu chưa kịp đề phòng, Phạm Nhữ Lạc thẳng cánh chém một gươm... Trần Nguyên Diệu chết rồi, Phạm Nhữ Lạc tức tốc đi tìm vua Trần Nghệ Tông mà báo tiếp.

Tướng Chiêm là La Khải thu góp tàn quân, trở về Chiêm Thành lên ngôi vua. Hai người con của Chế Bồng Nga là Chế Ma Nô Đả Nan và em đều phải quy hàng vua Đại Việt.

Một cái giò heo mà đổi được mạng một ông vua, làm sụp đổ cả một triều đại!!! Sự việc quái dị đến thế là cùng... .

IV. HAI TRÁI ĐÀO GIẾT BA ÔNG TƯỚNG

Ba ông tướng ấy là:

- Công Tôn Tiệp đã có công giết cọp ở núi Thái

Sơn để bảo vệ cho xa giá vua Tề được an toàn trong một cuộc tuần du miền núi.

- Cổ Dã Tử đã có công đánh thắng thủy quái ở sông Hoàng Hà, giữ cho du thuyền của vua khỏi bị lật úp.

- Điền Khai Cương đánh tan 500 quân của vua nước Từ khiến cho nước Tề có thêm một chư hầu triều cống, làm cho uy thế nước Tề lừng lẫy suốt bán đảo Sơn Đông.

Dân địa phương gọi ba người đó là Tam kiệt.

Vua nước Tề và vua nước Lỗ hội nhau ở Lâm Tri, kinh đô nước Tề. Có người tiến dâng mấy quả bàn đào. Sau khi hai vua thưởng thức xong, quan tướng lễ là Án Anh tâu với vua Tề rằng:

- Bàn đào còn dư, xin nhà vua cho phép các quan, ai có công đáng ăn đào thì tâu lên để nhận phần thưởng.

Vua Tề đồng ý, Án Anh bèn rao lệnh khen thưởng. Công Tôn Tiệp và Cổ Dã Tử đều được ăn đào. Đến lượt Điền Khai Cương, một chén rượu để đợi mùa đào năm sau! Điền Khai Cương bất bình, nói lớn rằng:

- Tôi có công chinh phục chư hầu mà không được ăn đào, chịu nhục trước mặt hai vua, để tiếng cười cho hậu thế. Vậy thì còn sống làm chi nữa?

Nói xong, rút gươm tự sát.

Công Tôn Tiệp, Cổ Dã Tử đều hối hận rằng:

- Chúng ta đã kết bạn sinh tử với nhau. Nay ăn đào, mà không biết nhường nhịn, người đời sẽ chê cười, còn gì là phẩm hạnh của Tam Kiệt nữa? Thà cùng chết với nhau còn hơn!

Rồi cả hai người tự sát.

Vua Lỗ than tiếc, vua Tề buồn giận ngơ. Án Anh tiến lên, nói rằng:

- Ba người ấy chẳng qua là những kẻ dưng phu để cho Quốc quân sai khiến mà thôi. Việc sống chết của họ không phương hại gì đến uy thế nước Tề. Nước Tề còn có những kẻ sĩ, văn thì đủ tài tế thế kinh bang, võ thì đủ sức an biên định quốc.

Vua Tề nghe nói, nét mặt lại tươi tỉnh lên.

Nước Yên tiếp giáp với bờ cõi nước Tề, nghe tin Tam Kiệt đã chết hết, liền cử binh xâm phạm những thành ấp ở phần Bắc nước Tề. Án Anh tiến cử Điền Nhương Thư làm Nguyên soái. Điền Nhương Thư trị quân rất nghiêm, quân Tề chưa phải đánh trận nào mà quân Yên nghe thanh thế đã rút lui ra khỏi biên giới.

Về sau, vào đời Tam Quốc, Gia Cát Lượng có làm bài Lương Phụ ngâm, chê Án Anh không giá ngự được bọn Tam Kiệt. Tương truyền bài ấy như sau:

Đông trướng Tề thành môn,

Dao vọng dăng âm lý.

Lý trung hữu tam phần,

Điệp điệp chính tương tự...

Văn thị thùy gia tử?

*

Điền Cương, Cổ Dã Tử,

Văn năng bài Nam Sơn

Vũ năng tuyệt địa cử.

Nhất triều bị sàm ngôn:

Nhị đào sát tam sĩ!

Thùy năng vi thử mưu?

Tướng quốc Tề án tử!

Dịch:

Thành Tề lên cửa phía đông,

Bóng cây rậm mát, xa trông ba mờ.

Hỏi ai năm đó bao giờ?

*

Điền Cương, Dã Tử từ xưa chôn vùi.

Võ thì tuyệt diệu hơn đời,

Văn thì đủ sức đổi đời Nam Sơn.

Một hôm trúng kế sàm ngôn,

Bàn đào hai trái mà chôn ba người!

Ai bày kế hiểm, thử coi...

Ấy quan Tướng quốc tên thời Án Anh.

Gia Cát Lượng tự cho mình có tài hơn Án Anh vì mình điều khiển được 5 tướng của Thục Tiên chủ (Lưu Bị) Ngũ Hổ tướng là Quan, Trương, Triệu, Mã, Hoàng. Ngũ Hổ thì nhiều hơn Tam Kiệt. Gia Cát Lượng không mưu hại một ai cả, chỉ có Quan Vũ bỏ mất Kinh Châu, gây tổn thất lớn cho Lưu Bị mà thôi! Gia Cát Lượng phải chịu trách nhiệm lớn nhất về sự tổn hại vì chính ông bàn giao việc Kinh Châu cho Quan Vũ.

Án Anh không bỏ mất miếng đất nào của nước Tề cả.

VĂN THƠ VÀ NGỤC ĐÁ

Cự chủ Derys ở thị trấn Syracuse trên đảo Sicile là một bạo chúa có tài hùng võ. Ông đánh đuổi được quân Gia Thái Cơ ra khỏi đảo này, mở mang thế lực thị trấn Syracuse hùng cường, và nắm quyền cai trị gần bốn mươi năm.

Đôi khi ông cao hứng làm vài bài thơ con cóc và cứ đinh ninh rằng đó là những thi phẩm tuyệt diệu. Tự tin như thế, ông muốn những người khác, nhất là văn sĩ, thi sĩ phải đồng ý với ông. Ông kiến trúc được những nhà ngục đá đục thẳng vào sườn núi đá, nhốt tù vào đó không sợ đứa nào trốn thoát được cả. Lịch sử phải công

nhận đó là những nhà tù bảo đảm nhất xưa nay.

Một hôm, ông làm xong bài thơ, coi như vừa đánh thắng một trận lớn. Ông cho các nhà văn, nhà thơ hội họp đông đảo, tự do phê bình. Thi sĩ Philoxène ngây thơ, tưởng rằng ông nói thật tình nên cũng bình luận thật tình. Lời thật mất lòng, Cự Chủ Denys bùng bùng nổi giận, truyền giam Philoxène vào ngục đá. Cho mày vào đó mặc sức phê bình!

Được ít lâu, Cự Chủ nguôi giận, và cứ theo thường lệ, sáng tác vài bài, ông ra lệnh áp giải Philoxène ra khỏi ngục đá và hỏi ý kiến nhà thơ về những bài thơ mới làm. Lần này Philoxène rút kinh nghiệm lần trước, không phát biểu ý kiến gì cả. Ông chỉ quay lại, bảo bọn lính áp giải rằng:

- Các anh làm ơn đưa tôi trở về ngục đá đi!

Cự Chủ Denys sửng sốt, nhưng lần này ông không ra lệnh tống giam nữa.

Thi sĩ bất khuất vẫn là thi sĩ bất khuất. Bạo chúa đây uy quyền vẫn là bạo chúa đây uy quyền. Đường ai nấy đi, không làm phiền ai nữa.

*

* *

Chu Nguyên Chương, người sáng lập ra triều đại nhà Minh, thích làm thơ và tự tin rằng thơ của mình là thứ thơ tuyệt diệu. Nhà vua có bài thơ đề vịnh hoa cúc,

tự ca tụng mình.

*Bách hoa phát thì, ngã bất phát.
Ngã nhất phát thì, giai thác lạc.
Yếu dữ tây phong nhất chiến trường.
Mãn thân phi tị hoàng kim giáp!*

Nghĩa là:

Trăm hoa đua nở, ta chưa nở
Ta nở ra thì đẹp rực rỡ,
Đánh nhau một trận cùng gió tây.
Giáp vàng phủ mình không chổ hở!

Cố nhiên là không thiếu gì nhưng nhà phê bình nịnh thần tán tụng rằng: hàng hàng châu ngọc, lời lời gấm thêu!

Một lần nào đó, nhà vua đi viếng cảnh chùa. Rồi cũng theo thường lệ, làm một bài thơ, viết ngay vào vách tường. Sư trụ trì không biết đó là bài thơ của vua (vì vua vi hành), nên đem nước rửa mất tiêu bài thơ, sợ để lại thì có hại cho thẩm mỹ. Vua nổi giận, quở mắng. Sư trụ trì sợ hãi quá, làm một bài thơ tạ tội rằng:

*Ngự chế thi đề, bất cảm lưu,
Lưu lai chỉ khứng quỷ thần sầu!
Cố tương pháp thủy khinh khinh tẩy,
Thượng hữu hàn quang xạ Đẩu Ngưu!*

Nghĩa là:

Ngự chế bài thơ, dám để lâu
Để lâu thì sợ quỷ thần sầu
Nên đem nước phép lo chùi rửa
Hơi lạnh xông tràn đến Đầu Ngưu.

Có lẽ vì xuất thân là thầy tu ở chùa Hoàng Giác nên vua nường nhẹ tay với đồng nghiệp ngày xưa. Vua chỉ quở mắng sơ sài chứ không chém giết có lẽ cũng vì sự trụ trì khéo xưng tụng thơ vua có hiệu lực làm cho quý khốc, thần kinh... Như thế đích thị vua là một đế vương chân mạng.

Nhà Minh hưởng nước 276 năm, gần bằng nhà Đường.

CÁI NGU TRƯỜNG HẬN

Khó có một tình duyên nào nhiều chất trữ tình hoa lệ như cuộc tình của Đường Minh Hoàng – Dương Quý Phi.

Không có một tình sử nào nhiều chất hoang dã, phi luân lý đạo đức bằng.

Không có một tình sử nào tác hại cho Trung Quốc

lớn hơn và lâu dài hơn!

Khởi thủy, Đường Minh Hoàng cảm thấy quạnh hiu, cuộc đời vô vị sau khi Vũ Hương Phi lìa bỏ trần gian. Vua muốn kiếm một người tuyệt đẹp để lấp vào chỗ trống đó.

Cao Lực Sĩ mách với vua rằng: Thọ Vương Phi rất đẹp. Thọ Vương là tước hiệu con trai thứ 16 Đường Minh Hoàng. Cha cướp vợ con (phụ đoạt tử phi) là chuyện rất khó coi. Vậy phải bố trí thế nào để cải biến tông tích, lý lịch. Thọ Vương Phi là Dương Ngọc Hoàn phải đi tu tiên. Tu tiên để giữ nguyên mái tóc. Vậy là nữ đạo sĩ Thái Chân xuất hiện vào thân thế Dương Ngọc Hoàn. Vua Minh Hoàng đến đạo quán rước nàng về, kết nạp vào hậu cung.

Chị em của nàng được phong làm Phu nhân như Tàn Quốc Phu nhân, Quốc Quốc Phu Nhân.

Tùng huynh của Dương Quý Phi là Dương Quốc Trung thay thế Lý Lâm Phủ là Thừa tướng.

Một sự vinh hoa phú quý không tiền khoáng hậu tập trung vào nhà họ Dương.

Một cuộc đi tắm suối nước khoáng của nàng cũng tốn đến 4 vạn quan tiền.

Bình sĩ, dân chúng phải phục dịch rất là khổ sở. Nàng mập, mùa nóng bức thường đi tắm suối, bình thường thích ăn trái vải Lệ Chi. Lệ Chi ở Giao Châu

ngon nhất. Thế là ngựa trạm chạy suốt ngày để đưa trái cây từ Giao Châu về Trường An, đường xa hàng vạn dặm.

Người đương thời có câu:

Nhất kỵ hồng trần, Phi Tử tiếu,

Vô nhân tri thị lệ chi lai!

Nghĩa là thấy ngựa chạy rầm rập suốt ngày đêm, bụi hồng bay lên mù mịt, người ta tưởng có quốc gia đại sự gì. Nhưng không! Quý Phi mỉm cười vì những con ngựa đó chở trái vải. Dân binh khổ sở về việc vận chuyển. Triều đình đâu có để ý đến việc này.

Lại cũng không có một ăn trộm ái tình khốn nạn dê mặt bằng chuyện Dương Quý Phi ngoại tình với An Lộc Sơn. An Lộc Sơn là viên tướng người Hồ được Dương Quý Phi nhận làm con nuôi. Bà mẹ nuôi này hết sức lo lắng cho con, đến nỗi lo tắm cho nó nữa. Thế mà Đường Minh Hoàng mê mẩn, không nhìn thấy gì cả, chỉ cho là việc mẹ thương con, mẹ xin cho con làm chức Tiết độ sứ kiêm lĩnh 3 trấn ở biên thùý phương Bắc, quyền lực lớn hơn một vua chư hầu!

Năm 755, An Lộc Sơn cùng với Sử Tư Minh khởi binh chống nhà Đường, tự xưng là Đại yên Hoàng Đế. Đường Minh Hoàng phải bỏ Kinh đô Trường An theo đường tây Nam chạy vào Ba Thục. Đến Mã Ngôi, quân sĩ làm một cuộc binh biến, giết chết Dương Quốc Trung,

xử giáo Dương Quý Phi.

Thái tử lên ngôi ở Linh Vũ, ấy là vua Túc Tông. Đường Minh Hoàng được tôn làm Thái Thượng Hoàng. Túc Tông liệu quân Đường không đủ sức dẹp loạn nên phải cầu viện binh Hồi Hột. Điều ước như sau:

- Đánh lấy được nơi thì thành lũy, nhân dân (tráng binh Nam giới) thuộc về Đường.

- Vàng bạc châu báu, con gái thuộc về Hồi Hột.

Năm 757, An Lộc Sơn bị con là An Khánh Tự giết chết để cướp quyền. Năm 759, Sử Tư Minh giết An Khánh Tự. Năm 761, con Sử Tư Minh là Sử Triều Nghĩa giết cha.

Cuộc loạn An – Sử kéo dài 9 năm. Miền Hoa Bắc bị tàn hại rất lớn, 10 nhà mất 9. Đến khi bình xong nội loạn, dân số Trung Quốc hao mất hơn 2/3, từ 52.900.000 người sụt xuống còn 16.900.000 người.

Quốc lực suy vi suốt hai thế kỷ. Mãi đến năm 960, nhà Triệu Tống đã hưng thịnh mà Hoa-tộc vẫn chưa đủ sức nói chuyện bình đẳng với các dị tộc Liêu, Kim.

Thi hào Bạch Cư Dị làm bài trường hận ca “kể lại chuyện tình Đường Minh Hoàng – Dương Quý Phi đã phải kết thúc bằng hai câu:

Thiên trường, địa cửu hữu thời tận,

Thử hận mang mang vô tuyệt kỳ

Dịch:

Trời tan, đất biến có khi,

Hận này dần vật không kỳ nguôi quên.

Trịnh Văn nói cái chết của Dương Quý Phi ở Mã Ngôi Pha đã chê trách Đường Minh Hoàng bạc tình, coi nặng quyền lợi chính trị của triều đại.

Huyền Tông hồi mã Dương Phi tử.

Vân vũ nan vong nhật nguyệt tân.

Chung thị thánh minh thiên tử sự

Cảnh Dương cung tỉnh hựu hà nhân?

Dịch:

Huyền Tông quay ngựa trở về,

Mã Ngôi vui mộ Dương Phi bên đường.

Chỉ là công việc đế vương

Chung tình đáy giếng Cảnh Dương mấy người.

Trần Hậu Chủ cùng với Trương Quý Phi, Khổng Quý Tần ôm nhau nhảy xuống giếng cung Cảnh Dương khi Kinh đô Kim Lăng thất thủ. Đời sau có ại chung tình được như vậy không?

Còn như Đường Minh Hoàng thì không có được sự chung tình quý giá đó. Trong việc say mê, ngu si vì ái tình, Minh Hoàng có can đảm đạp lên trên đạo đức luân thường chứ quyền lợi chính trị thì vua vẫn coi trọng lắm. Thà đem tình ái làm vật hy sinh!

CÁI NGU CỦA TỔNG TƯỚNG CÔNG

Chu Văn Vương đánh thắng nhà Thương, phong cho con Đế Tân (vua Trụ) một phần đất cũ để giữ việc tế tự. Con Đế Tân là Vũ Canh nổi loạn, mưu đồ khôi phục nghiệp cũ. Chu Công Đán đánh bình được, đổi phong cho con cháu Đế Tân ở Thương Khâu (nay là phần phía Đông tỉnh Hà Nam) truyền mãi đến đời Xuân Thu thì Tổng Tướng Công xuất hiện.

Tổng Tướng Công có ước nguyện khôi phục cơ nghiệp nhà Thương. Ít nhất cũng phải làm phương bá.

Năm 643 TCN. Tề Hoàn Công mất, nước Tề suy vi. Tổng Tướng Công cho là cơ hội thuận tiện để cho mình mưu đồ bá nghiệp, bèn tập hợp các nước nhỏ như Tào, Đằng, Tăng để làm lễ hội minh. Tổng Tướng Công dùng cách tế tự của người Man Di, hy vọng làm cho họ thấy sự tương đồng về tôn giáo, văn hóa mà khâm phục.

Đối thủ lợi hại nhất của nước Tống là nước Sở. Tổng Tướng Công triệu tập nước Sở đến hội thế ở Lộc Thượng để giữ tính hòa hiếu. Sở Thành Vương giả ý chiều theo. Tổng Tướng Công tự cho là uy tín của mình đã tăng trưởng nên năm sau lại triệu tập các nước Sở, Trần, Sái, Trịnh, Hứa, Tào dự hội “Thừa xa” để tính việc mở mang chủ nghĩa hòa bình văn trị.

Quan tư mã của nước Tống là Công tử Mục Di (anh khác mẹ của Tương Công) bảo rằng:

- Tuy là hội “Thừa xa” song ta cũng phải đề phòng bất trắc. Cần đem ngấm khí giới để tự vệ.

Tống Tương Công bác luận điệu của Mục Di, bảo rằng:

- Chính ta xướng ra chủ nghĩa hòa bình thì nhất định ta không nên thất tín đem theo khí giới phòng thân.

Tống Tương Công đến hội, bị quân Sở bắt sống. Công tử Mục Di trốn thoát được, chạy về Thương Khâu tổ chức việc phòng giữ. Sở Thành Vương đánh úp nước Tống không được, nghĩ rằng việc giam giữ vua nước Tống là vô ích nên thả cho Tống Tương Công trở về. Công Tử Mục Di đón vua Tống phục vị như cũ.

Từ đó, Tống Tương Công nuôi dưỡng cái ý chí phải đánh nước Sở một trận quyết liệt để phục thù.

Chiến trận diễn ra trên sông Hoàng Thủy. Quân Tống đến trước, dàn thành trận thế nghiêm chỉnh. Quân Sở đến sau, chia làm nhiều tốp, tranh nhau qua sông, ồn ào, hỗn loạn, không có hàng ngũ gì cả.

Quan tư mã nước Tống lúc bấy giờ là Công Tôn Cổ bảo Tống Tương Công rằng:

- Nên mau mau thừa lúc quân Sở chưa sang sông hết mà đánh đi thì ta chắc thắng!

Tống Tương Công bác đi, nêu lý cho rằng:

- Binh ta là binh nhân nghĩa không đánh người đương sang sông!

Được một lúc quân Sở sang sông hết, đương dàn trận. Công Tôn Cố lại nói với vua mình:

- Quân Sở dàn trận chưa xong, ta nên thúc quân đánh gấp đi thì ta thắng.

Tổng Tương Công lại bác đi vì quân nhân nghĩa không đánh người dàn trận chưa xong.

Một lúc sau, quân Sở dàn trận đường hoàng, hàng ngũ đông đảo, khí giới sáng choang. Quân Tống trông thấy đã có ý khiếp sợ.

Mới giao chiến hiệp đầu, quân Tống đã bị quân Sở đánh tan. Công Tôn Cố hết sức chống cự, đem được Tổng Tương Công ra khỏi trùng vi. Quân Sở trèo lên bờ cao, nhìn thấy Tống trốn chạy mà cười chế giễu.

Trận đánh ở Hoàng Thủy diễn ra vào năm 638 TCN. Người nước Tống đổ trách nhiệm thua trận lên đầu Tổng Tương Công, vua thanh minh rằng: .

- Ta hành động đúng theo lễ giáo ngày xưa, không hiểu vì sao mà thua trận. Ta không dựa vào địa hình có lợi, không đánh người dàn trận chưa xong, không giết người đã bị thương tích. Sao lại thua?

Công Tử Mục Di đáp:

- Địa hình là điều giúp quan trọng cho chiến trận. Quân địch dàn trận chưa xong, đó là cơ hội giúp cho

ta chiến thắng. Tại sao chúng ta lại không thuận theo ý trời? Chiến tranh là việc giết người. Nếu không làm tổn hại đến người đã bị thương, sao ta không rước luôn họ về nhà mà phụng dưỡng?

Công tử Mục Di nói một hồi. Tống Tương Công không biết đáp lại như thế nào nữa, nên cứ đành im lặng ngồi nghe.

Tiếc cho giấc mộng bá nghiệp không thành, nhà vua hoǎng⁽¹⁾ vào năm 637 TCN⁽²⁾.

NGU CÔNG CÓ NGU KHÔNG?

Ngu Công là một ông lão nhà quê, nhà ở gần hang núi. Ông lợi dụng hang núi vào việc nuôi bò. Bò cái của ông đẻ được một bê con. Ông bán bê con, mua một ngựa con về nuôi chung với bò cái cho vui.

Một hôm có một chàng thanh niên cỡi ngựa, đem vài ba tôi tớ đến, bảo ông lão rằng:

- Bò cái làm sao đẻ ra ngựa con được?

(¹) Hoǎng là chữ dùng để chỉ việc qua đời của các vua chư hầu.

(²) TCN là Tiền Công Nguyên tính theo dương lịch.

Nói rồi, sai đầy tớ bắt mất ngựa con dẫn đi. Người ở quanh vùng đều gọi ông lão là Ngu Công.

Một hôm Tề Hoàn Công cùng với Quản Trọng đi thăm hỏi sự sinh hoạt của nông dân. Tề Hoàn Công hỏi chuyện ông lão, nghe chuyện bò cái ngựa con, bật cười bảo ông lão rằng:

- Thế thì lão ngu thật đấy!

Quản Trọng nói:

- Ông lão đó không ngu đâu! Sở dĩ lão ta chịu mất ngựa là vì lão ta biết rằng hình pháp đời bây giờ nào có ra chi... Đi kiện mất thì giờ làm ăn, lại mất thêm tiền bạc, chi bằng nhịn thua là hơn. Gã thanh niên kia dám làm ngang là vì nó có chỗ dựa vào một thế lực quan quyền nào đó. Nắm quyền trị nước mà để cho dân bị ức hiếp, để cho lũ người ngang ngược lộng hành, như vậy là trị nước mà không làm hết chức phận của mình. Chính tôi đây mới thiệt là người ngu.

Đời sau, Khổng Tử nghe câu chuyện này, bảo bọn học trò của mình rằng:

- Đệ tử ghi nhớ lấy. Tề Hoàn Công là một vị minh quân, Quản Trọng là một bậc hiền thần.

Khen như vậy là đúng với thực tế. Quản Trọng trị nước, đề cao nhân, nghĩa, liêm, sĩ. Ông nói:

Nhân, nghĩa, liêm, sĩ

Thị vị thứ duy

Tứ duy bất trượng

Quốc nài diệt vương!

Nhân, nghĩa, liêm, sĩ là bốn giếng mối. Bốn giếng mối không giương ra thì nước mất!

Chú trọng đến nhân nghĩa, liêm sĩ là quan tâm đến việc giáo dục, đào tạo. Việc này cần phải có những biện pháp tư pháp nghiêm minh.

Tử Văn cầm quyền chính nước Sở được người đương thời và người sau khen ngợi là công minh, vô tư.

Ông có người bà con làm một việc phạm pháp. Quan tư pháp đã bắt giữ, sau biết can phạm là thân thuộc của Tử Văn bèn tha ra. Tử Văn nghe biết chuyện này, đờn quan tư pháp đến khiển trách rằng:

- Quyền tư pháp là để xử trị những người phạm pháp. Nay có người phạm pháp mà vô cớ được tha thì còn gì là pháp luật nước Sở? Người làm cho ta mang tiếng xấu lây.

Liên giáng chức quan tư pháp, lựa một người xứng đáng lên thay. Rồi sai người bắt tên thân thuộc phạm tội giao cho quan mới trừng trị đúng luật.

Vua Sở Thành Vương đang nghỉ ngơi ở trong cung nghe biết chuyện này, vội vàng đến nỗi không kịp mang

hài, chạy ngay đến nhà Tử Văn để tỏ lời khen tặng.

Sở Thành Vương cũng đáng là một vị minh quân, Tử Văn cũng là một bậc hiền thần vậy.

Dân nước Sở tin tưởng vào pháp luật quốc gia, bảo nhau rằng:

- Quan Tướng quốc công minh như thế, chúng ta cứ an tâm làm ăn, không ai dám áp bức chúng ta đâu mà sợ!

Nước Tề nhờ có Quản Trọng, nước Sở nhờ có Tử Văn, hai nước đều được bình trị.

Những kẻ ngang ngược phạm pháp, những thứ quan lại làm việc thiên vị đều là những người phá hoại xã hội, quốc gia. Những kẻ ấy còn tồn tại là quốc gia còn rối loạn. Muốn việc bình trị thì phải cương quyết dẹp loạn. Sự lý cần thiết hiển nhiên.

Không nên viện dẫn những lý do khuất khúc, quanh co mà che lấp sự cần thiết pháp trị. Đừng để cho nhiều người dân trong nước phải tự nhận là ngu theo kiểu Ngu Công nước Tề. Đừng để cho các quan tư pháp làm việc thiên vị theo kiểu quan tư pháp đã bị Tử Văn giáng chức ở nước Sở.

CÁI NGU CỦA VUA NƯỚC HỒ

Trịnh Vũ Công muốn mở rộng thêm bờ cõi nước Trịnh. Nhìn qua các nước chư hầu nhỏ, chỉ thấy có vua nước Hồ là người tham nữ sắc nên đem con gái mình gả cho. Tặng chàng rể nhiều vàng ngọc. Vua nước Hồ tin vào tình cha vợ yêu chàng rể, không quan tâm đến việc quốc phòng. Cả đến việc nội chính cũng lơ là, làm chiếu lệ.

Trịnh Vũ Công dò biết tình hình như thế, quyết ý dùng binh. Bèn hỏi ý kiến các quan nước Trịnh.

- Ta muốn dùng binh, vậy nên đánh nước nào trước. Quan Tư Kỳ tình thực, đáp rằng:

- Đánh nước Hồ. Vua nước Hồ vô năng, bất tài. Ta có thể thắng nó trong nháy mắt!

Trịnh Vũ Công bưng bưng nổi giận, mắng rằng:

- Sao lại đánh nước Hồ là nước bà con? Nhà người muốn cho ta làm một việc trái đạo nghĩa hay sao?

Rồi sai dẫn Quan Tư Kỳ ra chém đầu.

Vua nước Hồ nghe được tin ấy, càng lơ là việc vũ bị. Trịnh Vũ Công tức tốc ra quân, chỉ một trận là nước Hồ bị tiêu diệt, thắng lợi chớp nhoáng, dễ như trở bàn tay.

Có nước mà không biết giữ gìn, chết là đáng kiếp.

Chỉ đáng thương hại cho Quan Tư Kỳ vừa khôn lại vừa ngu. Khôn ở điểm xét biết những chỗ suy kém của nước Hồ, ngu ở điểm không thấy được tính nết gian hùng của Trịnh Vũ Công nên tự mình hiến kế đúng mà lại tự chuốc lấy cái chết. Việc thủ thân cũng thiệt là khó lắm vậy thay!

TRONG TRĂM ĐIỀU KHÔN, ẤT CÓ LẼN MỘT ĐIỀU NGU

Ngụy Vũ Hầu chơi thuyền trên sông Tây Hà. Vua nhìn cảnh nước biếc, non xanh, bảo các quan rằng:

- Đẹp thay sông núi Tây Hà! Quả là một dải đất rất quý của nước Ngụy.

Ngô Khôi tiến lên, nói với nhà vua rằng:

- Giữ nước cốt ở đức trị chứ không phải ở hình thế núi sông. Ngày xưa, Tam Miêu bên trái có hồ Động Đình, bên phải có hồ Bành Lái, nhưng vì không trau dồi đức nghĩa nên bị vua Đại Vũ đánh diệt. Đô thành nhà Hạ, bên trái có Hoàng Hà, bên phải có Thái Sơn, núi Y Thuyết ở phía Nam, núi Dương Trường ở phía Bắc, nhưng vì chính sự bất nhân nên bị vua Thành Thang diệt. Nước của vua Trụ nhà Ân, bên trái có núi Mạnh

Môn, bên phải có núi Thái Hàng, phía Bắc có Trường Sơn, phía Nam có Đại Hà, nhưng vì chính trị bất nhân nên bị Vũ Vương đánh diệt.

Xem đó thì đủ biết giữ nước phải có đức chính chứ không nên tin cậy vào sự hiểm trở của núi sông. Nếu nhà vua không lo tu đức thì những người đi theo du thuyền đều là nước địch cả.

Ngụy Vũ Hầu khen phải, ủy cho Ngô Khởi trấn thủ đất Tây Hà. Chẳng bao lâu, đất này trở thành trù phú, có binh lực đủ sức tự vệ.

Nước Ngụy phong Điền Văn làm tướng quốc. Ngô Khởi không bằng lòng, bảo Điền Văn rằng:

- Tôi muốn so sánh công lao với ông có được không? Điền Văn đáp:

- Được.

Ngô Khởi nói:

- Chỉ huy ba quân. Khiến họ vui lòng chiến đấu, quân địch phải nể sợ, ông có bằng Khởi không?

Điền Văn đáp:

- Tôi thực không bằng.

Ngô Khởi lại nói:

- Coi trăm quan, thâu muôn dân, làm cho kho tàng đầy đủ, ông có bằng Khởi không?

Điền Văn đáp:

- Tôi cũng thực không bằng.

Ngô Khởi lại hỏi:

- Giữ đất Tây Hà làm cho quân Tần, không dám xâm phạm, không dám mở đường ra phía Đông. Hai nước Hàn, Triệu đều xu hướng về nước Ngụy, ông có bằng Khởi không?

Điền Văn lại nói:

- Tôi thực không bằng.

Ngô Khởi nói:

- Cả 3 điều ấy, ông đều không bằng tôi. Thế mà tước vị ông lại ở trên tôi là nghĩa làm sao?

Điền Văn nói:

- Khi vua còn nhỏ, việc nước rối ren, các đại thần chưa thân, trăm họ chưa tin, trong lúc ấy thì giao nước cho ông hay cho tôi?

Ngô Khởi cúi đầu suy nghĩ một lúc rồi đáp:

- Giao cho ông.

Như thế là Ngô Khởi biết phục thiện.

Sau khi Điền Văn chết, quan tướng quốc mới lấy được Công chúa, có ý muốn hại Ngô Khởi. Ngô Khởi tinh ý, bỏ nước Ngụy, chạy sang nước Sở. Sở Điện Vương hâm mộ tài năng Ngô Khởi từ lâu, cử ngay Ngô Khởi lên làm tướng quốc. Ngô Khởi đạt được tước vị mơ ước, bảo Sở Điện Vương rằng:

- Nước Sở ta ở trong lưu vực Trường Giang, ruộng vườn màu mỡ, dân cư đông đảo, gọi một tiếng có thể điều động được trăm vạn quân. Thế mà các nước Tần, Tề, Tam Tấn đều không coi trọng ta là cứ làm sao? Là vì ta chưa biết cái đạo nuôi quân vậy.

Trong triều thì bọn những quan đầy dẫy, ăn hại kho tàng. Ngoài biên, quân sĩ phải chiến đấu gian nguy thì lương tiền bạc béo. Còn ai vì nước Sở mà phụng sự tận trung?

Sở Điện Vương trao quyền cho Ngô Khởi đuổi bọn những quân, lấy số lương bổng ấy tăng cấp nuôi dưỡng binh sĩ. Các tướng hiệu dũng cảm đều vui lòng chiến đấu, binh sĩ đều phấn khởi phụng sự quốc gia. Binh lực nước Sở mạnh hẳn lên, các nước lớn địch thủ đều kiêng nể, không dám xâm phạm điều gì.

Nước Sở nghiêm nhiên là cường quốc số một phía Nam đánh thắng Bách Việt, phía Bắc thôn gồm các nước Trần, Thái, cự tuyệt Tam Tần, phía Tây thắng được quân Tần.

Sở Điện Vương mất. Bọn những quan bị đuổi ngày trước hợp sức khởi loạn. Ngô Khởi chạy vào cung ôm cây vua. Bọn người khởi loạn đuổi theo, dùng cung nỏ bắn tới tấp. Tên bay như châu chấu, Ngô Khởi chết nhưng có nhiều tên bắn ghim vào cây vua.

Tân quân kế vị, trị tội bắn cây vua, tru di hơn bảy mươi nhà.

Ngô Khởi chết rồi nhưng sách Ngô lược của ông vẫn lưu truyền đến hậu thế. Các nhà binh học đời sau coi 6 chương Ngô lược có giá trị như 13 thiên binh pháp của Tôn Vũ Tử. Binh pháp cổ điển gọi chung là thao lược Tôn Ngô.

Sử gia Tư Mã Thiên luận về công nghiệp Ngô Khởi cho rằng lúc cầm quyền nước Sở, Ngô Khởi khắc bạc, ít ân đức mà phải bỏ mình. Thương thay!

Chúng tôi nghĩ rằng:

Ngô Khởi đã làm cho nước Sở hùng cường, thành tích thật là lừng lẫy. Nếu không đuổi hết bọn những quan thì bao giờ nước Sở lại mạnh lên được? Bọn những quan làm cho nước Sở suy yếu từ lâu. Đuổi hết chúng đi là phải lắm.

Hơn ngàn năm sau, chính bọn những quan đã làm cho nhà Triệu Tống suy yếu cất đầu không lên!

Bất luận ở đâu, bất luận ở thời đại nào, bọn những quan cũng làm cho quốc gia, dân tộc suy kiệt. Khu trục bọn những quan là việc làm nguy hiểm cho bản thân những nhà cải cách nhưng đó là việc cần thiết, nhất định phải làm, không thể nường tay được.

Dẫu có ai cho rằng việc làm này là bất trí, là ngu thì cũng mặc kệ họ!

Ngô Khởi há lại không biết sự nguy hiểm khi khu trục bọn những quan? Ông biết thế nhưng vẫn cứ làm vì tình thế bắt buộc.

SI MÊ CHIM HẠC

Đời Xuân Thu, Vệ Linh Công là một ông vua rất nổi tiếng vì có một tánh si mê kỳ quái, khác đời. Vua không mê gái mà chỉ mê chim hạc, đem tài nguyên nước Vệ cung phụng chim hạc, suốt ngày suốt đêm sống quanh quẩn, ăn lộc quan Đại phu.

Vệ Linh Công, không thiết gì đến việc triều chính, lơ là việc quốc phòng. Rợ Xích Địch ở gần biên giới biết nước Vệ không có binh lực đủ sức tự vệ nên xuất binh xâm lược. Dân nước Vệ oán hận, bảo nhau rằng hễ có giặc thì để cho các Tướng quân... hạc lo! Quân Xích Địch bao vây Kinh thành, Vệ Linh Công phải cầm binh ứng chiến. Vua cấp cho Thạch Kỳ Tử một ngọc quyết, cấp cho Ninh Trang Tử một mũi tên, ủy thác cho vị quan thân tín này việc bảo vệ thành trì trong khi vua ra trận.

Theo phong tục đời Xuân Thu, ngọc thuyết là biểu tượng ý chí quyết chiến (khuyết với quyết, âm thanh tương tự) mũi tên là thử gần đồng âm với thệ là lời thề đi không trở lại. Quân nước Vệ tan vỡ, Xích Địch bắt sống được hai sử quan nước Vệ là Hoa Long Hoạt và Lễ Khổng. Hai ông này bảo Xích Địch rằng:

- Chúng tôi là quan coi việc tế tự. Nếu chúng tôi không dâng lễ cúng tế thì các ngài có vào được thành cũng không được bình yên, Quỉ Thần sẽ nổi giận. Các

ngài phải coi chừng đó!

Xích Địch mê tín, thả cho hai vị sử quan vào thành. Hoa Long Hoạt và Lễ Khổng bảo dân trong thành rằng:

- Quân ta thua to rồi. Tướng tiên phong là Hoàng Di bị giặc bắt, tướng áp hậu là Khổng Anh Tề đã bỏ trận chạy trốn. Dân trong thành nên thừa lúc đêm tối, gióng dây qua tường thành mà trốn mau đi! Giặc Xích Địch vào thành, đốt phá cung điện, tông miếu, tàn sát những người dân Vệ còn sót ở lại. Kinh thành nước Vệ biến thành bãi đất bỏ hoang. Vệ Linh Công bị chúng xẻ thịt ăn, treo buồng gan trên một cành cây.

Một vị trung thần là Hoảng Diễn vâng lệnh đi công tác bên ngoài, lúc trở về thì Vệ Linh Công đã bị giặc xẻ thịt, bèn hướng vào buồng gan còn sót lại mà báo cáo tình hình, rồi khóc lóc rất thảm thiết, tự mổ bụng mình để làm quan tài chôn cất buồng gan vua.

Tề Hoàn Công nghe tin ấy, cảm động vô cùng, bảo quần thần rằng:

- Nước Vệ còn có trung thần cao nghĩa, không đáng bị tuyệt diệt!

Tề Hoàn Công đem đại binh đánh đuổi quân Xích Địch thua chạy tới bờ, chiêu tập được 5 ngàn dân Vệ đào vong, xây dựng lại Kinh thành nước Vệ. Nước Vệ hồi sinh. Chư hầu mến phục làm cho cao nghĩa của Tề

Hoàn Công nên xa gần đều tự nguyện thần phục. Sự nghiệp bá chủ của Tề Hoàn Công sáng chói như mặt trời mới mọc ở phương Đông.

Việc ngu trung của Hoảng Diễn đem lại một kết quả bất ngờ, không đi cầu cứu mà có người anh hùng đến cứu vớt. May phước rất lớn cho nước Vệ còn có được một người ngu trung.

Sách Lã Thị Xuân Thu ghi sự việc Hoảng Diễn vào thiên “Trung Liêm”, coi việc thuận nghĩa của Hoảng Diễn là một hành động trung trinh vô cùng cao quý.

Vua đã sai đi thì lúc về phải báo cáo dấu rằng đối tượng báo cáo chỉ là một buồng gan treo lơ lửng ở cành cây. Thi thể vua chỉ còn lại một buồng gan nhưng người trung nghĩa không nỡ để chút di thể cho điều tha quạ mổ. Hoảng Diễn dùng thân thể mình để làm lễ mai táng cho vua.

Sự việc lạ lùng, ngàn năm chưa có, không hề có. Người đọc sử đời sau ai không cảm động, xót xa. Tề Hoàn Công cảm động là phải vì nhà vua là người đương thời. Khôi phục nước Vệ là một việc làm anh dũng.

Tổng Hoàn Công cũng là một người có đức độ, không nỡ nhìn nước Vệ diệt vong nên xuất binh cứu ứng đầu tiên. Quân Xích Địch tuy bị đánh đuổi nhưng Tề Hoàn Công sợ bọn chúng tái xâm lược nên hết sức giúp đỡ cho nước Vệ phục hưng, viện trợ cho cả gia súc, gia

cầm nữa.

Vệ Văn Công săn sóc nông nghiệp, công nghiệp, mở mang việc giáo dục, đào tạo thanh niên nước Vệ thành những chiến sĩ dũng cảm.

Quân Xích Địch lại đến nhưng chúng nhận thấy rằng nước Vệ thời Văn Công không phải như nước Vệ thời Linh Công nên từ từ rút lui, không đợi giao chiến.

Những việc làm như hưng quốc của Vệ Văn Công không phụ lòng tốt của Tề Hoàn Công.

SẮC BẮT BA ĐÀO...

Nhan sắc người đẹp gây nên sóng gió. Hoàn cảnh bên ngoài thúc ép, dẫu người đẹp muốn có cuộc sống bình lặng vẫn cứ bị xô đẩy vào sóng dữ, gió cuồng.

Tức Qui là người đẹp nước Trần, được cho Tức hầu vua nước Tức. Trên đường vu quy, nàng phải đi qua nước Sái. Vợ vua nước Sái là Sái Qui niềm nở tiếp đón người dì em Sái Hầu, vua nước Sái, vịn vào cổ chỗ anh chị em thân tình, bày tiệc khoản đãi rất long trọng. Sái Hầu giả đồ rượu say, liếc nhìn dì em, muốn giở trò chọc ghẹo. Sái Qui hoảng sợ, sai người đương đêm hộ tống Tức Qui ra khỏi thành cho mau, kéo chậm thì chắc sinh

ra nhiều chuyện rắc rối.

Về đến nước Tức, Tức Qui thuật lại hành trình khổ sở cho chồng nghe. Tức Hầu nổi giận, thề quyết trả thù kẻ chọc ghẹo vợ mình. Bèn lập kế, sai người sang nước Sở, nói với Sở Văn Vương rằng:

- Sái Hầu vô lễ, khinh miệt nước Tức quá lắm. Nước Tức gần nước Sở, khinh miệt nước Tức, trên thực tế cũng khinh miệt nước Sở luôn! Xin Đại Vương giả cách đánh nước Tức, Sái Hầu chắc đến cứu viện, Đại Vương thừa cái cơ vô bị, đánh diệt nước Sái đi.

Sự việc diễn biến đúng như ý Tức Hầu dự định. Sái Hầu từ địa vị ông vua một nước rơi xuống thân phận là một tù binh và bị Sở Văn Vương chọc lòi cả đôi mắt, bắt phải điều khiển một đội nhạc công. Phải làm cho Sái Hầu mù lòa vì trong đám nhạc công có cả bọn nữ nhạc, nhiều nàng khá sinh đẹp.

Sở Văn Vương rất thích những người đẹp có vòng eo lưng nhỏ. Vua rất tự hào về sắc đẹp và vòng eo lưng nhỏ của những nàng này, cho rằng khắp cả nhân gian, không ai kiếm đâu ra những người đẹp kiểu ấy.

Sái Hầu căm giận Tức Hầu đã làm hại mình nên nghĩ kế trả thù. Một hôm, nhân bình luận về vòng eo lưng, Sái Hầu tâu với Sở Văn Vương rằng:

- Tội thần biết có một người đẹp vòng eo đẹp lý tưởng. Người ấy là vợ Tức Hầu. Vì vợ Tức Hầu là dì em

của vợ tội thân nên tội thân biết rõ.

Rồi Sái Hầu lại dùng những lời lẽ hoa mỹ, tán tụng nhan sắc của Tức Qui. Sở Văn Vương động lòng hiếu sắc và hiếu kỳ, giả tiếng đi đánh nước Trần, kéo binh qua nước Tức, Tức Hầu quy phục nước Sở đã lâu, đâu dám vô lễ, phải bày tiệc thịnh soạn đón tiếp, Sở Văn Vương đem quân vào thành, truyền lệnh trói bắt Tức Hầu ngay trong bàn tiệc, sai người lục soát hậu cung, bắt Tức Qui đem luôn về Sở.

Sở Văn Vương có được Tức Qui, coi như mình có điểm phúc chiếm được Kỳ trân dị bảo, dồn hết sự cưng chiều yêu quý trên một mình nàng, Tức Qui sinh hạ hai con trai, trong đó có người sau này là Sở Thành Vương.

Từ khi Tức Qui về với Sở Văn Vương, nàng không bao giờ cười, trong những cuộc vợ chồng nói chuyện, không khi nào nàng mở lời nói trước. Sở Văn Vương gạn hỏi lý do, nàng đáp rằng:

- Làm thân phận đàn bà, không có gan chết theo cuộc tình thứ nhất, muối mặt lấy đến hai đời chồng, còn vinh hạnh sung sướng gì mà cười nói!

Sở Văn Vương làm vua được 15 năm.

Hai con trai của Tức Qui đánh lẫn nhau. Người em là Hùng Quân chiến thắng, tự lập mình làm vua nước Sở, đó là Sở Thành Vương.

Em của Sở Văn Vương là Tử Nguyên làm chức

Lịnh doãn (Tướng quốc) Thấy bà chị dâu góa chồng mà còn xinh đẹp, Tử Nguyên si mê, muốn tìm cách khêu gợi xuân tình bà chị dâu quả phụ, bèn lập ra vũ nhạc: Văn vũ, Vũ vũ. Văn vũ bận đồ gấm vóc, cầm lông gà rừng. Vũ vũ cầm các đồ mâu, thuẫn, kiếm kích. Đội nào cũng có thể khai triển 8 hàng, 64 người.

Tức Qui xem thấy, than rằng:

- Tiên quân (chỉ Sở Văn Vương) dùng những đội nữ nhạc để luyện tập chiến trận. Nay quan Lịnh doãn lại cho biểu diễn trước mặt quả phụ, quên hết tư tưởng dụng võ rồi sao?

Tử Nguyên xấu hổ, xuất chiến xa 600 cỗ đi đánh nước Trịnh. Người nước Trịnh hoảng hốt, kéo tất cả các điểm kiều ở thành nội, thành ngoại lên. Tử Nguyên không thạo việc chinh chiến, tưởng rằng nước Trịnh đã sắp sẵn phục binh nên ra lệnh cho quân Sở mau mau kéo về. Đi không rồi trở về không, Tử Nguyên mắc cỡ lắm. Chức quan võ coi việc dạy bắn cho quân sĩ là Đấu Xạ Sư mở miệng phê bình, Tử Nguyên sai đem chém lập tức.

Sở Thành Vương còn ít tuổi, Tử Nguyên hoành hành vô đạo, kỷ cương đổ nát, các nhà quý tộc nước Sở đều ly tâm.

Về sau, Đấu Ban giết chết Tử Nguyên. Các quan đồng lòng cử Tử Văn lên làm Lịnh doãn, nước Sở mới hưng thịnh được.

MỤ GIÀ NGU Ở SYRACUSE

Syracuse là một hải cảng trù phú của đảo Sicile. Cự chủ Denys cai quản đất này, chính trị nghiêm khắc làm cho dân chúng bất bình, oán ghét. Ai cũng nguyện rửa, oán ghét, muốn cho lão chết đi, càng sớm càng tốt. Riêng có một mù già sáng nào cũng đến điện thờ Thiên Đế, cầu nguyện cho Cự Chủ sống lâu.

Chính Cự Chủ Denys cũng rất lấy làm kinh ngạc, không hiểu vì sao mình lại được mù già này kính mến nhiệt tình đến thế. Sai lính đi bắt mù già đến hỏi, mù già tâu trình rằng: -

- Kể hạ dân sống đã trải 3 đời vua. Đời thứ nhất bạo ngược tàn ác bị binh dân hợp sức đánh đổ. Vua kế vị lại hung dữ hơn vua trước, quân sĩ và dân chúng phải làm một bạo loạn để rồi tôn Cự Chủ lên thay. Hạ dân thấy cuộc sống dân chúng càng ngày cam khổ sở. Sợ khi Cự Chủ qua đời, một vị chủ mới nào đó lên thay thì quân dân sẽ khổ sở nhiều hơn, cho nên phải cầu nguyện cho Cự Chủ trường thọ vạn tuế!

Cự Chủ nghe mù già nói như thế, ra hiệu cho quân sĩ đuổi mù già về cho mau. Ít ra Cự Chủ cũng còn đủ lương tri để nhận thức rằng mù già nói có phần đúng với sự thực.

Chính trị người sau chưa chắc đã hơn gì người

trước, có khi lại tệ hại hơn. Vậy chớ vội mừng khi thấy có sự đổi thay nhân vật ở cấp lãnh đạo tối cao, nên chờ xem hành động của họ như thế nào đã.

TRƯỚC KHÔN SAU NGU

Vua Louis XI nước Pháp là một người ghét mê tín dị đoan, bói toán nhảm nhí. Ở Paris có một nhà lý số được dân chúng coi là nhà tiên tri, bói toán như thần! Vua cho đòi gã đến và ra lệnh cho bọn lính hầu hễ thấy vua búng tay ra mặt hiệu thì tóm ngay gã ấy mà ném ngay ra cửa sổ!

Vua nghiêm nét mặt, bảo nhà lý số rằng:

- Người ta đồn anh là một kẻ có kỳ tài, việc gì cũng biết trước. Vậy anh có biết được thọ mạng của anh không? Lúc nào anh sẽ chết?

Nhà lý số bình tĩnh đáp rằng:

- Hạ thần đã tính toán độ số tinh tú rất kỹ, biết chắc rằng hạ thần sẽ qua đời trước Bệ Hạ ba ngày!

Ai cũng tưởng ông thầy bói toán sẽ bươm đầu sứt trán, què chân treo tay, nhưng thật bất ngờ vua Louis XI lại ra lệnh cung cấp sự ăn mặc cho gã rất đầy đủ. Nhà vua sợ gã chết thì 3 ngày sau ngài cũng băng hà!

Sao trước thì sáng suốt mà sau lại mê tối như thế? Sự mê tối ấy làm cho gã lý số và các đồng nghiệp của gã chỉ đáp liêu mạng một câu mà làm cho vua Louis XI phải rúng động, hoảng hốt. Để tự trấn tĩnh, nhà vua đã muốn làm cho gã được trường thọ để nhà vua được hưởng phước lây!

Bất luận ở thời đại nào, óc mê tín dị đoan cũng không đem lại một ích lợi nhỏ nào cho gia đình, xã hội.

VUA PHILIPPE NƯỚC MACÉDOINE VÀ XẠ SƯ ATES ĐỀU NGU

Thế kỷ IV TCN, nước Macédoine chỉ là một nước chư hầu trong bán đảo Hy Lạp. Vua có chí lớn, muốn mở rộng biên cương. Một xạ sư tên là Ates muốn tìm đường tiến thân, đến trước mặt vua, tự giới thiệu về tài bắn cung thiện nghệ của mình.

- Chim bay trên trời cao, thần giương cung muốn bắn con nào là con đó phải rớt xuống. Xin được phụng sự trong quân đội nhà vua.

Vua Philippe cười, bảo:

- Khi nào ta khai chiến với các loài phi cầm, ta sẽ trọng dụng nhà ngươi!

Xạ sư ra về, trong lòng uất hận, nghĩ rằng:

- Vua đã không biết dùng ta thì ta đi lập thân ở nước khác. Địch thủ của Philippe đâu có thiếu người.

Ít lâu sau, xạ sư đầu quân ở một nước đối đầu với Macédoine. Vua Philippe vây đánh nước địch thủ, xạ sư ghim một miếng vào mũi tên ghi rằng:

- Gửi đến cho con mắt phải của Philippe.

Rồi giương cung bắn một phát, quả nhiên mũi tên ghim ngay vào cái đích đã dự định. Vua Philippe giận lắm, sai bắn một mũi tên vào trong thành bị vây, mũi tên có mảnh giấy cho rằng:

- Gửi cho cái đầu của Ates.

Vua Philippe hạ được thành, bắt được nhiều tù binh, trong số đó có viên xạ sư bách phát bách trúng. Vua sai đem treo cổ ngay.

Đương thời, người nước Macédoine than tiếc cho vua Philippe chỉ vì một câu nói đùa cho vui miệng mà phải chịu đui mất một mắt. Thực ra, vua Philippe không có một chính sách thu dụng nhân tài. Một xạ sư có tài năng như Ates không phải là thứ người dễ kiếm, vua thích mở rộng cương thổ mà bỏ rơi chiến sĩ thiện xạ, đó mới thiệt là điều đáng tiếc.

Còn Ates vì nóng máu báo thù mà đến nổi vong thân. Nếu Ates bền lòng chờ đợi đến khi Thái Tử Alexandre lên ngôi thì chắc chắn sẽ được trọng dụng,

biệt đãi. Người đời thường nói: giận mất khôn.

Câu nói giản dị này đem chỉ vào trường hợp xạ sư Ates thì thiệt là đúng hoàn toàn.

MỘT SỰ RA OAI KHÔNG CẦN THIẾT

Triệu Khuông Dẫn vâng lệnh vua Sài Thế Tông nhà Đại Chu đem quân đi đánh rợ Khiết Đan. Đến Trần Kiều, binh sĩ gây ra cuộc binh biến, ông đem quân trở về, được Sài Thế Tông nhường ngôi cho, sáng lập ra nhà Bắc Tống.

Sử gọi Triệu Khuông Dẫn là Vũ Đức Hoàng Đế.

Vua đánh Đông dẹp Bắc, gọi là Vũ thì cũng xứng đáng nhưng còn Đức thì phải đợi xét lại đã. Vua cho một điều thực là thất đức:

- Phàm tù phạm đã thành án bị giải đến nơi thụ hình thì phải chịu đủ 100 roi đòn ra oai!

Để tránh khỏi đòn vọt, các tù nhân phải có tiền đút lót cho sai bắt và quản doanh. Nếu không thì bị đánh đến thương tàn thể xác, có sống cũng thành tật, thành phế nhân. Món tiền hối lộ này đưa nạp công khai, lũ quan lại coi ngục tha hồ vơ vét.

Chúng ta cứ đọc Thủy Hử của Thi Nại Am thì biết rõ những mảnh khoe đục khoét của bọn quan sai nha thực là thiên hình vạn trạng. Tù phạm nào bị giải đi mà thiếu thế lực che chở thì bọn công sai giết chết ở dọc đường dễ như trở bàn tay.

Thế thức thi hành án không có một chút gì gọi là hợp với nhân đạo cả. Trị nước mà dùng đến hình pháp khắc nghiệt như kiểu nhà Tống thì còn gì là đức nữa!!

Tống Giang, đầu lĩnh Lương Sơn Bạc, chính thức khởi loạn vào năm 1121 đời vua Tống Huy Tông. 108 đầu lĩnh Lương Sơn Bạc đều ra sức chống cự với quân Triều, quân Triều tiến đánh nhiều phen thất bại. Kết quả chỉ làm cho thế giặc mạnh thêm. Lũ người lạc thảo đều dùng danh nghĩa “thế thiên hành đạo”.

Nguyên do là vì Triều đình nhà Tống vô đạo rõ ràng. Chỉ có một điều luật “100 roi ra oai” đời Vũ Đức Tống Thái Tổ cũng đủ thấy dân chúng lầm than, chịu nhiều điều khổ cực. Thà đi làm giặc rồi có bị giết cũng ưng! Tâm lý bất phục ấy đã giúp cho Tống Giang chiêu mộ được lâu la đông đến hàng vạn.

Lại có Phương Lạp cũng tụ được quân dân để khởi loạn nữa.

Rốt cuộc năm 1125, quân Kim đánh hãm Kinh đô Khai Phong của nhà Bắc Tống. Thế là họ Triệu mất hết một nửa giang sơn!

Trong sử Trung Hoa, chúng ta không thấy có một tấm gương từ bi như kiểu vua Lý Thánh Tông của nước Đại Việt cả.

Như thế, cái thụy hiệu của Tống Thái Tổ “Vũ Đức” nên bớt đi một chữ đức là vừa!

MÚA RÌU QUA MẮT THỢ!

Những kẻ sơ học biết được một đôi điều về nghệ thuật nào đó thường có tính tự phụ, cho mình là giỏi, là khôn khéo tuyệt trần, giảng thuyết trước những bậc cao minh, những bậc thầy của các bộ môn đó. Họ tự đắc về tài hùng biện, quỷ biện cường điệu của mình. Thực là đánh trống qua cửa nhà sấm.

Hamibal, một danh tướng của cường quốc Gia Thái Cơ (Carthage) nhiều lần đánh cho các tướng lĩnh La Mã những trận Cường tập, Kỳ tập kinh hoàng, qua chơi đất Hy Lạp. Một nhà hùng biện Hy Lạp chưa hề cầm quân đánh trận nào, đăng đàn diễn thuyết về chiến thuật, chiến lược bằng những lời lẽ bất tuyệt thao thao! Cử tọa lắng nghe, nhiều người khâm phục Phomion học rộng tài cao, có lẽ xưa nay không ai bì kịp. Có người hỏi ý kiến Hannibal về bài diễn thuyết ấy, vị danh tướng của Gia Thái Cơ mỉm cười, bảo rằng:

- Trong đời, tôi đã gặp nhiều kẻ nói xàm, nhưng quả thực tôi chưa hề gặp được kẻ nào có gan liều nói xàm nhiều đến thế!

Hannibal lại có lần làm khách tại nước Syrie. Vua Antioclus của Syrie mời Hannibal coi duyệt binh. Quân đội của Antioclus, từ bộ binh đến thượng binh đều đeo nhiều phù hiệu, phù hiệu bằng vàng bạc. Khí giới cũng được trang sức huy hoàng. Quân đội diễn hành, khí giới sáng ngời dưới ánh dương, coi rất đẹp mắt. Vua Antioclus hỏi Hannibal:

- Như vậy đã đủ đánh thắng quân La Mã chưa?

Hannibal trả lời:

- Quân La Mã sẽ lấy làm hân hạnh được tiếp đón một quân đội giàu sang như quân đội của ngài! Quân La Mã xưa nay nổi tiếng là tham lam mà!

Qua cuộc đối thoại này, chúng ta thấy rằng vua Antioclus sắp thua to. Quân đội cốt ở luyện tập cho tinh thực, cho giỏi các thuật chiến đấu chứ không cốt ở chỗ quân phục cho sang trọng với những huy hiệu, phù hiệu vàng bạc. Đánh trận cốt ở nhuệ khí dũng cảm chứ không cốt ở chỗ quân trang quý giá. Vẻ đẹp phù phiếm, phù hoa không đem lại tác dụng thiết thực.

Dùng binh kiểu vua Antioclus là đem nạp chiến lợi phẩm cho quân đội La Mã mà thôi. Ý kiến của Hannibal thực là xác đáng, biết mình (Syrie) biết người (La Mã)

vua Antioclus không biết người, không biết mình thì làm sao tránh khỏi cái nhục bại vong. Kẻ bại vong là kẻ sống trong những ảo tưởng chiến thắng.

*

* *

Khoe khoang võ lực, chú trọng đến vẻ đẹp, oai phong hào nhoáng bên ngoài là cái thông tật của những nhà lãnh đạo vô năng, những tướng chỉ huy bất lực. Ở Việt Nam, thế kỷ XIV, một cung phi của vua Trần Duệ Tông là Nguyễn Thị Bích Châu dâng lên nhà vua 10 sách lược hưng quốc nói về việc chỉnh đốn nội trị, bỏ những thủ tục hành chính phiền hà, ức chế lũ những quan ... gồm có 7 điều.

Ba điều sau cùng nói về việc:

- Lựa chọn người làm tướng thì chú trọng về sự hiểu biết thao lược hơn là nguồn gốc quyền quý, thế gia.

- Huấn luyện binh sĩ thì chú trọng đến sự dũng cảm hơn là vóc dáng, tướng mạo đẹp

- Sắm sửa khí giới thì chú trọng đến sự sắc bén, dùng được lâu ngày hơn là sự chạm trổ hoa văn mỹ thuật.

- Trận pháp phải tế chỉnh hơn là sự biểu diễn, nhẩy múa cho đẹp mắt.

Vua Trần Duệ Tông nhất nhất y theo những lời biện luận xác đáng. Vua gạt bỏ những lễ lối làm việc

quan liêu, chấn chỉnh võ bị để làm cho dân yên, binh mạnh. Điều cốt yếu là thực tế nội dung chứ không phải là phô trương hình thức. Hình thức đẹp mà nội dung suy yếu thì hư hết việc nước, việc dân, việc quân.

Nguyễn Thị Bích Châu là người có kiến thức quân – chính và có can đảm, dám nói lên những khuyết điểm trầm trọng của các quan văn võ đương thời.

VỤ ÁN CHU HU NƯỚC VỆ

Nước Vệ là nước đồng tính với nhà Chu. Thủy tổ là Khang Thúc, em đồng mẹ với Chu Vũ Vương. Khang Thúc được phong ở đất Vệ (nay Hà Nam, huyện Cự) Thời Chu Bình Vương, rợ Khuyển Nhung vào cướp phá đất nhà Chu, Vệ Vũ Công xuất binh lực giúp Thiên Tử nhà Chu đánh đuổi ngoại xâm, lập được công lớn.

Truyền đến đời Vệ Trang Công sinh ra Chu Hu. Đến tuổi trưởng thành, Chu Hu là một thanh niên cường tráng thích múa gậy, đánh gươm. Trang Công cho là Chu Hu có tài vũ dũng cho làm chức tướng quân.

Quan Đại phu Thạch Thước can Trang Công rằng:

- Cứng chiêu quá thì con hư. Dạy con là phải ngăn ngừa, không để cho nó sa vào các nẻo tà đạo như xa xỉ,

dâm loạn, kiêu hãnh, phóng đảng.

Trang Công không nghe, Chu Hu càng hờn giận.

Trang Công qua đời, Hoàn Công lên thay, Chu Hu lại càng kiêu hãnh, không coi pháp luật quốc gia ra gì nữa, Hoàn Công đòi Chu Hu đến trước mặt, nói mấy câu nghiêm huấn, Chu Hu tức giận, bỏ trốn ra nước ngoài. Gã liên kết với Thái Thúc Đoàn, em vua nước Trịnh, dự định nuôi dưỡng binh lực trở về nước đoạt ngôi vua.

Đến năm thứ 16 đời Vệ Hoàn Công, Chu Hu đã tụ tập được một số đông đảo đầu trộm, đuôi cướp. Vệ Hoàn Công đi tuần biên giới, Chu Hu đem đồ đảng mai phục đón đường. Xe của Hoàn Công đến gần đường rừng, đồ đảng của Chu Hu đổ ra đâm chết vua rồi tứ tán vào rừng sâu. Chu Hu chở thi thể Hoàn Công về tới Triều Ca (Kinh đô nước Vệ) giả tiếng gào khóc thê thảm, tuyên bố cho quân dân biết vua đã bị bọn cường đạo đón đường đâm chết. Bọn ác nhân ấy trốn cả rồi, không truy nã được.

Thạch Hậu, con quan Đại phu Thạch Thước, viện cớ nước không thể một ngày không có vua, tôn Chu Hu lên làm vua để tiếp nối quốc thống. Chu Hu làm vua, cảm thấy mọi người bất phục nên áy náy không yên. Đêm ngủ mơ lại thường thấy hồn ma Hoàn Công hiện về đòi thường mạng. Chu Hu đem những điều lo sợ của mình tâm sự với Thạch Hậu. Thạch Hậu trở về quê hương hỏi cha về cách thức làm sao cho ngôi vua của

Chu Hu có danh nghĩa đường hoàng.

Quan lão Đại phu Thạch Thước muốn diệt trừ hai đứa loạn thần, nghịch tử này nên bảo rằng:

- Nước Trần đang được Thiên Tử nhà Chu tin dùng, nếu được vua nước Trần kêu xin giúp cho thì Thiên Tử chắc là ứng thuận. Đã có mệnh của Thiên Tử thì còn ai dám nghị luận, đàm tiếu nữa?

Thạch Hậu và Chu Hu mừng rỡ lắm, sắm sửa lễ vật, đi sang nước Trần. Thạch Thước sai một người nhà thân tín đi xe nhẹ sang gặp nước Trần, đưa thư cho vua nước Trần nhờ bắt loạn thần, tặc tử. Chu Hu và Thạch Hậu đến sau, thế là hai gã bị chui đầu vào lưới.

Thạch Thước lúc bấy giờ đã trên tám mươi tuổi nhưng cương quyết lạ thường. Ông sai người đến Di Bộc hợp với nhà chức trách địa phương đem Chu Hu ra xử chém. Ông lại sai gia thần đi chém chết Thạch Hậu luôn. Thạch Hậu đáng chết lắm vì những việc làm gian ác của Chu Hu đều có gã tán trợ một phần.

Dư luận quân dân nước Vệ đều cho rằng quan lão Đại phu Thạch Thước đã vì quyền lợi tối thượng của quốc gia mà đem cả con mình ra chính pháp, đã vì đại nghĩa mà không kể quyền lợi gia đình.

*

* *

Vụ án Chu Hu giết Vệ Hoàn Công là một vụ điển

hình cho những vụ giết vua cướp nước khác diễn xuất liên miên trong thời Xuân Thu.

Sử ký của Tư Mã Thiên ghi:

- Ba mươi sáu vụ giết vua.
- Năm mươi hai nước bị mất.

Suốt đời Xuân Thu, chiến tranh liên tiếp nhưng rất ít cuộc chiến tranh hợp với chính đạo, chính nghĩa.

HẠ CƠ

NGHỆ THUẬT TÌNH DỤC

Hạ Cơ nguyên là con gái Trịnh Mục Công. Cô nàng góa chồng sớm, tái giá lấy Ngự Thúc ăn lộc ở Hạ Ấp, người đương thời nhân đó gọi nàng là Hạ Cơ.

Nàng giỏi nghệ thuật giao tiếp với nam giới ở chốn khuê phòng, ai cũng lấy làm sung sướng được nàng chiếu cố ái ân. Cho nên nói về đời nàng, có người đã nói nàng đã 3 lần làm vương hậu, 7 lần làm phu nhân. Coi thế đủ biết nàng đất chồng lắm, gặt ra không hết. Nàng có một đứa con riêng, chính nàng cũng không biết đích xác nó là con ai nên cho nó theo họ mẹ, đặt tên là Hạ Chính Thư.

Khi Hạ Chinh Thư đến tuổi trưởng thành, nàng được chừng 35 tuổi. Nhưng không phải đợi đến lúc đó nàng mới có cuộc tình tay tư với Trần Linh Công.

Cuộc tình tay tư dâm loạn và loạn dâm này đã khai diễn từ 10 năm về trước. Trần Linh Công cùng với hai quan khanh là Khổng Ninh, Nghi Hàng Phủ thường lui tới Châu Lâm, nơi Hạ Cơ có biệt thự riêng biệt, thuận lợi cho việc hành lạc.

Vua tôi đem những chuyện vui say đắm ở Châu Lâm ra cười nói chuyện huyền thiên, không che giấu gì cả, đến nỗi người trong nước ai cũng biết, cũng nghe. Ngay tại chốn Triều đình, giữa ban ngày ban mặt, ba người cũng đem chuyện Châu Lâm ra khoe nói với nhau. Khổng Ninh, Nghi Hàng Phủ khoe mình được nàng lưu niệm cho cái quần lót, áo nịt vú.

Một hôm, cả ba vua tôi gặp nhau ở Châu Lâm. Nghi Hàng Phủ khen đùa Hạ Chinh Thư giống Trần Linh Công, Khổng Ninh bác đi rằng:

- Chúa Công còn nhỏ tuổi, đã đúc nên Hạ Chinh Thư thế nào được? Hay là nó giống người?

Nghi Hàng Phủ cười xòa:

- Cứ trông cặp mắt nó hau háu thì nó giống người lắm. Nhưng thực tình mà nói thì đến mẹ nó cũng không biết nó là giống má của ai?

Hạ Chinh Thư từ khi lớn lên, nghe chuyện mẹ

mình dâm loạn đã lấy làm ghét vì sỉ nhục. Nay lại núp nghe lén được câu chuyện đùa bỡn này, càng căm giận vô cùng. Liền lấy cung tên đợi ba người kia đi ra ngoài vì chuyện cần tiểu tiện thì sẽ ra tay. Trần Linh Công ra trước, đi gần đến chuồng ngựa, Hạ Chính Thư lấp tên dài vào cung, bắn tạch một phát ngay Trần Linh Công chết liền, xác bị vùi trong đống phân ngựa.

Khổng Ninh, Nghi Hàng Phủ sợ hết hồn, hết vía, tỉnh hẩn rượu, lên xe tẩu thoát, bôn đào đến tận nước Sở. Hạ Chính Thư thấy không còn ai dám phản đối, lên ngôi vua nước Trần, sau đó lại đi hội minh với các nước Trịnh, Sở. Được như vậy là êm xuôi vì ngôi vua đã được chư hầu thừa nhận.

Bất ngờ, tháng mười năm ấy, Sở Trang Vương xuất binh đánh nước Trần, tuyên cáo với dân chúng rằng:

- Hạ Chính Thư giết vua, phạm tội đại nghịch. Ta xuất binh là cốt để hỏi tội nó, dân chúng nước Trần cứ an cư lạc nghiệp như thường.

Hạ Chính Thư bị bắt, Sở Trang Vương truyền lệnh xé thây. Rồi đặt quan cai trị, coi nước Trần như một huyện của nước Sở vậy.

Riêng về Hạ Cơ, Sở Trang Vương định đưa về hậu cung, phong làm Quý Phi.

Bấy giờ có Vu Thần là người mê Hạ Cơ, sợ mất

phần mình, hết sức can Sở Trang Vương rằng:

- Hạ Cơ tuy đẹp nhưng bất tường. Nàng có số sát chồng, vua chớ nên lấy!

Rồi Vu Thần kể hết những tai họa do nhan sắc của nàng gây ra. Sở Trang Vương nghe nói cũng lấy làm ngán, bác bỏ cái dự định phong Quý Phi ngay.

Công tử Trắc cũng muốn cưới nàng. Vu Thần lại phải tấn công trần thuyết:

- Thứ vưu vật ấy bất tường quá lắm. Đời chồng thứ nhất là Tử Man chết rất sớm, đời chồng thứ hai là Ngự Thúc bị giết. Tình nhân của nàng là Trần Linh Công vui thầy trong đám phân ngựa, Khổng Ninh, Nghi Hàng Phủ bỏ quan chức mà lưu vong. Nàng có số sát chồng, sát con. Con trai là Hạ Chính Thư bị xé thầy... thiên hạ đã hết người đẹp rồi sao mà phải rước cái thứ táng mạng táng thân về mà làm vợ?

Công Tử Trắc nghe nói lấy làm phải, thôi không dám mơ tưởng đến Hạ Cơ. Sở Trang Vương bảo rằng:

- Người đẹp thế này mà làm hoa không chủ thì uổng lắm. Sẵn đây có quan Liên Doãn Tương Lão cũng có công chiến trận, thôi thì đem nàng thưởng cho!

Vu Thần thấy không đến phần mình, trong bụng lấy làm ầm ức... Rồi lại nghĩ rằng:

- Tương Lão già rồi, ở với nàng lâu sao được. Thôi cứ đợi khi nàng thành quả phụ, ta sẽ tính kế khác.

Quả đúng như lời Vu Thần dự tính, Tương Lão cưới Hạ Cơ được mấy tháng thì trận vong. Nhưng mà con trai Tương Lão là Hắc Yên lại chiếm lấy Hạ Cơ làm vợ! Vu Thần sai người thân tín nhắn tin với Hạ Cơ rằng:

- Nàng hãy lập kế trở về nguyên quán là nước Trịnh đi! Tôi sẽ qua đó tính trăm năm!

Hạ Cơ mượn cớ đi tìm thi thể Tương Lão bỏ nước Sở về nước Trịnh. Vu Thần khuyên Sở Trang Vương kết liên với nước Trịnh, cùng mưu đồ đánh nước Tấn để báo cái thù chiến bại mấy năm trước. Vu Thần lãnh nhiệm vụ đi sứ nước Trịnh, thừa dịp thuận tiện, chính thức cầu hôn với Hạ Cơ. Trịnh Tương Công có tình anh em ruột thịt với Hạ Cơ, chấp nhận ngay hôn lễ.

Những người mê nàng ngày trước là Tử Trọng, Tử Phản biết được chuyện này liền đem gia đình đánh giết tông tộc Vu Thần, Tương Lão, tịch thu tài sản, ruộng đất, nông cụ, nông nô.

Vu Thần hay tin, nghĩ kế báo thù nước Sở (để làm cho Tử Trọng, Tử Phản lao đao) Vu Thần xin đi sứ Ngô, được vua Ngô hoan nghênh, quý mến. Vu Thần đem phép xa chiến truyền dạy cho người Ngô, xui vua Ngô dùng thân phục nước Sở nữa.

Tử Trọng, Tử Phản thấy nước Ngô hưng thịnh, trong 1 năm mà 7 lần xuất binh đánh nước Ngô. Quân Ngô kháng cự rất dũng cảm, Tử Trọng, Tử Phản không thu được mảy may thắng lợi nào. Lại nhân vì chuyện

bôn tẩu vất vả mà nhiễm bệnh, chết ở dọc đường.

Vu Thần còn sai con đời vợ trước là Hồ Dung ở lại nước Ngô để làm kế quấy rối nước Sở liên miên.

Theo sử gia Lưu Hưởng, Hạ Cơ có nhan sắc rất đẹp, Vu Thần là người túc trí đa mưu sĩ thì sinh ra nhiều chuyện ly kỳ lắm!

DƯƠNG NHẬT LỄ LÀM VUA ĐỜI NHÀ TRẦN

Trần Du Tông là một ông vua bất tài mà lại ham chơi. Cờ bạc, rượu chè, đào đĩ, không thứ nào thiếu. Sau một chuyến đi chơi ở Mễ Sở, đương đêm vua về đến sông Chử Gia thì bị mất cả gươm và ấn. Vua cho rằng đó là điềm rất xấu, mạng vua không còn được bao lâu. Vì thế vua sinh ra chán đời, ăn chơi càng bạt mạng.

Năm 1369, vua uống rượu say, tắm sông nhiễm bệnh rồi băng hà. Trước khi qua đời, vua đã xuống chiếu triệu đưa con giả của Cung Túc Vương là Dương Nhật Lễ về kinh, thừa kế đại thống.

Thực ra Dương Nhật Lễ là con một người kép hát tên là Dương Khương, mẹ Nhật Lễ là đào hát, ở với chồng đã có mang được vài tháng rồi mới về tay Cung

Túc Vương.

Khi vua Dụ Tông, triều đình đã định tôn Cung Định Vương lên ngôi, nhưng bà Thái hậu viện cớ Cung Túc Vương là con đích trưởng, chẳng may mất sớm thì con của Vương là Nhật Lễ phải được kế thừa.

Sau Thái hậu biết được sự thật, rất lấy làm hối hận, Dương Nhật Lễ đánh thuốc độc cho Thái hậu qua đời.

Năm 1370, Cung Túc Vương Nguyên Trác cùng với Công chúa Thiên Ninh xuất tiền mộ tử sĩ, đương đêm lên vào thành, tìm giết Nhật Lễ. Nhật Lễ trốn núp dưới cầu. Trời gần sáng, Nhật Lễ trở về cung, đem quân cấm vệ lòng bắt những người mưu sát mình. Bắt được 18 người, trong đó có Nguyên Trác, Nhật Lễ ra lệnh lập tức hành hình.

Cung Định Vương (anh vua Trần Dụ Tông) trốn lên miệt Đà Giang, chiêu tập binh mã. Hoàng thân tên là Kính cũng khởi binh ở lộ Thanh Hoa. Hai đám nghĩa quân liên lạc với nhau qua đường sông Mã, sông Đà có thể đánh úp Thăng Long được lắm.

Dương Nhật Lễ dùng thiếu úy Ngô Lang lo việc đánh dẹp, không biết rằng Ngô Lang đã về phe với Cung Định Vương rồi. Nghĩa quân về đến phủ Kiến Hưng, Cung Định Vương tuyên cáo truất phế Dương Nhật Lễ làm Hôn Đức Công.

Cung Định Vương làm lễ yết thái miếu, rồi lên ngôi vua, đặt niên hiệu là Thiệu Khánh, vua tự xưng là Nghĩa Hoàng.

Xa giá về đến Đông Bộ Đầu, tin tức lan truyền về Thăng Long, Ngô Lang xui Dương Nhật Lễ xuống chiếu tội kỷ (tự mình kể tội mình), bỏ ngôi vua, ra bên đường đón Nghĩa Hoàng. Nghĩa Hoàng trông thấy Nhật Lễ, ban vài câu an ủi, các tướng nổi giận toan giết ngay. Vua truyền giam Nhật Lễ ở phường Giang Khẩu. Lúc bấy giờ Nhật Lễ mới biết Ngô Lang phản mình, lập kế báo thù. Bèn nhắn tin Ngô Lang đến để nói chuyện bí mật về vàng bạc đã chôn giấu, Ngô Lang đến ngay, quì gối để nghe lời tiết lộ, Nhật Lễ thừa lúc Ngô Lang bất ý, đánh mấy đòn hiểm độc, Ngô Lang chết ngay. Nghĩa Hoàng hay chuyện, truyền võ sĩ dùng chân tay không đánh chết Nhật Lễ.

Nhật Lễ lợi sông vào triều nhà Trần, chỉ làm vua được hơn một năm (1369 - 1370)

Mẹ Nhật Lễ tìm được đường trốn chạy sang nước Chiêm Thành, được Chế Bồng Nga cho trú ẩn. Khởi đầu những chuyện rắc rối cũng bởi tại Cung Túc Vương mê đào hát mà ra.

Người đẹp có giọng hát mê ly đã khiến cho Vương u mê, lú lẫn, không phân biệt nổi dựng phụ (đàn bà có chữa) với đàn bà bình thường. Không biết cô đào hát này có mang thai Nhật Lễ đến 12 tháng như Triệu Cơ

mang thai Triệu Chính hay không, trường hợp này người bình dân Việt Nam gọi là chữa trâu, khó tính ngày tháng lắm.

Nếu Cung Túc Vương có mê muội đi nữa thì việc gì đến Trần Dự Tông mà trước khi băng hà, vua cũng xuống chiếu triệu Dương Nhật Lễ về?

Đây là việc Thân vương và vua nhà Trần tự gây tai họa cho triều đại đương nắm quyền ngự trị. Cung Túc Vương không khôn ngoan mà Trần Dự Tông cũng không sáng suốt, tội vạ nhà Trần gặp cơn suy mạt đến thế... nghĩ thật đáng buồn.

Rồi Nghĩa Hoàng (Trần Nghệ Tông) làm cho uy thế nhà Trần và nước Đại Việt suy vi nhiều hơn nữa.

HOẠ SĨ ĂN HỐI LỘ

Không cần phải làm quan văn, quan võ gì mới có quyền sách nhiễu của hối lộ, người có máu tham thì bất cứ làm một công việc gì, hễ có hơi hám chút đỉnh gì của chính quyền cũng tìm ra những phương pháp quỉ khóc thần kinh mà vét túi người khác.

Đầu thế kỷ I, Mao Diêm Thọ nổi tiếng là một họa sĩ tài hoa, vẽ chân dung rất khéo, rất giống. Gặp lúc

Hán Nguyên Đế muốn vẽ chân dung bọn phi tần để vua chỉ nằm một chỗ mà cũng biết ai đẹp ra sao, đẹp về nét gì, nhà vua không muốn đi khắp các cung viện vì như thế thì mệt lắm mà nhà vua thì trời phú cho cái tánh không được siêng năng.!

Vua sai Mao Diêm Thọ đi vẽ, các cung nữ đua nhau đưa hối lộ để họa sĩ vẽ cho đẹp thêm lên. Mao Diêm Thọ được cơ hội phát tài trông thấy. Riêng Vương Tường không đưa vàng kính tặng vì nàng là một bậc quốc sắc thiên hương. Mao Diêm Thọ ức lắm vì không thể vẽ nàng xấu được. Vẽ xấu thì đâu có giống nàng? Nhưng bọn họa sĩ đã sắp sẵn cơ mưu báo thù. Trên chân dung nàng, họa sĩ điểm thêm một nốt ruồi và tâu với vua rằng:

- Nàng này đẹp lắm, nhưng nốt ruồi “thương phu trích lệ” là tướng sát chồng. Ai tham sắc đẹp mà lấy nàng thì e sẽ bị đoản thọ!

Gặp lúc sứ giả Hung Nô vào Hán đình xin số bạc lụa và số mỹ nữ theo hòa ước ký kết từ đời Cao Tổ, Hán Nguyên Đế trao tấm hình vẽ Vương Tường cho sứ giả Hung Nô, hứa gả Vương Tường cho vua Hung Nô ở miền sa mạc.

Nguyên nhà Hán đối với các bộ lạc du mục ở ngoài Vạn Lý Trường Thành thường phải cung cấp bạc vàng, gấm lụa, mỹ nữ để mua hòa bình. Nếu không sẽ có chiến tranh bất lợi cho nhà Hán. Quân Hung Nô đi

chuyển bằng ngựa, tấn công chớp nhoáng rồi biến đi mất. Bộ binh của nhà Hán tuy đông đảo hơn nhiều song di chuyển chậm chạp, chiếm thủ đều bất lợi...

Vương Tường đã có tướng sát chông, vậy gả nàng cho vua Hung Nô, nếu vì sung khắc lý số mà vua Hung Nô chết đi thì được việc cho nhà Hán lắm...

Khi Vương Tường vào bệ kiến, từ biệt vua để đi làm phận sự hòa thân, Hán Nguyên Đế mới thấy nàng là một trang quốc sắc. Vua tiếc lắm nhưng không làm sao được vì văn thư ngoại giao đã trao rồi. Mao Diêm Thọ bị xử tử hình vì cái tội đã lừa dối bậc quân thượng.

Thi sĩ đời Tống là Âu Dương Tu có bài thơ đề vịnh lịch sử nhắc lại chuyện này. Vương Tường được gọi là minh phi vì cặp mắt nàng long lanh, có cái nhìn quyến rũ thơ mộng...

Minh phi khúc

Hán cung hữu giai nhân,

Thiên sử sơ vị thức

Nhất triều từng Hán sứ

Viễn giả thiên vu quốc ...

Tuyệt sắc thiên hạ vô

Nhất thất nan tái đắc!

Tuy năng sát họa công

U sự cánh hà ích?

*Nhĩ mục sở cận thượng như thử,
 Vạn lý yên năng chế di địch?
 Hán kế thành dĩ chuyết,
 Nữ sắc nan tự khoa
 Minh phi khứ thì lệ,
 Sái hướng chi thượng hoa
 Cuồng phong nhật mộ khí
 Phiêu bạc lạc thù gia?
 Hồng nhan thắng nhân đa bạc mệnh.
 Mạc oán đông phong đương tự ta!*

Âu Dương Tu

Dịch:

Hán cung có gái tuyệt vời
 Vô tình thiên tử tâm hơi chưa tường.
 Một theo sứ Hán lên đường
 Dẫu về làm vợ vua Mường xa xa.
 Trời sinh sắc đẹp nồn nà,
 Mất rồi không thể tìm ra nữa nào!
 Họa cộng đành chịu gươm đao
 Nhưng suy việc ấy trước sau ích gì?
 Việc gần như trước lông mi
 Mà còn lằm lở hướng gì việc xa!

Minh phi trong ánh dương tà,
 Lệ hồng thấm ướt cành hoa nhụy đào.
 Trời hôm nổi gió ào ào
 Cành hoa kia biết lạc vào nhà ai?
 Xưa nay người đẹp hơn đời,
 Vì nhiều bạc mệnh, than trời mà chi?
 Âu là mình tự thương đi,
 Gió đông nào có phụ gì duyên nhau

Trước Âu Dương Tu, Đỗ Phủ cũng có bài thơ nói đến.

Minh phi vì ông đã đi qua sinh quán của Chiêu Quân.

*Quần sơn vạn hóa phó Kinh Môn
 Sinh trường Minh Phi thượng hữu thôn
 Nhất khứ tử dài liên sóc mạc
 Độc lưu thanh trủng hướng hoàng hôn
 Họa đồ tỉnh thức xuân phong diện,
 Hoàn bội không qui dạ nguyệt hồn
 Thiên tải tỳ bà tác hồ ngữ
 Phân minh oán hận khúc trung luân*

Đỗ Phủ

Dịch:

Kinh môn trăm núi ngàn khe.
Minh phi làng cũ còn ghi dấu này
Tử đài từ thuở chia tay
Một lên đường bắc cát bay, bụi mờ
Còn chi để lại đất Hồ
Ánh chiều tê tái nắm mờ xanh xanh
Bức là từ lúc vẽ thành
Vua xem chừng biết mây xanh ít nhiều
Bây giờ vàng ngọc ai đeo
Canh khuya sương lạnh hồn theo đường về
Tỳ bà cung điện thăm thê,
Ngàn năm khúc ấy trăm bề oán thương.

Minh Phi Chiêu Quân (Vương Tường) giỏi gảy đàn tỳ bà, nàng qua đời trên sa mạc, nắm mờ của nàng có cỏ xanh. Đó là một điểm đặc biệt vì ở sa mạc cỏ thường trắng trắng. Những bản nhạc do Chiêu Quân sáng tác đã thất truyền từ lâu.

Đỗ Phủ làm cho chúng ta thương cảm tài năng của nàng, nhà thơ không hề nhắc đến tên Mao Diêm Thọ, gã họa sĩ đã gây cho nàng không biết bao nhiêu khổ hận.

Không nhắc đến vì không đáng nhắc lại thôi!

Từ Minh Phi đến Đỗ Phủ đã có một khoảng cách thời gian hơn 7 thế kỷ. Trong thời Thịnh Đường, Thi Thánh đã gặp được Tào Bá một họa sĩ tài hoa hiển cả cuộc đời cho nghệ thuật.

Tào Bá đã vẽ chân dung các danh thần khai quốc của nhà Đường như Tần Thúc Bảo, Uất Trì Cung. Có lần ông đã vẽ con ngựa Ngọc Hoa của Đường Minh Hoàng, bức vẽ treo lên, con ngựa Ngọc Hoa nhìn thấy tưởng là ngựa thật, xông đến muốn cắn, muốn đá.

Đường Minh Hoàng đẹp ý, hối bọn quan hầu trao tặng vàng cho mau. Họa sĩ bái lĩnh gấm vóc, vàng bạc bưng về nhà gió thổi gấm hoa bay phát phới. Họa sĩ được các nhà quyền quý mời về dinh phủ, vẽ những con tuần mã đẹp một cách thần kỳ.

Tài năng Tào Bá sánh kịp Giang Đô Vương, ông nổi tiếng hơn 30 năm cuộc đời thanh cao hiền triết.

Tài đức như thế mới đáng ghi lại tên họ cho người đời sau biết mà-ngưỡng mộ chứ cái thứ họa công tham lam như Mao Diêm Thọ thì có xứng đáng gì mà được lưu danh.

VÔ KỶ LUẬT

Lúc còn là một vị công tử phiêu dạt giang hồ, Trùng Nhĩ đã đến nước Tào và bị vua quan nước ấy khinh miệt, bạc đãi. Hy Phụ Cơ một viên quan mắt xanh nước Tào đoán biết tương lai anh hùng của Trùng Nhĩ, rủe đoàn người lưu vong khổ sở về nhà, thết đãi tử tế.

Sau Trùng Nhĩ về được nước Tấn, lên ngôi vua. Đó là Tấn Văn Công, cùng với nước Sở tranh quyền bá chủ, Tấn Văn Công phải đánh nước Tào một nước đồng minh của Sở. Quân Tấn chiến thắng, Tấn Văn Công thống trị nước Tào, hạ lệnh rằng:

- Tướng sĩ nước Tấn không ai được xâm phạm đến gia cả, diên sản Hy Phục Cơ ai trái lệnh sẽ bị tội nặng. Hàng trăm gia đình quan dân nước Tào đến núp bóng Hy Phụ Cơ để nương nhờ lệnh bất khả xâm phạm đã được ban bố. Bất ngờ có Ngụy Thù, Điều Hiệt là bấy tôi tòng vong Công tử Trùng Nhĩ ngày trước nổi lòng ganh tị, hai tướng này bàn với nhau rằng:

- Chúng ta theo chúa công đã lâu ngày, thân chịu biết bao nhiêu khổ sở. Đường lưu vong mấy ngàn dặm, công phu phụng sự khó nhọc nói sao cho cùng. Hy Phụ Cơ chỉ đãi mấy bữa cơm, sao mà ngày nay được chúa công dành cho nhiều danh dự đến thế?

Hai tướng rủ nhau phóng hỏa, đốt nhà Hy Phụ Cơ.

Lửa cháy rần rần, một cây đà gỗ nặng rơi xuống, Ngụy Thù tránh không kịp, bị thương nặng trước ngực phải băng bó nằm dưỡng bệnh ở nhà.

Tấn Văn Công quyết ý trừng trị hai tướng phạm pháp. Có người nói Ngụy Thù có tài võ dũng nên đem chém thì uổng lắm. Có người bàn rằng nên sai người xem xét bệnh trạng của Ngụy Thù trước đã rồi sau sẽ quyết định. Sứ giả của Tấn Văn Công đến thăm bệnh, Ngụy Thù đoán biết sự cơ. Nếu bệnh nặng là sẽ bị chúng chém ngay. Vì thế ông ta phải giả cách chỉ bị thương sơ sơ, đi đứng chạy nhảy còn mạnh mẽ lắm. Trước mặt sứ giả thăm bệnh, ông ta chạy mấy vòng, nhảy cao mấy lượt và nói to rằng mình còn đủ sức xông pha chiến trận...

Tấn Văn Công cách chức Ngụy Thù, lưu lại trong quân để chờ sai khiến. Điều Hiệt bị coi là thủ phạm nên bị chém ngay để giữ nghiêm quân phong, quân kỷ và cũng để cho dân nước Tào biết Hy Phụ Cơ là người hiền, vua nước Tấn là người coi trọng tín nghĩa, xử đoán công minh.

Trong cuộc tranh hùng ở Thành Bộc năm này (632 TCN) phía bên Sở cũng có một vụ bất tuân thượng lệnh rất nghiêm trọng.

Sở Thành Vương là người am hiểu tình hình quốc tế biết nước Tấn đang hưng thịnh, Tấn Văn Công được dân chúng ủng hộ, nên không muốn cùng quân Tấn giao

phong, lui quân về Phương Thành để tránh mọi sự tổn thất.

Thế nhưng quan Linh doãn là Tử Ngọc khẳng khái xin quyết chiến. Tử Ngọc tuổi trẻ, tự tin có tài trị quân. Đã có một lần thao diễn quân đội, trong một ngày Tử Ngọc phạt roi 7 người, xẻo tai 3 người. Vỹ Giã cho rằng Tử Ngọc đánh nhau với quân Tấn thì thế nào cũng thua.

Lúc còn ở địa vị một Công tử lưu vong Trùng Nhĩ được nước Sở tiếp đãi tử tế, có hứa rằng:

- Ngày sau nếu tôi đắc trí ở nước Tấn mà bất đắc dĩ phải cùng nước Sở tranh hùng thì xin lui quân, nhường nước Sở ba xá⁽¹⁾.

Lần này, Tấn Văn Công giữ lời hứa ngày trước lui quân 3 xá. Tử Ngọc không biết trời cao đất dày gì cả, cho là quân Tấn hèn nhát, khiếp nhược nên đem chiến xa đuổi theo. Quân Tấn bố trí thành trận thế mai phục. Tử Ngọc thúc quân đuổi gấp, toán quân đi trước tách rời toán quân đi sau, không thành trận thế gì cả. Quân dụ địch của nước Tấn quay lại, quân mai phục ở hai bên nổi dậy, Tử Ngọc vội vàng thu góp lực lượng, chạy trở về.

Quân Tấn toàn thắng, ban sư về đến Tiểu Thổ, xây dựng một đài cao tráng lệ, nguy nga rước Thiên tử nhà Chu đến nghe báo cáo quân sự.

⁽¹⁾ Mỗi xá là 30 dặm.

Thiên tử phong Tấn Văn Công làm Phương Bá ở khu vực Tây – Bắc, được quyền ngồi một thứ xe sang tùy tùng có 300 vệ sĩ.

Về phía nước Sở bại trận, Sở Thành Vương sai người khiển trách Tử Ngọc về cái tội vô kỷ luật, khai chiến liều lĩnh, thua trận làm tổn thương uy tín quốc gia, Tử Ngọc vừa sợ vừa then, rút gươm tự sát. Quan Tư mã là Tử Tây thấy sự việc có liên quan đến mình, vào rừng sâu treo dây thắt cổ, dây đứt, Tử Tây rơi xuống đất vừa kịp lúc xá thư truyền đến nên được sống sót trở về.

Sở Thành Vương nghĩ rằng quân mình đã thua trận mà mình còn buộc tội chết các tướng lĩnh thì có khác gì mình tự chặt đứt chân tay, như thế là mình tự đánh mình đó. Một mình Tử Ngọc chết là đã làm cho quân luật nghiêm minh.

MỘT VỊ VƯƠNG TRỘM CẤP

Làm quan được phong Vương là cực phẩm rồi, sao lại còn ăn trộm? thật là chuyện lạ.

Đời Trần, các thương thuyền Xiêm La, Nam Dương vào buôn bán với nước Việt, phải đậu ở bến Vân Đồn. Họ buôn bán các đồ vàng ngọc, kỳ trân dị bảo, trong số này có áo hỏa hoãn (cân) là đặc biệt nhất, hỏa

hoãn dệt bằng sợi amiante, mặc áo đến bần thì đốt lửa cho cháy hừng hực lên, ném áo vào lửa, một lát sau lấy ra, áo lại trắng sạch, bóng láng màu kim tuyến như trước. Giá bán rất đắt đến 300 quan tiền một thước ta (xin nhớ một mẫu ruộng công giá chỉ được 5 quan thôi).

Vua Dụ Tông mua được một áo, vua coi áo là tuyệt quý, các vua Lý, Trần đời trước đâu có sắm được áo này! Vua giao cho cung nữ cất vào thâm cung. Khỏi phải nói thì ai cũng biết chốn hậu cung được canh gác nghiêm mật. Thế mà áo vẫn bị lấy trộm như thường. Ai lấy? Làm sao lấy được?

Thủ phạm là Bảo Uy Vương! Vương đã có công đánh dẹp các Mường Ngư Hống, các đám giặc Xiêm Lào, đích thị Vương là một tướng lĩnh có tài năng vậy.

Đã cả gan ăn trộm, Vương còn cả gan chứng diện áo này trước mặt Dụ Tông. Vua lấy làm lạ, Vương đối đáp lúng túng trước những câu gạn hỏi. Tan phiên chầu, Vương hấp tấp trở về phủ, sai người đem áo đưa cho cung nữ cất vào kho như trước.

Vua Dụ Tông đích thân mở cuộc điều tra. Từ vụ ăn trộm áo nảy ra vụ thông dâm với cung nữ nữa! Một vụ thành hai, vua giận lắm, giáng chức Bảo Uy Vương xuống làm Phiêu kỵ Tướng quân, đày đi coi trấn Vọng Giang (Nghệ An) thuyền của Tướng quân mới đi đến Thiên Trường thì vua sai người đuổi theo giết chết.

Ấy, chỉ vì tham dại mà thân bại danh liệt rồi tán mạng trên đường lưu đày.

Vụ án ăn trộm áo xảy ra vào năm 1347.

NGỰ Y GIAN DÂM CUNG NỮ

Vị Ngự y này là Sô Canh, con của Sô Tôn, quân y trong quân đội nhà Nguyên. Sau khi Thái tử Thoát Hoan (Togan) thua chạy trong việc Nam xâm, Sô Tôn chạy theo không kịp bị bỏ rơi ở núi Long Châu. Ngài quân y này chữa bệnh cho nhân dân, nổi tiếng là một lương y tinh thông dược, Sô Canh nối được nghiệp cha, giao du sang đất Đại Việt.

Gặp lúc Hoàng tử Cao mới lên 4 tuổi theo cha mẹ du lãm Hồ Tây, bị rơi xuống nước, vớt lên được thì đã tắt thở rồi. Sô Canh được triệu thỉnh đến, y làm thuật châm cứu làm cho Hoàng tử hồi sinh, Hoàng tử lớn lên, được thừa kế ngôi vua, ấy là vua Trần Dụ Tông.

Sô Canh là ân nhân của vua nên được tín nhiệm quý mến. Y được phép ra vào cung cấm chữa bệnh cho hoàng gia và các phi tần nữa. Nhân vậy mà thầy thuốc giỏi quyến rũ và thông dâm với các cung nữ của vua.

Đáng lý thì Sô Canh phải chịu tử hình nhưng Trần Dụ Tông nhớ đến cái ơn cứu mạng ngày xưa, đặc cách cho y được miễn tử, chỉ đuổi y ra khỏi Thăng Long mà thôi. Sau đó y phiêu bạt về đâu, không ai biết nữa....

NHỮNG CÁI NGU ĐẶC BIỆT CỦA TRẦN NGHỆ TÔNG

Cung Định Vương dẹp xong vụ biến loạn Dương Nhật Lễ lên ngôi vua, đặt niên hiệu là Thiệu Khánh, tự xưng là Nghĩa Hoàng. Ấy là Trần Nghệ Tông.

Nghệ Tông biến được một số nông dân nghèo khổ thành ra nông nô, tâu mọi của các nhà hào phú quyền quý.

Nguyên pháp luật về điền địa của các đời vua trước có khoan, triệt cướp pháp những qui định rõ ràng giới hạn của các trang viên, nông trại, đồn điền ở ven sông, ven biển, nông trại đồn điền có đường chân từ đầu đến cuối. Ngoài đường chân ấy, đất tân bồi thuộc về quốc gia. Nông dân nghèo khổ có quyền xin được khẩn hoang, lập vườn ruộng nhỏ. Trần Nghệ Tông bãi bỏ. Triệt cướp pháp các bậc vương hầu tha hồ mở rộng diện tích trang viên, bao nhiêu đất tân bồi đều thuộc về họ hết. Lũ nông dân cô thế chỉ còn có một cách sinh hoạt là xin làm nông nô cho địa chủ vương hầu mà thôi.

Ý của Nghệ Tông là muốn lấy lòng giới quý tộc. Quý tộc càng giàu thì nông dân nghèo càng mệt. Sự lý hiển nhiên như thế, Nghệ Tông không cần làm chi!

Điều ngu thứ hai là khuất phục các yêu sách vô lý

của nhà Minh.

Năm 1384 tướng nhà Minh bình định đất Vân Nam sai người sang đòi vua Việt phải cống thầy bói, thầy cúng giỏi tốt, voi thuần.

Nghệ Tông không dám trái ý nhà Minh một khoản nào. Phải cống lệ chi (trái vải) ba la mật (mít) am la (xoài) thứ trái cây nào ngon, họ cũng đòi cả. Lại phải ương cây giống mà cống nạp để cho họ phát triển nghề trồng cây ăn trái. Các giống chuối ngon họ cũng đòi.

Không bao giờ nước Việt phải tiến cống nhiều thứ đến thế.

Cái ngu thứ ba là giết hại tông thất nhà Trần, kể cả Đế Hiếu là con Trần Duệ Tông.

Đế Hiếu thấy Lê Quý Ly chuyên quyền có ý muốn làm việc thoán đoạt. Vua bèn mật mưu với Thái úy Thích và các tướng để trừ bỏ kẻ quyền gian. Lê Quý Ly kêu xin với Nghệ Tông, xin Thượng Hoàng (Nghệ Tông) chớ có bỏ con mà nuôi cháu. Nghệ Tông bèn giả ý đi về An Sinh, sai người đòi Đế Hiếu đến ngay, Nghệ Tông sai bắt giam vào chùa Tư Phúc, phế xuống làm Linh Đức Vương rồi sai người đem đi thắt cổ chết.

Lập Chiêu Định Vương lên làm vua. Ấy là Trần Dật Tông

Cái ngu thứ tư của Thượng Hoàng là vẽ tranh Tứ Phụ tặng Lê Quý Ly, Tứ Phụ là:

+ Chu Công Đán giúp vua Thành Vương nhà Tây Chu.

+ Hoắc Quang giúp vua Chiêu Đế nhà Tây Hán

+ Gia Cát Lượng giúp vua Hậu Chủ nhà Thục Hán.

+ Tô Hiến Thành giúp vua Cao Tông nhà Lý.

Đại Nam quốc sử diễn ca phê bình Nghệ Tông rằng:

Chim non đem gỏi quạ già,

Chắc đâu phó thác hẳn là đắc nhân?

Dem gà con gỏi cho quạ, thiệt là ngu hết nước nói, Thượng hoàng làm vua 3 năm, ở ngôi Thượng hoàng 27 năm (thực sự là nắm đại quyền 30 năm), mất vào năm 1394, hưởng thọ 74 tuổi.

Nếu như Nghệ Tông mất sớm đi độ vài mươi năm thì nhà Trần chưa đến nỗi mất ngôi, mất nước.

Không phải nhà Trần thiếu trung thần, nghĩa sĩ đâu, ngặt vì không có ai nói chuyện gì mà thượng hoàng chịu nghe cả. Đã không chịu nghe mà còn đưa những bản sớ tấu cho Lê Quý Ly xem trước. Tác giả những bài sớ tấu ấy trước sau gì cũng bị Lê Quý Ly tìm cách tru diệt.

Thượng hoàng tỉnh mộng nhờ một giấc mơ!

Một hôm Thượng hoàng ngủ trưa, phảng phất thấy

Trần Duệ Tông hiện về, đọc hai câu thơ:

Trung gian duy hữu Xích Chủ hâu,
Ân cần tiêm thượng bạch kê lâu.

Suy nghĩ mãi, thượng hoàng biết rằng Xích Chủ hâu (khỉ mỏ đỏ) chỉ vào Lê Quý Ly, Bạch Kê Lâu (lâu gà trắng) chỉ vào cơ nghiệp thượng hoàng vì thượng hoàng tuổi Dậu, cầm tinh con gà.

Thượng hoàng tỉnh ngộ nhưng đã đến lúc nguy hiểm, tình thế không làm gì được nữa rồi! Trần Duệ Tông dầu có linh thiêng cũng uống!

CUỒNG SĨ NỄ HÀNH

Nễ Hành đọc và nhớ được nhiều sách, tự đánh giá mình rất cao:

- Thiên văn, địa lý, không điều gì là không biết. Tam giáo cửu lưu không điều gì là không hiểu thông. Trên cớ thể giúp vua làm được các bậc minh quân như Đế Nghiêu, Đế Thuấn, dưới có thể phối đức với các bậc thánh triết, hiền triết như Khổng Khâu, Nhan Uyên.

Lúc bấy giờ, Tào Tháo đã dựng được Hứa Xương, các bậc nhân tài hiền năng, đa số đều quy tụ về đó. Khổng Dung làm sơ tiến cử Nễ Hành lên vua Hiến Đế.

Vua giao tờ sớ tấu lại cho Thừa tướng Tào Tháo để xét năng lực của Nễ Hành. Nễ Hành tự phụ mình là người bác học đa năng, coi tất cả các quan văn võ dưới quyền Tào Tháo đều là một bọn người thô bỉ, tướng võ thì chỉ có tài giết ngựa mổ trâu, quan văn thì chỉ vịnh phú, ngâm thơ, thảo hịch truyền tin. Không một ai có tài an dân giúp nước cả. Đến Tào Tháo, Nễ Hành cũng coi là người ô trọc vì không đọc Kinh thi, Kinh thư là miệng ô trọc, không nghe kinh Xuân Thu là tai ô trọc, lộng quyền, muốn đoạt ngôi nhà Hán là quả tim ô trọc.

Tào Tháo giận nhưng không dám giết vì Nễ Hành đã nổi tiếng là danh sĩ. Liền sai Nễ Hành đi sứ Lưu Biểu ở Kinh Châu. Kinh Châu là miền đất phì nhiêu, đông dân, giàu có. Nễ Hành đến nơi yết kiến Lưu Biểu, dùng những lời lẽ hí hước, trào phúng, mới nghe qua thì hình như ca tụng, nhưng nghĩ kỹ thì có tính chất đả kích, chê cười. Các quan ở Kinh Châu giận, xui Lưu Biểu giết đi. Lưu Biểu nói Rằng:

- Nễ Hành đã từng mắng nhiếc Tào Tháo nhiều câu thậm tệ. Tào Tháo gởi nó xuống đây là mượn tay ta giết nó để cho ta mang tiếng sát hiền, trái lại Tào Tháo được tiếng là trọng sĩ. Chi bằng gởi nó đi xứ Hoàng Tổ...

Rồi sắm sửa hành trang, sai người cưỡng bức, đưa tiễn Nễ Hành đi. Nễ Hành coi Hoàng Tổ là người dung tục không hiểu chữ nghĩa, sử sách gì nên chỉ dùng những lời lẽ tầm thường để giao tiếp.

Một hôm Nễ Hành được Hoàng Tổ mời dự tiệc trên sông đến lúc rượu ngà ngà say. Hoàng Tổ hỏi rằng:

- Anh coi tôi là người như thế nào?

Nễ Hành đáp:

- Ông giống như một vị thánh hoàng trong miếu tuy có hưởng được lễ vật thờ cúng mà không linh thiêng!

Hoàng Tổ nghe lời châm chọc, nổi giận mắng rằng:

- Mày coi tao là tượng gỗ, tượng đất hay sao?

Sai người trói Nễ Hành đem ra còng Anh Vũ giết chết.

Anh Vũ là chốn ở Tây Nam Hán Dương, Nễ Hành có làm bài phú Anh Vũ châu đương thời cho là giai tác. Lúc lâm hình, Nễ Hành mắng nhiếc không ngớt miệng.

Tào Tháo nghe tin Nễ Hành bị giết, cười rằng:

- Lưỡi nó lợi hại như một mũi gươm! Mũi gươm ấy có tác dụng giết nó!

Nễ Hành mắng chửi quen miệng, không chừa được tật xấu nguy hiểm này. Mắng nhiếc Tào Tháo là vì Tào Tháo muốn giữ cho mình cái tiếng lễ hiền hạ sĩ, biết quý trọng, kính lễ các kĩ sĩ tài đức hiền năng. Mắng nhiếc Lưu Biểu mà khỏi chết vì Lưu Biểu là một nhân vật nổi tiếng nhất trong nhóm Giang Đông Bát Tuấn (8 người

anh tuần ở Giang Đông). Lưu Biểu muốn giữ thanh danh, giá trị của mình cho toàn vẹn, không bị một vết gì nhuốm bẩn vào. Chứ như Hoàng Tổ chỉ là một viên Thái thú ở Giang Hạ, không có tiếng tăm rực rỡ gì, ví như một hòn đá vũ phu chứ đâu có phải là minh châu báu ngọc. Hoàng Tổ giết Nễ Hành, có mang tiếng sát hiền cũng không sao vì không có kẻ sĩ nào tìm đến với Hoàng Tổ cả. Hoàng Tổ giết một cuồng sĩ mà mình không tổn thất điều gì. Do đó mà cái chết của Nễ Hành là một việc tất nhiên phải xảy ra vậy.

Người xưa nói “Thủ phân vi đại” giữ thân mình là một việc lớn, sao Nễ Hành không hiểu được nghĩa lý sâu xa của câu này?

Nễ Hành làm bài phú tả cảnh họa, sông nước của cồn Anh Vũ, bị giết chết tại cồn Anh Vũ, thì ra tên họ Nễ Hành và phong cảnh Anh Vũ dính chặt vào nhau.

Nễ Hành bị chết sớm lúc mới được 24 tuổi.

Người đời gán cho gã danh từ cuồng sĩ, quả thật là đúng hoàn toàn vậy. Không thể lựa một danh từ khác hơn.

ĐỘC VŨ

Độc Vũ là tách hay dùng binh, gây ra chiến tranh liên miên, phô trương uy vũ khắp bốn phương, muốn cho

xa gần đều phải cúi đầu khâm phục. Nó là căn bệnh của các nhà xâm lược, các nhà chinh phục tham lam.

Hán Vũ Đế là ông vua oai hùng nhất của nhà Tây Hán.

Đối với Hung Nô, vua bỏ chính sách tọa phòng mà dùng chính sách khai tái xuất kích. Tọa phòng là ngồi một chỗ mà phòng thủ, nhường cho quân địch các quyền chủ động tấn công. Khai tái xuất kích là mở cửa ải, đem quân tấn công, nắm quyền chủ động. Hung Nô thiếu thành trì, chiến lũy, thường phải ứng chiến trong tình thế hết sức là khó khăn.

Năm 102 TNC, tướng Hán là Hoắc Khử Bệnh đuổi đánh Hung Nô, nhân đó mở việc thám hiểm cao nguyên Pamir, nơi mà các nhà địa lý Tây phương gọi là nóc nhà thế giới (Le toit du monde).

Giữa miền Á Châu sa thảo và miền Á Châu gió mùa thường xảy ra những cuộc chiến tranh do khí hậu gây ra. Thường cứ một chu kỳ 7 năm, miền Á Châu sa thảo phải chịu đựng một năm hạn hán. Thiếu nước nên các đồng cỏ khô héo, lừa ngựa dê thiếu cỏ ăn chết dần chết hồi. Các bộ tộc du mục phải thường về miền Á Châu gió mùa, tìm cách duy trì cuộc sống. Thế là có những cuộc cướp bóc, tàn phá xương khô phơi trắng sa trường.

Bài “Lũng Tây Hành” của Trần Đào nói về thực trạng chiến tranh Hồ – Hán bi thương.

*Thệ tử Hung Nô bắc cố thân.
 Ngũ thiên điều cảm táng Hồ trần
 Khả liên Vô Định Hà biên cốt,
 Do thị xuân khuê mộng ly nhân!*

Dịch:

Liều thân thề giết Hung Nô
 Năm ngàn trảng sĩ đất Hồ xa phương
 Bụi hồng lớp lớp vùi xương
 Dòng sông Vô Định xót thương hình hài
 Phòng khuê chờ đợi kìa ai
 Hồn về trong giấc mộng dài canh khuya!

Phương Bắc có nhiều cuộc chiến tranh. Ở phương Nam, Hán Vũ Đế sai các tướng Dương Bộc, Lộ Bác Đức xâm chiếm nước Nam Việt của con cháu Triệu Đà. Quân Hán toàn thắng, uy thế vang lừng cả vùng Đông Nam Á.

Nhưng... đúng như lời Tôn Vũ Tử đã nói:

- Dùng binh lâu ngày mà làm lợi cho nước, đó là việc chưa từng có (Phù, binh cửu nhi quốc chi lợi giả, vị chi hữu dã).

Việc binh là việc tốn nhiều tiền, tốn tiền hoài, tốn tiền lâu ngày thì tài chính kinh tế bị kiệt quệ, dân chúng khổ sở lầm than. Lòng dân ly tán. Cuối cùng Hán Vũ Đế phải xuống chiếu tội kỷ, phê bình mình một cách nghiêm

khắc để trấn an dân tâm.

Chưa biết hết cái hại của chiến tranh thì chưa được hưởng cái lợi của chiến tranh vậy.

*

* *

Trong sử Tây Phương. Á Lịch Sơn Đại Đế.(alexandre le grand) là một nhà chinh phục có lý tưởng văn hóa cao xa. Vua dẫn đoàn quân bách thắng đi từ Hy Lạp qua miền Tây Á đến miền Bắc Ấn, lập thành một đế quốc rộng lớn dung hòa văn minh Đông Tây. Vua băng hà vào năm 33 tuổi. Các tướng lĩnh dưới quyền vua xâu xé nhau chia nước ra nhiều mảnh. Công trình kiến trúc không tồn tại được bao lâu...!

Độc vũ toàn thắng mà còn như thế, huống chi là ...

Nã Phá Luân Đế nhất (Napoleon I) là vị Hoàng đế xuất thân từ đại cách mạng Pháp. Lúc còn làm nguyên soái, Bonaparte đã chiến thắng đế quốc Áo – Hung. Sau nhiều chiến thắng liên tiếp, năm 1804, tướng Bonaparte lên ngôi Hoàng đế với một cuộc trưng cầu dân ý vô cùng thuận hảo. Năm 1812, Nã Phá Luân đem 700.000 đại binh tiến đánh nước Nga. Nga hoàng phải bỏ Kinh đô, chạy dài lên biển Ban Tíc... vì khí hậu quá lạnh lẽo của miền bắc Nga, Nã Phá Luân phải ra lệnh ban sư. Trong những ngày mưa gió, sương tuyết thê lương, đại quân tan vỡ. Lúc đại quân qua được sông Niémen, số chiến sĩ

chỉ còn được 18.000!

Xưa nay chưa từng có độc vũ nào tai hại đến như thế! Dùng binh lâu ngày mà làm lợi cho quốc gia, việc ấy chưa từng có bao giờ!

Lời nói của Tôn Vũ Tử thực là một lời nói vàng ngọc, quý hơn vàng ngọc nữa.

SỞ THÁI TỬ THƯƠNG THẦN THÍ PHỤ

Sở Thành Vương muốn lập Thương Thần làm thái tử, Tử Thương can rằng:

- Không nên! Cứ xem lịch sử nước Sở ta, những người được kế ngôi vua đều là thanh niên mới sinh sau cả. Nhà vua còn trẻ, chắc chắn còn sinh được nhiều vương tử. Nay lập Thái tử sớm quá e sau có sự đổi thay, phải phế Thái tử trước lập Thái tử mới thì nước loạn. Vả lại Thương Thần mất như mất ong vàng, tiếng nói như sói gầm beo rống, đó là tướng tàn nhẫn, bất nhân, việc ác đến đâu cũng dám làm cả!

Sở Thành Vương không nghe lời Tử Thương cứ việc lập Thương Thần làm Thái tử.

Nước Sở muốn phát triển lên phía Bắc, Tử Thượng được lệnh đánh cả nước Trần, Sái. Hai nước này sợ hãi xin hòa. Tử Thượng tiếp đánh nước Trịnh, định đưa Công tử Hà về làm vua nước Trịnh thay thế Trịnh Mục Công. Nước Trịnh đánh bắt được Công tử Hà ở nơi đầm lầy. Nước Tấn lại sai Dương Xử Phủ đem quân đánh Sái mới thần phục nước Sở. Tử Thượng vội đem quân về đánh nước Sái. Quân hai nước Tấn, Sở đối trĩ ở Sa Hà.

Dương Xử Phủ thấy quân mình đi xe, nay lại phải giằng co với quân Sở ở Sa Hà thì bất lợi trông thấy, cần phải điều động cho quân Sở rút lui, liền phái người đến nói với Tử Thượng rằng:

- Hai nước lớn đánh nhau, cần phải có một trận tốc chiến tốc thắng. Nếu Sở muốn tiến quân, Tấn xin lùi nhường 30 dặm để cho Sở qua sông. Nếu Sở không muốn tiến quân thì nên nhường quân Tấn cũng 30 dặm.

Có người bàn với Tử Thượng rằng:

- Nên nhường cho nước Tấn tiến quân. Nước Tấn hay dùng mưu mẹo quỷ quyệt, nếu ta tiến đánh quân trước họ thừa lúc quân ta chưa qua sông xong mà tấn kích ta thì ta đối phó cách nào?

Thế là quân Sở lùi 30 dặm, chờ đợi.

Dương Xử Phủ nói với quân tướng bên mình rằng:

- Quân Sở chạy xe rồi. Ta cũng nên về thôi.

Tử Thượng chờ đợi lâu sai người đi dò thám, biết

rằng quân Tấn đã lui về, hối hận vì mình bỏ lỡ một cơ hội quyết chiến nên cũng phải đem quân về.

Thái tử Thương Thần nói với Sở Thành Vương rằng:

- Đây là Tử Thương ăn hối lộ của quân Tấn nên không đánh mà rút lui.

Sở Thành Vương tin lời con, sai người giết Tử Thương không cho biện thuyết gì cả. Thế là Thương Thần mượn được tay Sở Thành Vương mà báo được mối thù hận ngày xưa. Tử Thương đã can gián vua Sở trong việc lập Thái tử.

Về sau mưu gian của Thương Thần bại lộ, Sở Thành Vương nhớ đến những lời nói của Tử Thương ngày trước muốn bỏ Thương Thần mà lập Vương Tử Chúc. Thương Thần nghe phong phanh có chuyện này, liền hỏi kế nơi mưu sĩ của mình là Phan Sùng, Phan Sùng bày rằng:

- Hiện thời cơ của Thái tử và Vương tử là Giang Mị rất được vua tín nhiệm, chuyện gì cũng nói với em gái biết. Thái tử đặt tiệc rượu sang trọng, mời cô đến dự, kiếm lời chọc giận thì cái gì cô cũng nói toạc ra ngay!

Thương Thần y kế thi hành. Quả nhiên Giang Mị bịchọc tức, nổi giận mắng rằng:

- Thằng súc sinh này vô lễ quá lắm! Chẳng trách

anh tao định bỏ mày mà lập Vương Tử Chức.

Bà cô Giang Mị về rồi. Thương Thần lại vấn kế Phan Sùng hỏi rằng:

- Thái tử có thể thờ Vương Tử Chức không?

Thương Thần đáp gọn:

- Nhất định không!

Phan Sùng lại hỏi:

- Thái tử có thể đào vong ra nước ngoài được không?

Thương Thần lắc đầu nói:

- Không.

Phan Sùng nói:

- Vậy chỉ còn một cách. Thái Tử có dám cử hành đại sự không?

Thương Thần quả quyết mình có thể làm được việc lớn ấy. Liền phát vệ binh thân tùy vây kín Vương cung. Sở Thành Vương khẩn khoản xin với Thương Thần cho mình ăn món chân gấu rồi sẽ chết. Thương Thần ưng cho. Phan Sùng bảo:

- Món chân gấu nấu lâu chín lắm, phải nấu đến hai ngày đêm mới ăn được. Nếu trong lúc chờ đợi mà các quan bên ngoài hay tin vua bị nguy khốn, đem binh tới giải cứu thì sao?

Thương Thần liền bác ngay kế hoãn binh của Sở

Thành Vương, bắt phải chết ngay. Trước khi tự treo cổ, Sở Thành Vương hối hận không nghe lời Tử Thương, chết rồi vẫn không nhắm mắt...!

Tướng bại trận ở Thành Bộc ngày trước là Tử Tây thâm cảm ơn đức của Sở Thành Vương đã tha tội chết cho mình lại còn cho làm quan cai trị đất Thương Mật (Triết Xuyên, Hà Nam) nên nghĩa phải báo đáp, bèn rủ đồng chí là Trọng Qui hợp lực với mình tìm cơ hội giết Thương Thần cơ sự bại lộ bị Thương Thần giết chết.

Thương Thần oán hận cha mình gọi cha là Linh Vương. Theo phép đặt tên thụy, chữ “linh” có nghĩa là không biết dùng người hiền tài, chỉ làm việc theo bản tính hèn kém.

Đã đúng như lời Tử Thương đã nói, Thương Thần là người tàn nhẫn, việc ác đến đâu cũng dám làm. Đã giết cha chết rồi mà còn đặt cái tên thụy xấu cho cha nữa, không còn một chút thiên lý nhân luân nào nữa cả. Thiệt là tán tận lương tâm!

Kèm thêm một giai thoại về tướng số.

Nước Sở có một nhà nữ tướng số nổi danh.

Lúc còn là Vương Tử, Sở Thành Vương cùng với Tử Ngọc, Tử Tây đến xem số mạng. Bà thầy là Ngọc Tự quả quyết là số của ba vị quý nhân này đều bất đắc kì tử. Không một ai được thiện chung, chết yên lành cả.

Nước Sở bị nước Tấn đánh cho thua lớn ở Thành

Bộc. Tử Ngọc sợ bị vua bắt tội nên rút gươm tự sát. Sở Thành Vương sực nhớ đến lời bà Ngọc Tự, sợ Tử Tây cũng chết nốt thì cái thành họa đến gấp với mình nên viện lý do quân chính không nên tự chặt vây cánh của mình, ban xuống xá thư cho những tướng lĩnh bại trận. Tử Tây treo cổ tự sát, may sao dây đứt thể xác rơi xuống đất đúng lúc xá thư vừa đến nên được chính thức miễn tội.

Kịp đến khi Thương Thần giết cha là Sở Thành Vương, Tử Tây cảm thấy mình làm một cái gì để báo đáp ơn đức ông vua quá cố, bèn rủ bạn là Trọng Qui hợp sức mưu giết Thương Thần.

Rủ cơ mưu bất mật, Thương Thần dò biết sự việc giết chết Tử Tây.

Như thế là lời của bà thầy Ngọc Tự ứng nghiệm hoàn toàn, không sai một mảy! Bà thầy đoán trúng nhờ có sự vận may hay nhờ có một linh cảm, linh giác nào khác, nào có ai biết được? Chỉ biết là bà thầy nổi tiếng gần xa, kiếm ăn khá lắm...!

TRÙM CƯỚP LỚN XỬ TRỊ TRÙM CƯỚP NHỎ: CHU NGUYÊN LỆ XỬ TỘI HỒ QUÍ LY

Hồ Quý Ly sáng lập ra nhà Hồ, tồn tại 7 năm (1400 – 1407) Hồ Quý Ly bắt vua Trần Thuận Tông phải nhường ngôi cho Thái tử Án mới có 3 tuổi, để đi tu tiên ở núi Đại Lại (Thanh Hóa). Thái tử Án lên làm vua ấy là Trần Thiếu Đế nhưng không nổi giết vì có tình cháu ngoại.

Năm 1400 Hồ Quý Ly lên ngôi vua, đổi quốc hiệu là Đại Ngu lấy cớ mình là dòng dõi vua Ngu Thuấn trong Thượng Cổ sử Trung Hoa.

Kiểm tra dân số, tăng cường binh lực, đánh nước Chiêm Thành, lấy đất Chiêm Động, Cổ Lũy, mở biên giới đến đèo Bình Đệ (đèo Bến Đá ở ranh giới Quảng Ngãi, Bình Định).

Đương thời Hồ Hán Thương làm vua, Hồ Quý Ly làm Thái Thượng Hoàng, không biết xuất phát từ đâu đã có sấm truyền

Kỳ La hổ khẩu ngâm hồn đoạn

Cao Vọng sơn đầu khách tứ sầu!

Sau Minh Thành Tổ sai bọn Trương Phụ, Mộc

Thanh xâm chiếm nước Việt, quân Việt bị thua, tông tộc nhà Hồ chạy vào đến cửa Kì La, lên núi Cao Vọng bị quân Minh đuổi theo, bắt trọn cả ổ.

Đại Nam quốc sử diễn ca ghi rằng:

Núi Cao Vọng, bến Kỳ La.

Đường cùng phải bắt cũng là trời xui!

Lại có một bài sấm khác nói vận số nhà Hồ (trong năm Đinh Hợi (1407)

Nhị nguyệt tại gia

Tứ nguyệt loạn hoa

Ngũ nguyệt phong ba

Bác nguyệt sơn hà

Thập nguyệt long xa

Nghĩa là:

Tháng hai còn được ở nhà, tháng tư hoa rụng tới bời, tháng năm sóng gió, tháng tám lên núi vượt sông, tháng mười lên xe.

Cha con Hồ Quý Ly bị giải về Kim Lăng (Nam kinh) Minh Thành Tổ hỏi rằng:

- Đã biết Trung Quốc cường thịnh, sao không sợ phục mà còn dám chống lại?

Hồ Quý Ly đáp:

- Các sứ giả Thiên Triều đến nước tôi có nói là tôi

không biết nước Trung Quốc cường thịnh đâu!

Minh Thành Tổ ra lệnh an trí tông tộc họ Hồ ở Quảng Tây, chỉ miễn tội cho Hồ Nguyên Trừng và dùng làm quan coi việc đúc súng.

Hồ Nguyên Trừng sáng chế ra Thần Thương, một thứ đại bác cỡ nhỏ, bắn nhanh dễ vận chuyển.

Minh Thành Tổ là ai?

Nguyên là Yên Vương Chu Nguyên Lệ có tài thao lược, giỏi việc dùng binh. Minh Thái Tổ phong cho con thứ làm Yên Vương, sai trấn thủ đất U Yên để phòng bị các giống rợ Hồ phương Bắc.

Khi Huệ đế, cháu đích tôn của Minh Thái Tổ lên ngôi, Yên Vương cử binh làm phản, viện cớ Huệ đế nghe lời Tề Thái xén bớt quyền hành các Phiên Vương. Nếu Phiên Vương suy yếu thì lấy ai bảo vệ cho Đế triều được vững mạnh? Binh của Yên Vương, tự xưng là binh “tĩnh nạn” từ phương Bắc kéo xuống, chiếm lấy Kim Lăng (Nam Kinh) Huệ Đế bỏ thành chạy, phiêu bạt về đâu, không ai biết nữa?

Tuy tự xưng là binh tĩnh nạn (dẹp yên nạn nước) nhưng cuộc binh biến này rõ ràng là nuốt vụn cướp ngôi Yên Vương sai quan học sĩ Phương Hiếu Nho thảo bài chiếu thiện vị, lấy tư cách Huệ Đế nhường ngôi cho bậc đại hiền. Phương Hiếu Nho không chịu viết, Yên Vương ấn bút vào tay, xẵng giọng bảo rằng:

- Nếu mày không viết, tao sẽ giết 9 họ nhà mày!

Phương Hiếu Nho liền cầm bút, trái tám lạng, viết 4 chữ rất lớn:

Yên tặc thoán vị (Giặc Yên cướp ngôi).

Phương Hiếu Nho bị giết. Yên Vương lên ngôi vua, ấy là Minh Thành Tổ (thành là binh biến đảo chính thành công)

Minh Thành Tổ sai Lý Kỳ đi dò xét việc nước An Nam. Lý Kỳ trở về tâu rằng Hồ Quý Ly tự xưng là Hoàng đế, làm thơ có nhiều câu khinh mạn Thiên Triều. Nguyên Minh Thành Tổ bị sĩ phu trong nước chê cười, nên rất kị việc này. Ví dụ đây một bài thơ trích Yên tặc thoán vị:

Giang thượng hoàng Kỳ động

Thiên biên tử chiến hồi

Kiến văn niên dĩ ruột

Hồng võ vận trừng khai!

Triều sĩ tạo hình lục

Cung nga đồ kiếp thôi

Thùy trì thiên tải hậu

Thanh sử hữu dư ai

Dịch:

Trên sông động ánh cờ vàng

Đường về chiếu phượng bay ngang lưng trời
Kiến văn niên hiệu mất rồi
Nhớ xưa hồng võ gặp người hanh thông
Bao nhiêu triều sĩ mạng vong
Cung nhân khóc đám bụi hồng kinh hoa
Ngàn năm rồi sẽ trôi qua
Sử xanh in dấu lệ sa đầu buồn!

Kiến văn là niên hiệu của Huệ Đế. Hồng Võ là niên hiệu của Minh Thái Tổ. Ông nội truyền ngôi cho cháu đích tôn là Thuận Lý... ai ngờ lại có chính biến những triều sĩ trung liệt chết theo nạn nước. Tai họa cũng lây lan đến bọn thê nữ cung. Ai gây nên một đoạn sử bi thương này để ngàn năm sau cũng phải đau xót.

Minh Thành Tổ thấy Phương Nam có nhiều người phản đối, sợ Kim Lăng (Nam Kinh) không yên, năm 1409 dời đô về Kim Đài (Bắc Kinh) thuộc phần đất nước Yên, nơi có nhiều chiến sĩ theo chính biến tỉnh nạn.

Oai võ không đủ làm cho lòng người khâm phục.

*

* *

Ép vua truyền ngôi cho con còn nhỏ dại để quyền thần dễ làm việc thoán đoạt, Hồ Quý Ly và Trần Thủ Độ sao mà hành động như rập khuôn nhau.

Trần Thủ Độ ép vua Lý Huệ Tông đi tu ở chùa Chân Giáo, đạo hiệu là Huệ Quang đại sư.

Hồ Quý Ly ép vua Trần Thuận Tông phải nhường ngôi cho Thiếu Đế mới có 3 tuổi để đi tu tiên. Đã đi tu mà đâu có được yên thân. Lý Huệ Tông bị Trần Thủ Độ bức tử, Trần Thuận Tông bị Hồ Quý Ly sai người giết đi.

Thủ đoạn dã man, bất nghĩa khiến cho người đọc sử, chép sử phải bàng hoàng, ngơ ngác tự hỏi:

- Sao lại có thứ người như vậy được? Hình thức là con người, nhưng cái tâm thì ra sao? Chữ nhân diện thú tâm dùng vào những trường hợp này thật là xác đáng.

DÂM PHONG ĐỜI NHÀ TRẦN

Sử ghi 4 chữ: khuê môn tâm đức.

Đó là điều đáng xấu hổ trong đạo nghĩa vợ chồng.

Đại Nam quốc sử diễn ca ghi rằng:

Trách ai đầu mở dâm phong

Xui nên một đạo khuê phòng thẹn riêng!

Trách ai? Lại còn ai vào đây nữa? Thủ phạm và thủ xướng là Trần Thủ Độ, công thần và cũng là quyền gian đời nhà Trần, tội nhân của nền luân lý nước Đại

Việt.

Trần Thủ Độ cướp vợ của Lý Huệ Tông, giáng Huệ Hoàng hậu xuống làm Thiên Cực công chúa rồi đem về làm vợ mình. Để làm gương cho hoàng tộc!

Trần Thủ Độ sợ các vua nhà Trần về sau có vua nào mê vợ, cho bà con phía vợ dựa vào việc triều chính thì nguy cho cơ nghiệp nhà Trần, nên đề phòng xa cái nạn ngoại thích, Trần Thủ Độ bày ra việc hôn nhân trong nội bộ họ Trần. Họ nội, họ ngoại hỗn hợp thì đâu có gì phân biệt ngoại thích nữa?

Trước khi về làm vợ Trần Thủ Độ, Huệ hoàng hậu đã tư thông với Trần Thủ Độ từ lâu.

Tệ nhất là Trần Thủ Độ đoạt bà Thuận Thiên, vợ của Trần Liễu đem về, bắt ép vua Trần Thái Tông phải bỏ Lý Chiêu Hoàng để lập bà này làm hoàng hậu. Bà Thuận Thiên là chị ruột của Lý Chiêu Hoàng.

Việc thay chồng đổi vợ bậy bạ này xảy ra vào năm 1237.

Vua Thái Tông bị Thủ Độ bức ép quá, chịu không nổi, đương đêm lẻn trốn đến núi Yên Tử, ở với bạn cũ là Thiền Sư Phú Vân. Thủ Độ đem xa giá đến đón rước, vua không chịu về, bảo rằng:

- Ta còn nhỏ tuổi, không kham nổi việc lớn, sợ nhục đến xã tắc. Xin cứ lập người khác làm vua!

Trần Thủ Độ thấy vậy, tuyên bố rằng:

- Vua ở đâu thì chỗ đó là triều đình!

Rồi chuẩn bị xây dựng cung điện. Thiên Sư Phù Vân sợ quá năn nỉ Thái Tông rằng:

- Xin nhà vua về đi, đừng để cho cảnh sơn lâm của đệ tử bị tổn hại!

Vua chịu về. Nhưng bà Lý Chiêu Hoàng vẫn bị loại ra khỏi hậu cung vì bà đã kết duyên với vua trọn 12 năm mà vẫn chưa có con. Lúc bị loại bà mới có 19 tuổi. Còn bà Thuận Thiên thì đã có thai được vài tháng rồi. Ý của Trần Thủ Độ là mong muốn cho Trần Thái Tông mau có Hoàng tử để cho cơ nghiệp nhà Trần có gốc rễ sâu xa, bền vững.

Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim phê bình Trần Thủ Độ rằng:

“Làm loạn nhân như thế, thì từ thượng cổ mới có là một”.

Lại nhận định:

“Thủ Độ tuy là người không có học vấn nhưng thật là một tay gian hùng, chủ ý cốt gây dựng cơ nghiệp nhà Trần cho bền chặt, cho nên dẫu việc tàn bạo đến đâu, cũng làm cho được.

Cái gương loạn luân do Trần Thủ Độ nêu ra, nhiều người trong tông thất đều dính vào đến ngay như Trần Quốc Tuấn cũng không tránh khỏi!

Nói về lễ vu qui của Thiên thành Công chúa, Đại

Nam quốc sử diễn ca ghi rằng:

Thiên Thành Công chúa vu quy

Sao Trần Quốc Tuấn cướp đi cho đành?

Báo hại chú rể chính thức là Trung Thành Vương thương tiếc ngẩn ngơ!

Sự khôn ngu của Trần Thủ Độ có hiệu lực được hơn trăm năm.

Năm 1336 Hoàng tử Cao ra đời (sau này là vua Dụ Tông)

Năm 1337, Hoàng tử Kính ra đời (sau này là vua Duệ Tông)

Hai ông vua tương lai này đều do hai người cô của Lê Quý Ly sinh ra cả. Thế là Lê Quý Ly có đường môn men, tham dự vào các công việc quân – chính trọng đại của nhà Trần. Tai họa ngoại thích biểu diễn rõ ràng. Ai cũng thấy cái dã tâm thoán đoạt của Lê Quý Ly trừ Nghĩa Hoàng Nghệ Tông.

PHỤC HƯNG RỒI TUYỆT DIỆT! LỖI VỀ AI?

Từ lúc nhà Hồ bị quân nhà Minh đánh bắt rồi, lòng dân nước Đại Việt nhiều người vẫn nhớ công đức

Trần ngày xưa, con thứ của Trần Nghệ Tông là Hoàng tử Quý lên ngôi vua ở châu Trường An. Giữ đất Mô Độ (Ninh Bình). Trần Triệu có đem một số quân mới thu lượm được về giúp. Vua đặt niên hiệu là Hưng Khánh. Đó là Giản Định Đế.

Ở Đông Triều có thổ hào là Phạm Chấn lập ra đoàn quân trung nghĩa giúp Trần Nguyệt Hồ xưng vương ở bến Bình Than.

Quân Minh tiến đánh, Giản Định Đế chạy vào Nghệ An. Quân Trung Nghĩa của Trần Nguyệt Hồ cũng chạy vào đó. Hai đám nghĩa quân thống nhất lực lượng, thanh thế hơi mạnh.

Vua Giản Định vào đất Nghệ An, bắt tội bọn Trần Thúc Dao, Trần Nhật Chiêu là tông thất mà không chịu rước vua nên chém hơn 600 người.

Năm Mậu Tý (1408) quân nhà Minh tấn công vào Thuận Hóa, Phạm Thế Căng hàng giặc, được Trương Phụ cho làm tri phủ Tân Bình. Phạm Thế Căng tự xưng là Duệ Vũ Đại Vương. Đặng Tất đem quân đến đánh, giết được Phạm Thế Căng. Từ đó, dải đất từ Nghệ An vào đến Hóa Châu đều thuộc về vua Giản Định.

Tháng chín năm này có địa chấn. Dân chúng tin rằng đất đã chuyển mình, chắc là trời mở cho một vận hội mới.

Tháng mười Đặng Tất đem quân ra Ninh Bình hào

kiệt xa gần đều nô nức hưởng ứng. Quân Việt và quân Minh tập chiến trên sông Thanh Quyết. Vua Giản Định đánh trống đốc chiến. Người Việt lâu nay khổ sở vì quân Minh tàn diệt nên lượt trận rất hăng. Quân Vân Nam do Mộc Thạnh chỉ huy bị thua một trận rất lớn, Mộc Thạnh chỉ còn một thân chạy thoát về thành Cổ Lộng. Trương Phụ ở Đông Đô (Thăng Long) nghe tin Mộc Thạnh bại trận, vội phái quân đến tiếp viện, giữ vững thành Cổ Lộng bên bờ sông Đáy.

Vua Giản Định muốn nhân cái chiến thắng, tiến gấp ra Đông Đô. Đặng Tất khuyên vua không nên khinh địch, phải đợi cơ hội đủ quân ở các lộ về đã...

Ta nên đánh diệt các căn cứ lẻ tẻ của địch để củng cố hậu phương và thực lực của mình.

Vua tôi bất đồng ý kiến. Nội quan là Nguyễn Quỹ và học sinh là Nguyễn Mộng Trang nói gièm với vua rằng:

- Đặng Tất cầm quân ở ngoài, uy quyền lớn quá. Lại thêm Nguyễn Cảnh Chân là người tức trí đa mưu làm tham mưu thì thế lực mạnh lắm. Nếu hai người này có mưu đồ gì khác thì nhà vua làm sao kiềm chế nổi? Phải lập kế sớm trừ đó!

Vua Giản Định đa nghi, tin lời gièm pha, triệu Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân đến bàn việc nước. Hai người đều hội nghị, bị bọn giáp sĩ của vua Giản Định mai phục sẵn, bắt giết ngay.

Hào kiệt xa gần đều ngấn ngor, không còn ai muốn vì nhà vua để lập công nữa. Thuộc hạ của Đặng Tất, Nguyễn Cảnh Chân, người thì bỏ chức trốn, người thì về ẩn núp chốn lâm tuyền.

Năm Kỷ Sửu (1409) ở đất Bắc có nhiều đám nghĩa quân nổi dậy.

Nguyễn Sư Cối và Đỗ Nguyên Thổ khởi nghĩa ở Nghi Dương (Đông Triều) quân số đông đến vài vạn. Hoàng Cự Liêm khởi nghĩa ở Quảng Oai, Nguyễn Nguyên Hách khởi nghĩa ở Lạng Sơn, Hoàng Thiên Hữu khởi nghĩa ở Lạng Giang.

Quân Minh viễn chinh phải lui về giữ thế thủ. Trương Phụ đắp thành Nam Bình ở Bảo Lộc, thành Vĩnh Định ở huyện Lục Na để giữ đường liên lạc với Trung Quốc.

Nhà Minh triệu Trương Phụ về Tàu để đối phó với quân Mông Cổ của Khả Hãn Quỉ Lực Xích.

Thời cơ thuận lợi cho việc quân đến như thế mà tiếc thay Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân đã chết rồi, không còn ai đủ uy tín để thống nhất các đám nghĩa quân cả.

Còn Đặng Tất là Đặng Dung, con Nguyễn Cảnh Chân là Nguyễn Cảnh Dị lập Trần Quý Khoách lên làm vua ở bến Kì La (Hà Tĩnh) đặt niên hiệu là Trùng Quang.

Lúc bấy giờ, vua Giản Định đương cự nhau với quân Minh ở huyện Hưng Nhân. Vua Trùng Quang sai Nguyễn Súly đem binh ra đánh lén, bắt được vua Giản Định đem về Nghệ An, tôn làm Thái Thượng Hoàng để cùng lo việc khôi phục. Nghe tin có vua mới, hào kiệt xa gần đều hưởng ứng với Trùng Quang. Thượng Hoàng ra quân ở Hạ Hồng, vua Trùng Quang ra quân ở Bình Than. Trương Phụ trở về Tàu rồi lại được vua Minh sai trở qua đất Việt. Trương Phụ đánh đuổi Thượng Hoàng đến Mỹ Lương (giáp với Sơn Tây và Phủ Thiên Quan) thì bắt được. Thượng Hoàng bị bắt giải về Kim Lăng rồi bị giết chết (1410).

Vua Trùng Quang vẫn giữ được dải đất từ Nghệ An đến Hóa Châu. Hào kiệt đất Việt lại nổi lên.

Tháng năm, canh Dần (1410) vua Trùng Quang đánh thắng quân Minh một trận lớn ở Đa Tân, đốt hết binh thuyền của giặc.

Đồng Mặc nổi dậy ở Thanh Hóa, Lê Nhị chiếm giữ từ Từ Liêm, Lê Khang nổi dậy ở Thanh Trì, Phạm Tuấn nổi dậy ở Khoái Châu.

Quân Minh và bọn ngụy quân phải đối phó rất là bận rộn, vất vả.

Cuộc kháng chiến của nhà Hậu Trần kéo dài đến năm 1414 (giáp ngọ). Đủ thấy ý chí kiên cường bất khuất của người Nam.

*

*

*

Nhà Hậu Trần không phục quốc được là do nơi Giản Định đã bắt tài mà lại đa nghi. Còn sở Trung Hưng chưa được vững vàng mà đã tin lời gièm pha, giết những tướng có tài năng nhất, trung lương nhất.

Đại Nam quốc sử diễn ca ghi rằng:

Trùng Hưng cơ tự chưa bền

Bổng dưng đem kẻ tướng hiền giết đi

Cho nên báo kiếp bạn ly

Cánh vây không có còn gì mà mong!

Vua Nghệ Tông đã đánh mất cơ nghiệp, triều đại vào tay Hồ Quý Ly.

Vua Giản Định lại đánh mất nước Đại Việt vào tay quân Minh xâm lược.

Thời cơ hưng quốc là năm 1407 mà vua Giản Định không đủ thông minh để dùng được cơ hội trời cho.

Cổ ngữ có câu:

Trời cho chẳng lấy

Sẽ mang lỗi đấy

Thời đến chẳng hay

Sẽ bị vạ lây!

Hai cha con Nghệ Tông, Giản Định đều u mê như

nhau thì cơ nghiệp nhà Trần mong gì chấn hưng được, cơ nghiệp nhà hậu Trần phương gì phục hưng được?

Khả giám hưng vong thiên cổ sự...

Chuyện hưng vong từ ngàn xưa còn để di hận cho những ai đây?

Đặng Dung than rằng:

Quốc thì vị báo, đầu tiên bạc

Kỷ độ long tuyền đới nguyệt ma!

Dịch:

Thù nước chưa xong, đầu đã bạc

Gươm mài bao độ ánh trăng soi

Đặng Dung đã than thở chung cho bao nhiêu anh hùng, liệt sĩ.

DỤC TỐC BẤT ĐẠT

Những nhà cải cách chính trị thường vướng mắc một căn bệnh nôn nóng như nhau. Họ muốn nhìn thấy những kết quả lớn lao, những thành tựu phi thường của những công việc trị quốc an dân do họ đề xướng.

Vương An Thạch là một nhà chính trị xuất sắc đời Tống Thần Tông đã phải chi rất nhiều gấm lụa, vàng bạc

hối lộ cho hai nước cường lâm.

Theo hòa ước Tống Liêu đời vua Chân Tông, vua Tống phải nạp cho nước Liêu mỗi năm 20 vạn tấm lụa, 10 vạn lượng bạc.

Theo hòa ước Tống Tây Hạ đời vua Nhân Tông, mỗi năm vua Tống phải cho Tây Hạ bạc và trà mỗi thứ 25 vạn 5 ngàn lượng.

Vua Thần Tông lên ngôi, quyết ý rửa cái nhục phải nạp cống, dùng vương An Thạch làm Tể Tướng, ban hành tận pháp, nhắm mục đích làm cho đất nước giàu có, binh lực hùng cường. Vương An Thạch lần lượt cho thi hành những biện pháp về kinh tế, tài chánh quân sự sau đây:

+ Phép Thanh Miêu: đương lúc lúa còn xanh, nông dân cần tiền, chính phủ cho vay, thu lời 2 phân, đến mùa trả lại. Phép này giúp cốt bản nông tránh cái nạn cho vay cắt cổ ở nông dân.

+ Phép Miễn Dịch: dân không phải phục dịch các công tác nhà nước như trước nữa, chỉ nộp tiền khi có việc thì chính phủ thuê người làm. Những nhà được miễn giao dịch trước kia, nay cũng phải nạp một số tiền gọi là trợ dịch.

+ Phép Quân Du: chính phủ mua phẩm vật ở chỗ nhiều, chở đến bán ở những chỗ ít, đương cần thiết mua. Phép này cốt tránh cho nhân dân cái nạn dân thương đầu

cơ.

+ Phép Bảo Giáp: 10 nhà là một bảo, 50 nhà là một đại bảo, 500 nhà là một đô bảo. Bảo trưởng, Đại bảo trưởng, Đô bảo trưởng có nhiệm vụ chỉ huy bảo đinh luyện tập võ nghệ, giữ an ninh ở địa phương. Tổ chức cho nhân dân quen với công tác tự vệ để khi hữu sự, chính phủ có sẵn lính mà dùng.

+ Phép Bảo Mã: dân lãnh ngựa của chính phủ mà nuôi, được miễn một số thuế. Phép này cốt khuyến khích việc nuôi ngựa để chính phủ có thể tổ chức kỵ binh hùng hậu mà đối phó với Tây Hạ, Bắc Liêu, hai nước giỏi về kỵ binh.

Tân phát của Vương An Thạch có bản ý tốt, nhằm cứu giúp nhân dân nhưng bọn quan lại thủ cựu thi hành lệch lạc, khiến cho nhân dân càng khổ cực thêm, tiếng than oán vang dậy trong trời đất.

Như phép thanh miêu là cốt cho nhân dân nghèo vay tiền, quan lại sợ khó đòi, cứ nhè những nhà hào phú mà cho vay, giúp thêm phương tiện cho phú nông bóp cổ dân đói khổ.

Phép thị dịch đáng lẽ chính phủ mua cái thứ hàng ế, giúp cho các nhà công nghiệp có vốn tiếp tục sản xuất thì bọn quan lại ép các nhà công nghiệp bán các thứ hàng đương có giá trên thị trường để các quan bán kiếm

lời bỏ túi!

Trong triều các quan chia làm hai đảng:

+ Đảng thủ cựu nhất thiết phản đối Vương An Thạch, bất luận biện pháp nào của họ Vương đưa ra, họ đều cho là xấu, là bậy, tổn quốc nhiều dân.

+ Đảng duy tân nhất thiết tán thưởng Vương An Thạch, bất luận biện pháp nào do quan tể tướng đưa ra cũng đều hợp thời, thích dụng, ích nước lợi dân. Họ tán thành nhiệt liệt vì họ cần ra làm quan, kiếm đường làm quan.

Để chứng tỏ rằng tôn pháp đã đem lại kết quả cường binh, Vương An Thạch chủ trương dùng đất Giao Chỉ làm thí điểm dụng võ. Không biết gã tình báo nào đã báo cáo với Tống rằng Đại Việt vừa bị Chiêm Thành đánh cho thua tan nát, quân số chỉ còn chừng một vạn. Thảm Khởi được lệnh triều đình nhà Tống xuống sắp đặt các việc ở biên thù phương Nam. Thảm Khởi đặt các trạm tiếp vận lương thực, luyện tập thủ quân, theo kiểu “Phong thủy quân” của Chiêm Thành. Lại khuyến dụ các sắc dân thiểu số Nùng, Mán bỏ Việt theo Hoa.

Để bảo toàn bí mật quân sự, Vương An Thạch sai Lưu Gi ra thay thế Thảm Khởi.

Năm 1075 nhà Lý quyết khởi chiến trước để nắm quyền chủ động. Lý Thường Kiệt đem thủy quân đánh

vào Châu Khâm, Châu Liêm ở Quảng Đông. Tôn Đản đem lục quân đánh vào Quảng Tây.

Tổng số thủy lực của quân Việt là 10 vạn.

Lý Thường Kiệt lấy được Châu Khâm, Châu Liêm quân nhà Tống thua chạy đến Ung Châu bị Lý Thường Kiệt truy kích ở ải Côn Lôn (gần Nam Ninh) quân Tống lại thua, Lý Thường Kiệt chém Trương Thủ Tiết ở trước trận.

Quan giữ thành Ung Châu là Tô Dam tuyệt vọng bắt toàn thể gia đình 36 người chết trước rồi tự đốt mà chết theo. Dân thành Ung Châu noi gương tráng liệt ấy, không một ai chịu hàng quân Việt nên bị quân Việt làm cỏ hết.

Đắc thắng rồi quân Việt lui về nước an toàn, không gặp một sự truy kích nào cả.

Trong năm Bính Thìn (1076) nhà Tống sắp đặt việc đánh báo thù rất chu đáo. Quách Quỳ được cử làm nguyên soái coi 9 tướng chỉ huy cuộc Nam xâm. Triệu Tiết đốc biện lương thảo. Hàn Lâm y quan chế tạo các thứ thuốc hành quân ở những miền lam trướng xa xôi.

Nhà Tống lại ước hẹn với Chiêm Thành, Chân Lạp cũng đánh biên thù phương Nam của Đại Việt để làm thế lưỡng hại giáp công, hô ứng với quân Tống ở phương Bắc.

Mùa đông năm Bính Thìn (1076) quân Tống khởi sự tấn công. Bọn tù trưởng dân Nùng là Nùng Thiện Mỹ.

Thiện Đức đều quy hàng quân Tống. Hơn 20000 dân Hán, Thổ làm phu chuyển vận lương thảo cho quân Tống.

Quân Đại Việt lập chiến tuyến phòng thủ ở bờ Nam sông Như Nguyệt (sông Cầu). Hai hoàng thân nhà Lý là Hoảng Chân và Chiêu Văn đem 400 chiến thuyền đổ bộ lên bờ sông Bắc bị quân Tống đánh cho thua tan tác...

Lý Thường Kiệt giữ vững được trận tuyến Như Nguyệt hai bên Tống, Lý tương trì mãi đến mùa xuân Đinh Tỵ (1077). Tuy đã cẩn thận khởi binh vào mùa Đông để tránh khí lam trưởng nhưng đến mùa Xuân, lục binh cùng kỵ binh bên Tống bị bệnh khá nhiều.

Hai bên nghị hòa. Quân Tống chiếm giữ Thái Nguyên, Đại Việt giữ lễ triều cống như cũ.

Cuộc Nam xâm đã làm cho nhà Tống tốn 5.190.000 lượng vàng. Thái Thừa Hy dâng sổ can vua Tống và không quên dẫn lời Tôn Vũ Tử.

Phù, binh cứu nhi quốc chi lợi giả, vị chi hữu dã!

Ôi việc binh dùng lâu mà có lợi cho nước, điều ấy chưa từng có vậy!

Chín năm sau (năm 1086) vua Thần Tông thấy những việc cải cách của Vương An Thạch vẫn được Chương Đôn kế tục thi hành.

Điểm sai lầm lớn nhất của Vương An Thạch là

muốn dùng Giao Chỉ làm đất thí nghiệm võ lực. Tuy quân Tống giữ được đất Thái Nguyên, nhưng rồi sau thì cũng trả lại cho người Việt.

Khi đại quyền quốc gia đã về tay triều đại do mình sáng lập, Hồ Quý Ly hăng hái ban hành tân chính chủ yếu ở các phép sau đây:

+ Hạng Nô Pháp:

Hạng nô là hạng chế số nô lệ, nô lệ có dấu riêng, quan nô là nô lệ của nhà nước, vẽ trên trán hỏa châu, nô lệ của công chúa vẽ cây dương đường, nô lệ của đại vương vẽ một vòng son, nô lệ của các quan nhất, nhị phẩm vẽ một vòng đen. Số nô lệ tùy theo có phẩm trật cao thấp. Số dư phải nộp cho nhà nước. Nhà nước mua lại mỗi mạng 5 quan.

Khuyết điểm của Hồ Quý Ly là không có tấm lòng nhân ái của Lý Thần Tông tha cho nô lệ về làm lương dân. Các chủ nô coi hạng nô pháp năm 1401 là một biện pháp nhằm tước đoạt thế lực xã hội của họ. Chủ nô vốn thuộc giai cấp phú hào đã bất mãn với nhà Hồ, giờ lại bất mãn thêm.

+ Hạng Điền Pháp:

Những bậc Đại vương và Công chúa số ruộng đất không hạn chế, còn thường dân thì không được có quá 10 mẫu. Ai có quá số ấy, phải nộp số dư cho nhà nước.

Những người phạm tội có thể dùng ruộng để chuộc

tội.

Hạn điền pháp làm cho địa chủ, phú nông bất bình. Tập tục từ đời Trần Nghệ Tông là các vương hầu, quan lớn có trang trại mé sông mé biển được tự chiếm đất tân bồi. Nay hạn điền thì thường tổn nặng đến quyền lợi của họ. Bất mãn phản động xuất phát từ giới đại điền chủ lan truyền đến nông dân vì nông dân không được hưởng những biện pháp nâng đỡ thích đáng.

+ Chỉ Tệ Pháp:

Dùng tiền giấy thay thế tiền đồng.

Giấy ăn 10 đồng vẽ cây rêu biển, giấy ăn 30 đồng vẽ cái sóng, ăn một tiền vẽ đám mây.

Giấy ăn 2 tiền vẽ con rùa, 3 tiền vẽ con lân, 5 tiền vẽ con phượng, 1 quan vẽ con rồng.

Ai làm tiền giả thì phải tội chém.

Ai phản đối không chịu tiêu dùng tiền giấy cũng bị tội nặng. Cấm nhân dân không được lưu trữ tiền đồng.

Việc cấm này rất là thất sách. Phải chi cứ để tiền đồng, để tiền đồng tiền giấy lưu hành song song lâu ngày dân chúng thấy tiền giấy nhẹ nhàng, tiện lợi thì tự nhiên họ phải ưa thích.

Hạn điền pháp và chỉ tệ pháp là những biện pháp có trước năm 1400, hai biện pháp này được thi hành mạnh mẽ hơn, triệt để hơn.

Hồ Quý Ly nôn nóng muốn thấy kết quả của tân chính nên xuất binh đánh Chiêm Thành, chiếm đất Chiêm Động, Cổ Lũy.

Năm 1405, trong nước có nạn đói mà Hồ Quý Ly không dám xá miễn thuế cho dân nhờ. Dân chỉ thấy họ Hồ gom vét tiền đồng dùng tiền giấy mùa lúa của dân từ mấy năm trước để chứa vào các kho thường binh, nay dân đói mà không dám xuất kho chuần cấp.

Tân chính không có một biện pháp nào nhằm thủ đắc dân tâm cả. Không có dân tâm ứng hộ, thì tô vận của triều đại lâu dài thế nào được?

Trong một xã hội thuần túy nông nghiệp, ruộng đất là cơ sở vật chất, sinh kế của quốc dân, những sáng kiến chính trị, kinh tế nào dù hay dù tốt đến đâu cũng phải tiến hành thận trọng. Chính vì có trí cảnh giác cao độ mà năm 1740 (hơn hai thế kỷ sau Hồ Quý Ly) Trịnh Doanh mới bàn việc quân điền.

Quân điền là chia ruộng cho nhân dân, muốn có ruộng để chia thì phải lấy bớt ruộng của Vương hầu địa chủ. Trịnh Doanh sợ rằng chưa tranh thủ được cảm tình của nhân dân mà đã làm mất lòng địa chủ thì cơ nghiệp nhà chúa dựa vào đâu.

Sử chép rằng:

Sơ nghị quân điền, vị hành nhi chỉ.

(Lúc đầu bàn việc quân điền, chưa làm việc gì hết

mà lại thôi)

Trịnh Doanh nhút nhát, không dám học theo gương Lê Thái Tổ chia ruộng cho dân, cấp phát sinh kế cho dân.

Về điền đê mà phải cải cách gấp rút như Hồ Quý Ly hay rút rè sợ sệt kiểu Trịnh Doanh, đảng nào cũng đều thất sách.

Thấy việc phải nghĩa mà không dám làm, đó là thất sách và thiếu dũng cảm. Như vậy phải đâu là người khôn.

MẤT KINH CHÂU, LỖI TẠI AI?

Kinh Châu là đất trọng yếu ở đoạn giữa lưu vực Trường Giang, sức đất phì nhiêu, dân cư đông đảo.

Năm 208, xảy ra trận thủy chiến kịch liệt giữa Tào Tháo và Tôn Quyền, Lưu Bị phụ lực. Trong lúc Đông Ngô xuất toàn lực đánh với quân Tào thì quân sư của Lưu Bị là Gia Cát Lượng đoạt thủ Kinh Châu. Đông Ngô lên tiếng đòi thì Lưu Bị trả lời rằng xin mượn tạm.

Năm 214, Lưu Bị cùng Gia Cát Lượng vào chiếm Thành Đô là thủ phủ của Lương Xuyên (Tứ Xuyên).

Quan Vũ là em kết nghĩa với Lưu Bị, có năng lực xung đột chiến trường nhưng thiếu mưu lược sâu xa. Lại tự phụ là anh hùng vô địch.

Trước khi lên đường vào Lưỡng Xuyên, Gia Cát Lượng đã dặn Quan Vũ 8 chữ: *Đông hòa Tôn Quyền, Bắc cự Tào Tháo*.

Quan Vũ không hiểu tình thế Tam Quốc gì hết, chỉ một mực coi khinh các tướng Đông Ngô. Khi nghe chúa Đông Ngô là Tôn Quyền cử Lục Tốn làm Đại tướng trấn thủ Tam Giang, Quan Vũ cười rằng:

- Sao Tôn Quyền lằm lạc đến thế? Lục Tốn là một thư sinh tuổi trẻ đâu có kinh nghiệm về chiến trường?

Lục Tốn biết rõ Quan Vũ tự phụ và khinh địch nên gửi tặng Quan Vũ gấm vóc kèm theo một bức thư thăm hỏi, lời lẽ rất khiêm tốn.

Quan Vũ đắc ý, xuất quân tinh nhuệ ở Kinh Châu ra Phàn Thành, đánh nhau với quân Bắc Ngụy. Quan Vũ chỉ sai người dựng mấy tòa phong hỏa đài để báo tin tức. Lục Tốn bày mưu cho Lữ Mông triệt hạ các phong hỏa đài và dùng thương thuyền tập kích Kinh Châu. Quân giữ phong hỏa đài bị bắt trọn cả ổ. Bọn này vốn là quân Kinh Châu ngày trước nên thuận ý về Kinh Châu kêu gọi mở cửa thành. Quân của Lữ Mông thừa cơ tràn vào thành, không tốn một mũi tên, một đường gươm.

Lữ Mông lại khôn khéo cấp lương tiền cho các gia

đình binh sĩ có người từng chinh dưới cờ Quan Vũ. Quan Vũ biết tin rất chậm về việc thất thủ Kinh Châu. Lúc kéo quân về, Quan Vũ muốn đánh một trận để đoạt lại thành nhưng binh sĩ dưới cờ đều thâm cảm ơn Lữ Mông, không ai có lòng quyết chiến cả.

Quan Vũ thế cùng phải chạy ra một thành nhỏ rồi cuối cùng anh hùng mặt lộ bị phục binh Đông Ngô bắt giết.

Năm 214, Lưu Bị chiếm cứ được Thành Đô (thủ phủ của Lương Xuyên thì năm 219, Quan Vũ bỏ mất Kinh Châu).

Lấy được Kinh Châu, mưu lược trước sau đều do Lục Tốn cả. Lữ Mông chỉ là người đứng ra thực hiện các mật kế mà thôi, Lục Tốn thành công mau chóng là vì Quan Vũ khinh địch xưa nay.

Quả đúng như câu nói mà các bậc danh tướng thường dùng để tự khuyên răn:

Muôn thuở kiêu binh thường thâm bại

Mấy đời khinh địch lại thành công.

Trách nhiệm của Quan Vũ rất hiển nhiên, không còn chối cãi vào đâu được. Nhưng còn Gia Cát Lượng thì sao?

Gia Cát Lượng có toàn quyền xếp đặt việc Kinh Châu, tại sao lại giao việc trọng đại này cho Quan Vũ

mà không giao cho người khác? Tại sao lại không chọn Triệu Vân (Triệu Tử Long) là người chí dũng song toàn?

Đối với Lưu Bị, Triệu Vân từng lập được công rất lớn, hai lần bảo toàn A Đẩu, lần đầu ở Dương Trường Bản, lần sau ngay trên Trường Giang trên một khúc sông gần Kinh Châu. Có phải Gia Cát Lượng không biết trí dũng của Triệu Vân đâu? Biết mà vẫn kè nể không dám dùng vì Gia Cát Lượng nể sợ chuyện Đào viên kết nghĩa của Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi.

Nể sợ như vậy đâu phải đúng tư cách một tướng lĩnh, một nguyên soái, một vị chỉ huy quân sự tối cao? Gia Cát Lượng đã khiếm khuyết trong nhiệm vụ to lớn của mình vậy!

Người Việt Nam đọc Tam Quốc Chí diễn nghĩa có thói quen coi Quan Vũ là trung dũng tuyệt luân, Gia Cát Lượng là vị quân sư vẹn toàn. Nhưng đó chỉ là chuyện trong tiểu thuyết do ngòi bút của La Quán Trung thêu dệt ra chứ đâu phải là sự thực lịch sử.

La Quán Trung đã dẫn dụ cho độc giả hiểu sai, nhận định sai.

Năm 219, Gia Cát Lượng dùng lầm Quan Vũ mà đến nỗi mất Kinh Châu. Năm 228, Gia Cát Lượng lại dùng lầm Mã Tắc mà bỏ mất Nhai Đình nữa.

Việc bỏ mất Nhai Đình rất là hệ trọng vì Nhai Đình coi con đường vận lương của quân Thục ra Kỳ Sơn.

Gia Cát Lượng đã bị huyền hoặc vì những lời luận thuyết binh pháp của Mã Tắc. Mã Tắc chỉ biết lý thuyết quân sự mà không có một chút kinh nghiệm thực tế chiến trường. Phó tướng là Vương Bình khẩn khoản can ngăn, bảo Mã Tắc chớ có đóng binh trên núi. Mã Tắc không nghe cứ lên núi đồn binh, lại giả giọng quân sự mắng Vương Bình rằng:

- Ở trên cao đánh xuống, thế mạnh như chẻ tre!

(Bằng cao thị hạ, như thế phá trúc) Vương Bình không chịu phục, xin chia một nửa quân đóng ở đất bằng.

Tư Mã Ý có nhiệm vụ của vua Ngụy sai giữ đất Trường An, đến Nhai Đình thấy Mã Tắc tự nhốt quân mình vào nơi nguy hiểm, đã cười Gia Cát Lượng bất bình trong việc dùng người. Tư Mã Ý phát binh vây Mã Tắc, chặn đứt các đường nước uống. Quân Thục chịu khát không nổi, hơn một nửa bộ hạ của Mã Tắc phải đầu hàng quân Ngụy.

Gia Cát Lượng được tin Nhai Đình thất thủ, dẫu tự lực mình đã chiếm 7 quận Thiên Thủy, cũng phải đem quân về vì sợ tuyệt lương. Nếu quân viễn chinh không rút lui thì có mà chết đói.

Sự nghiệp Bắc phạt của Gia Cát Lượng thất bại ở lần đầu tiên. Sau đó ra quân cố gắng lần nữa, có chế tạo mộc ngư lưu mã để tiện việc dụng lương nhưng rồi quân Thục cũng phải lui về, không lấy được một tấc đất

nào của Bắc Ngụy cả.

Thế mà người làm thơ vịnh sử đời sau cứ coi việc lục xuất Kỳ Sơn của Gia Cát Lượng như là một tấm gương kiên trì chiến đấu đáng noi theo:

Ngồi buồn nhớ chuyện năm xưa

Nhớ ông Gia Cát bây giờ nơi nao?

Sầu phen Bắc phạt họ Tào

Kì Sơn chí khí anh hào ngàn thu

(Tản Đà)

Cứ xem cách hành binh tranh hùng cát cứ của Gia Cát Lượng thì trong sử Việt Nam, Đào Duy Từ còn mưu trí sâu sắc thao lược anh dũng hơn nhiều. Đào Duy Từ không dùng lầm ai hết. Phía Bắc đẩy lùi quân Trịnh 2 lần, phía Nam mở rộng cương thổ vào châu Tân Đông Long của Chiêm Thành. Học trò là Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật kế tục sự nghiệp của thầy làm cho danh dự của thầy sáng trưng trong lịch sử. Đó mới thực là:

Hoành Sơn chí khí anh hào ngàn thu!

Đem Đào Duy Từ so sánh với Gia Cát Lượng thì chưa chắc ai đã hơn ai.

NHỮNG ĐIỀU MÊ MUỘI CỦA PO RO MÉ (VUA MÊ)

Từ lúc Chiêm Thành còn hưng thịnh ở cội Đại Chiêm, Đồ Bàn, châu Tân Đồng Long (Panduranga) đã được coi là một thuộc quốc có thủ phủ ở Vương Xá Thành (Virapura) vùng Hữu Đức, Phan Rang ngày nay.

Đất của châu Tân Đồng Long dần trải từ núi Đá Bia phía Nam Phú Yên vào đến một phần Bà Rịa, Tây Ninh.

Vua Po Ro Mé làm vua ở đây vào khoảng năm 1627. Thuở nhỏ, vua là con nhà cùng đinh nghèo khổ phải đi ở chăn dê, chăn bò cho các nhà hào phú, quan quyền. Có sức khỏe và võ nghệ, vua đã nhiều lần đánh đuổi dã thú beo cạp, sói lang. Tiếng tăm hiệp sĩ vang dậy xa gần. Vua Chiêm là Po Ro Taha đòi đến triều xem mặt, cho làm chức quan võ và gả con gái là Po Bia Thanh Chí. Thế là anh chàng cà chốt nghèo khổ thuở nào nay nghiêm nhiên được chức quan sang, làm Phò mã tại triều. Có hi vọng thăng tiến tột bậc.

Vua Po Ro Taha qua đời, không có người kế vị chí tôn rồi, Po Ro Mé bắt Po Bia Thanh Chí phải tuyên thệ giữ đúng tục lệ người Chiêm, chồng chết thì vợ phải lên giàn hỏa chết theo. Po Bia Thanh Chí không chịu thế,

vua bèn cùng vợ ly dị.

Po Ro Mé cưới một người con gái Thượng sắc tộc Koho. Bà này về ở với chồng được ít lâu rồi bị bệnh mà qua đời.

Po Ro cầu hôn với chúa sãi Nguyễn Phúc Nguyên chúa gả bà Quận chúa Ngọc Khoa cho Po Ro Mé. Thế là Po Ro Mé đối với Chúa sãi ngoài nghĩa vụ thần tử còn có tình thân cha con nữa.

Năm 1644, thủy quân Hòa Lan bị Nguyễn Phúc Tần (sau này là chúa hiền) đánh cho tan tác ở hải phận Thuận An, Đà Nẵng. Tàu Hòa Lan chạy vào Vương Xá Thành (Phan Rang) ẩn núp, được Po Ro Mé tiếp đãi rất là tử tế. Vua cấp cho lương thực và sai binh thuyền hộ tống cho tàu Hòa Lan đi Fohore rồi Malocca.

Như vậy là Po Ro Mé lỗi đạo thần tử, lỗi đạo con rể nữa.

Năm 1652, chúa hiền sai Hùng Lộc tiến đánh Chiêm Thành mở đất đến sông An Triều (sông Dinh Krong Biyuh) Po Ro Mé bị bắt, đóng cũi chở về Huế.

Po Phittirai lui về Thuận Thành, đóng ở xã Vĩnh An, huyện Hóa Đa.

Như vậy là Cà chốt Po Ro Mé (vua Mế) đã làm cho châu Tân Đồng Long suy kiệt. Cái đà suy kiệt tiếp diễn, các vua sau chỉ còn tiếp vị Chưởng cơ (thiếu tướng) chứ không được dùng danh hiệu Phiến Vương nữa.

Tại sao vua Mê lại có xu hướng u mê theo Hòa Lan? Vua Mê hi vọng gì ở người Hòa Lan? Chính giáo sĩ Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes) cũng ngạc nhiên về thái độ này.

Vua Mê không phải là người uống nước nhớ nguồn. Lúc mới lên ngôi vua, vua và Thanh Chí đều ở tuổi thanh xuân, đã chắc gì ai chết trước ai mà phải thề nguyện xa vời về ngày sau hỏa táng? Có lẽ vua biết rõ Thanh Chí sợ làm hỏa nên đem chuyện này ra bắt bí nàng rồi vúi vào để có cớ ly dị cho chính đáng khỏi sợ dân Chiêm đàm tiếu.

Không có Thanh Chí thì vua Mê đâu được làm vua? Vua Mê đã phụ lòng cha vợ là Po Mo Taha nhiều quá.

Đến đời vợ thứ ba là Po Bia Ngọc Khoa, vua Mê cũng toan làm việc bất trung bất nghĩa nhưng chưa làm gì được ngoài việc hộ tống tàu Hòa Lan thì đã bị chúa Hiền sai Hùng Lộc đánh bắt, giải về Huế. Mất tước vị Phiên Vương, thân làm tù binh khổ nhục, Po Ro Mê còn di hận cho các đời vua Chiêm sau. Làm vua một nước mà không hiểu rõ cái suy thịnh tồn vong, thì mất đất mất ngôi là chuyện đương nhiên vậy.

Vua Po Mo Taha vì mền tài vũ dũng của cả Chốt mà cất nhắc lên, ai ngờ được chàng rể đối xử tệ bạc đối với con mình đến thế!

Cuộc đời của Po Ro Mé kết thúc bi thảm, đó là mình làm mình chịu, kêu mà ai thương?

Theo bất luận đạo giáo nào, việc xử thế không có lòng trung hậu, ân nghĩa thủy chung cũng không đem lại sự vinh hoa, phú quý trường cửu.

CÁI NGU CỦA BẠO CHÚA PHALARIS VÀ CÁI NGU CỦA TÊN XIỂM NINH BÉDILOS

Phalaris chiếm được thị trấn Agrigente bằng xảo thuật mê hoặc thợ thuyền và binh sĩ. Xuất thân từ một viên đốc công coi thợ xây dựng điện thờ thần Jupiter, Phalaris đã huy động được dân thợ làm việc siêng năng, tận tụy để cho y được nổi tiếng tài năng. Dân thợ đã giúp y chiếm được thành trì rồi sau đó y nghĩ đến việc tranh bá đồ vương. Y hứa hẹn ban phát lương hậu cho binh sĩ và dùng họ vào việc mở rộng cương thổ, đánh chiếm các thị trấn láng giềng.

Uy thế của Phalaris càng ngày càng lớn. Y làm chúa tể thị trấn Agrigente, cai trị dân chúng bằng những chính sách bạo ngược. Những người ham muốn tài lộc,

tước vị, công danh đến xu phụ ngày càng nhiều. Cũng như những thứ chính quyền thiếu chính nghĩa khác, sách lược trị dân của Phalaris là bạo lực và hình phạt tàn khốc. Sự bạo ngược của Phalaris đã giúp y nắm vững chính quyền 20 năm khoảng 570 đến 550 TCN. Một tên thợ đúc đồng Hy Lạp là Bédilos mong ước được gia nhập vào tập đoàn ninh thần phục vụ cho bạo chúa. Chú thợ đúc này không cam tâm làm một tên dân lương thiện tầm thường. Gã muốn tiến bước trên đường công danh, gã phải nghĩ ra cho được một cách làm vui lòng bạo chúa, gã sáng chế ra một con bò mộng có nắp đậy kín mít. Nhốt người vào đó, tiếng kêu van, than khóc của nạn nhân biến thành của con bò. Bò đúc bằng đồng, có sức dẫn nhiệt mau lẹ, nạn nhân sau một hồi la hét, than khóc, biến thành một đồng xương hỏa táng, hỏa thiêu.

Chế được bò rồi, Bédiloo xin được yết kiến Phalaris. Gã thợ đúc tin rằng mình sẽ được trọng thưởng bằng quan chức, bạc vàng. Thực bất ngờ, Phalaris truyền quân sĩ bắt Bédiloo nhốt vào bụng bò, đậy nắp lại rồi bên ngoài nổi lửa thiêu đốt để coi chơi! Thực là một cảnh tượng lạ lùng, từ Thượng Cổ đến giờ chưa hề có. Bédiloo khánh thành kỳ công đúc bò bằng mạng sống của chính mình.

Danh tiếng của Phalaris và Bédiloo vang dội gần xa. Cổ sử đã ghi chép sự việc này và như thế là cả hai

người đều lưu danh hậu thế như hai bậc kỳ nhân. Nếu như lý tưởng của bạo chúa và của nịnh thần là để lại tên tuổi trong sử sách ngàn thu thì cả hai đều đã đạt được mục đích.

Không ai nhớ đến những điện đài, những công trình kiến trúc của bạo chúa trên thị trấn Agrigente nhưng bàn dân thiên hạ đều biết đến giai thoại bò mộng. Con bò mộng cũng vì đó mà được nổi danh!

Cái ngu của Bédiloo không được ai thương xót cả. Mà thương xót sao được? Một người đã nghĩ ra cách hành hạ con người man rợ đến thế thì cái tâm của gã đâu còn tính chất con người.

Còn bạo chúa Phalaris có được yên lành không? đã là bạo chúa thì phải hiếu sát và đa nghi, nghi cả những người đã phục vụ cho mình đắc lực. Bạo chúa biết rõ những kẻ đắc lực ấy đều là những người hám lợi, hám danh.

Phalaris nghi cả những người nổi tiếng hiền triết nữa. Zénon là một ẩn sĩ hiền triết được dân chúng kính mến. Phalaris coi uy tín của Zénon là có phương hại đến quyền lực của mình. Ra lệnh bắt giam và khảo đả để hỏi tên những ai đồng đảng? Zénon liền khai tên những thủ hạ thân tín của Phalaris. Những tên ác ôn côn đồ này bị thẩm vấn, bị hành hình. Thế là Phalaris đã tự chặt bớt vây cánh của mình vậy.

Sau cùng Zénon hô hào nhân dân Agrigente nổi

lên làm một cuộc cách mạng, lật đổ bạo quyền. Dân chúng nhiệt tình hưởng ứng. Phalaris bị dân bắt và xử cực hình.

Chính quyền ví như con thuyền, dân chúng ví như dòng nước. Nước chở thuyền nhưng cũng có thể nổi sóng lật úp thuyền. Chính quyền thất dân tâm là thuyền bị chìm đáy nước. Chính quyền của Phalaris phải cáo chung là sự lý đương nhiên.

BỎ CON TRƯỞNG, LẬP CON THỨ, VUA ĐÌNH LỖI ĐẠO NHÀ. NUỐT SAO RƠI, ĐỔ THÍCH SINH CUỒNG VỌNG

Đình Hoàn là con quan Thứ sử Hoan châu, theo phò Trần Minh Công, được giao phó binh quyền, từ đó có tên là Đình Bộ Lĩnh. (Đình Bộ Lĩnh là chỉ huy bộ khúc, quân đội).

Đánh thắng 12 sứ quân, thống nhất bờ cõi nước Đại Cồ Việt, năm 968 lên ngôi vua, quần thần dâng tôn hiệu là Đại thắng Minh Hoàng Đế (sử Việt gọi là Đinh Tiên Hoàng).

Đinh Liễn là con đầu, theo giúp cha từ thuở hàn vi, có lần suýt chết trước quân xung kích Hoa Lư của hậu Ngô Vương. Được phong làm Thái tử, tước vị là Nam Việt Vương. Nhà Tống phong vua nước Đại Cồ Việt làm Giao Chỉ Quận Vương. Đinh Liễn cũng được nhà Tống phong làm Tiết độ sứ. Như vậy là ở trong nước cũng như ở ngoài nước, danh hiệu và chức vị của Đinh Liễn đã được tuyên cáo công khai.

Nhưng rồi Đinh Tiên Hoàng nghe lời các mỹ nhân xúi giục, muốn bỏ Đinh Liễn, lập con thứ là Hạng Lang lên thay thế. Đinh Liễn tức giận, sai tử sĩ đi giết Hạng Lang. Sau tấn bi kịch gia đình này, Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn đều hối hận thống thiết. Cha con buồn lắm, chiều tối thường cùng nhau uống rượu cho say để nguôi quên sầu hận.

Trong đám lính hầu có tên Đỗ Thích, đêm nằm ngủ trên cầu ván, mơ thấy sao rơi vào miệng... Đỗ Thích tự cho là điềm tốt, mình có cái phúc phận Đế vương. Từ đó sinh ra chí ngông cuồng, muốn giết cha con vua Đinh để mình được kế vị.

Nhân một đêm tối. Đỗ Thích lẻn vào cung, đâm chết Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn. Tấm thân bách chiến bỏ mạng dưới bàn tay một thích khách tầm thường!

Quan quân tập nã, Đỗ Thích trèo lên mái nhà, nép kín trong máng nước. Đã bao ngày đêm phơi nắng, Đỗ

Thích đói khát quá chừng, nhất là khát nước. Trời mưa lâm râm, Đỗ Thích thò bàn tay ra ngoài hứng nước uống. Cung nữ trông thấy hô hoán lên. Đỗ Thích bị bắt giết lập tức.

Cơ gia biến của Hoàng tộc họ Đinh dẫn đến việc nhà Tống hưng binh xâm lược.

Số là trong khi Đinh Tiên Hoàng thống nhất bờ cõi nước Đại Cồ Việt thì ở Trung Hoa. Tống Thái Tổ là Triệu Khuông Dã cũng đánh thắng được các nước Bắc Hán, Ngô Việt, Nam Đường. Vua Thái Tông nhà Tống thấy nước Đại Cồ Việt có nội biến, tưởng có thể nhân cơ hội này chiếm lĩnh Giao Châu, bèn quyết ý đánh một trận chớp nhoáng huy động lực quân tiến vào Lạng Sơn, thủy quân tiến vào sông Bạch Đằng.

Ngôi vua Đại Cồ Việt được trao cho con út Đinh Tiên Hoàng là Đinh Toàn mới có 6 tuổi.

Phạm Cự Lượng thuyết phục quân sĩ rằng:

„Quân Tống xâm lăng, vua ta còn nhỏ dại, lấy ai chủ trương việc nước trong lúc hoạn nạn nguy nan? Dẫu chúng ta có cố gắng lập được chút công hân mã thì có ai đâu biết tới? Chi bằng chúng ta tôn quan Thập đạo Tướng quân lên làm vua rồi sẽ xuất phát đánh giặc.

Quân sĩ đều trung hô vạn tuế, Lê Hoàn lên làm vua. Thái hậu Dương Vân Nga sai người dâng hoàng bào.

Một triều đại cáo chung, một thời đại mới lên thay thế.

Quân Tống tràn qua biên giới. Lê Hoàn sai người dùng kế trá hàng, dụ Hầu Nhân Bảo đến Chi Lăng. Phục binh Việt bốn mặt nổi lên đánh giết. Hầu Nhân Bảo tử trận. Các tướng, lĩnh khác bên Tống như Quách Quân Biện, Triệu Phụng Hưng đều bị quân ta bắt sống. Tôn Toàn Hưng đi sau, không dám xông lên cứu ứng, vội kiếm ngô rút lui. Quân Việt toàn thắng.

Về mặt thủy, quân Tống đã vào sông Bạch Đằng, nhổ hết cọc sắt của quân ta, lấy được 200 chiếc thuyền. Nhưng tướng chỉ huy thủy quân là Lưu Trừng và Trần Khâm. Tội nghe tin lực quân tan vỡ nên tự ý rút lui cho được mười phần an toàn. Quân ta theo sau truy kích rất gắt.

Thắng trận rồi, về Hoa Lư, triều thần dâng lên vua Lê tôn hiệu:

Minh càn ứng vận. Thần vũ thắng bình, Chí nhân Quảng hiếu Hoàng Đế.

Vua Lê tự nghĩ mình là nước nhỏ, không nên kéo dài chiến tranh, dâng biểu sang bên Tống, xin giữ lễ triều cống.

Từ nhà Đinh sang nhà Tiền Lê, chính quyền thay đổi một cách êm thấm, mau lẹ. Tự vua Đinh gây rối

loạn việc nhà. Rồi mất vợ mất con, mất luôn ngôi báu.

Thương con nhỏ, muốn cho con nhỏ được tốt bậc giàu sang mà rồi báo hại con, nhỏ táng mạng mà không hay. Nhà Đinh đã mất ngôi rồi, còn một chút Đinh Toàn bơ vơ đó. Vua Lê thương quý Đinh Toàn lắm, đi đâu cũng dẫn theo, kể cả khi lâm trận tác chiến với quân thù. Một đứa con nít chừng mười tuổi mà theo người giám hộ ra trận để làm gì? Đích thị là người giám hộ mượn quân thù ra tay để cho mình khỏi mang tiếng ác. Đinh Toàn chết, nhà Đinh tuyệt diệt, Lê Hoàn khỏi lo hậu hoạn về sau!

Chuyện phế trưởng lập ấn của vua Đinh chưa di hại cho tiền đồ dân tộc. Đó chẳng qua là vận may của dân tộc mà thôi.

Gần ngàn năm sau, nhà Nguyễn Gia Miêu cũng phạm vào lỗi phế trưởng lập ấn này.

Vua Thế tổ Cao Hoàng Đế là Gia Long có con lớn là Hoàng tử Cảnh. Vị hoàng tử này lúc 6, 7 tuổi đã theo Bá Đa Lộc đi cầu viện nước Pháp. Lớn lên đã xông tẩu chiến trường. Rủi mắc bệnh chết thì con phải được kế vị, cớ sao ngôi vua lại về tay thứ nam là Hoàng tử Đảm? Chuyện này Lê Văn Duyệt và Nguyễn Văn Thành đã từng phản đối kịch liệt song vua Gia Long không chịu nghe lời can ngăn hợp đạo nghĩa gia đình, cứ nhất định lập Hoàng tử Đảm lên ngôi. Đó là vua Minh Mạng. Vua Minh Mạng tánh nghiêm khắc sai tra án Lê Văn Duyệt

lúc còn làm Tổng trấn Gia Định Thành. Vua muốn trả mối thù riêng. Rốt cuộc khích động cuộc phản loạn Lê Văn Khôi, dây dưa dính đến Nông Văn Vân, Nam Bắc Kỳ đều có loạn.

Tệ hại, nguy hại nhất là việc vua Thiệu Trị phế con trưởng là Hồng Bảo, lập con thứ là Hồng Nhậm. Vâng theo di chiếu, Hồng Nhậm lên ngôi vua. Ấy là vua Tự Đức. Vua tự phụ về văn tài, không có năng lực định quốc an bang, báo hại dân tộc Việt Nam trầm luân hơn 80 năm, các vua kế vị đời sau, đa số đều làm bù nhìn cho người nước ngoài giật dây sai khiến. Vua quan đều là tượng gỗ thì nhân dân là thân trâu ngựa chứ gì?

Trực tiếp làm mất nước Việt Nam là vua Tự Đức. Truy nguyên là vua Thiệu Trị bất minh. Cái ưu điểm duy nhất của Hồng Nhậm là hơn anh ruột mình một số ít chữ nho, thế thôi! Vua Tự Đức có cái ảo tưởng thực hiện được chủ nghĩa văn trị hòa bình. Kết quả chỉ có thứ hòa bình nô lệ.

Trật tự thiên nhiên là ai sinh ra trước thì làm anh, ai sinh ra sau thì làm em. Việc xáo trộn trật tự thiên nhiên chỉ đem đến những hậu quả tai hại. Tai hại còn gì lớn hơn sự vong quốc nữa? Người ngàn năm trước từ đời Đinh đã sai lầm, người ngàn năm sau ở đời Nguyễn cứ khăng khăng đi vào vết xe đổ. Thiệt là kỳ quái lắm thay!

CÁI NGU SUÝT TÁNG MẠNG CỦA MARTIAL MERLIN

Gã thực dân hạng bự và thượng quan Martial Merlin đã từng làm toàn quyền Tây Phi thuộc Pháp, được chuyển sang Đông Dương sung chức Toàn quyền. Ở Phi châu cũng như ở Á châu, nơi nào gã cũng chủ trương dùng chính sách đối với dân thuộc địa, thứ dân sinh ra chỉ để phục vụ cho quyền lợi Mẫu quốc mà thôi.

Gã có mưu lược dập tắt hết những ngọn lửa phản dũng của dân bản xứ. Dân Việt Nam không hoạt động cách mạng ở trong Tổ quốc của mình được phải lẩn trốn ra các nước láng giềng. Gã đuổi theo ra nước ngoài, tận diệt cho kỳ được những người phản đối. Đó là chính sách mãnh mẽ cùng truy áp dụng trên bình diện chính trị.

Nếu các nhà sử học Trung Hoa hãnh diện vì từ thời Chiến Quốc, sử đã ghi chép chuyện hiệp sĩ Kinh Kha dám cầm một mũi chùy thủ vào Hàm Dương hành thích Tần Doanh Chính (sau này là Tần Thủy Hoàng), thì những nhà sử học Việt Nam cũng tự hào rằng đất nước chúng ta đã sản xuất ra một Phạm Hồng Thái tuyệt vời anh dũng.

Năm 1924, nước Pháp yên vui tọa hưởng những

kết quả thắng lợi của trận Âu chiến, Martial Merlin đến Đông dương với cái ảo vọng làm cho thanh thế nước Pháp lên cao tột bậc ở Đông Nam Á châu, hơn hẳn Hòa Lan đương ngự trị Nam Dương quần đảo. Gã định mua chuộc các nhà chức trách Nhật Bản. Trung Hoa bằng cách nhường cho 2 nước một ít quyền lợi thương mại, đổi lấy sự đồng tình hợp tác trong việc gã truy lùng, quét sạch những phần tử Cách mạng Việt Nam.

Tháng 5 năm 1924, gã công du sang Nhật Bản. Trên đường về Đông Dương, gã ghé thăm hữu nghị Quảng Châu, nơi hai nước Anh, Pháp đều có tô giới. Vì là một cường quốc có nhiều thuộc địa nhất thế giới nên Anh dễ biểu đồng tình với Pháp. Gã định ở lại Quảng Châu vài ngày để tìm hiểu cho tường tận tình thế Cách mạng Việt Nam. Gã cũng sợ người Nga có những dự tính gì bí mật ở đây... Gã đích thân đi làm một cuộc thám sát chính trị.

Ngày 19 tháng 6, Pháp kiều ở Quảng Châu đặt tiệc lớn khoản đãi quan Toàn quyền Đông Dương ở khách sạn Victoria.

Phạm Hồng Thái quyết đánh một đòn trí mạng vào tên thực dân đầu sỏ này. Chín giờ tối, Phạm Hồng Thái trong trang phục một phóng viên báo chí xuất hiện. Trong lúc các thực khách đương hân hoan chúc tụng lẫn nhau bằng những lời lẽ hoa mỹ, văn chương thì một tiếng nổ kinh hồn vang dội. Phạm Hồng Thái ném một

quả bom vào giữa bàn tiệc, nhiều thực khách bị tử thương. Martial té lộn nhào, may cho hắn là chỉ bị xây xát nhẹ. Phạm Hồng Thái ra khỏi khách sạn, chạy về bờ sông Châu Giang, sau lưng có bốn cảnh sát Anh, Pháp đuổi theo bén gót. Hai cây cầu về Quảng Châu, một của Anh và một của Pháp lập tức đóng chặt cửa sắt lại. Lệnh giới nghiêm hỗn hợp tức tốc ban hành. Phạm Hồng Thái vào thế đường cùng, nhảy xuống sông Châu Giang, tự tận.

Martial Merlin tuy thoát chết nhưng thân thể nước Pháp ở Á châu bị thương tổn nặng nề. Để cứu vớt lại một chút thể diện, các nhà chính trị Pháp tuyên bố với thế giới rằng đây là một vụ khủng bố do Nga chủ trương. Phan Bội Châu (lúc này đã trên 58 tuổi) viết bài đăng trên các báo Trung Hoa, xác định đây là một hành động của cách mạng Quốc dân Việt Nam, thuần túy Việt Nam, xuất phát từ một tâm hồn yêu nước cao quý.

Thế là có một cuộc bút chiến giữa những nhà Cách mạng Việt Nam và những bọn văn nô, bồi bút Pháp.

Nhờ tiếng bom Sa Diện, khí thế của Cách mạng Việt Nam bỗng bột hưng khởi. Pháp bèn lập kế, bắt cóc Phan Bội Châu ở Thượng Hải đem xuống tàu Angkor, áp giải về Việt Nam với cái tên Trần Văn Đức. Lúc tàu ra cửa Ngô Tùng, Phan Bội Châu ném được một cái chai xuống nước, trong đó có bài thơ tuyệt mạng. Bọn dân chài lượm được, đem đưa cho các nhà báo Trung Hoa.

Tin tức đăng trên trang nhất các báo, nhà đương cuộc Trung Hoa phản đối Pháp đã vi phạm công pháp quốc tế, ngang nhiên xâm nhập bắt người trên lãnh thổ Trung Hoa.

Lúc này Martial Merlin đã bị triệu về Pháp rồi, Alexandre varenne sang thay thế, làm toàn quyền Đông Dương.

Chính sách cứng rắn của Martial Merlin chỉ làm cho người Việt Nam ở trong nước cũng như ở hải ngoại thêm phần nộ. Người Việt Nam cảm thấy sự đoàn kết chặt chẽ là điều kiện cần thiết để tranh đấu. Những Việt kiều ở các nước gần như Miên, Lào, Xiêm cũng như ở các nước xa như Pháp đều tỏ lòng gắn bó với đồng bào nội địa. Đây là điều mà Martial Merlin không muốn thấy chút nào vì nó trái ngược với những ước muốn, dự tính của gã. Đó mới là chuyện khôn quá hóa ngu. Con đường sự nghiệp, công danh của gã chấm dứt với tiếng bom Sa Diện. Về sau, không nghe gã đi làm toàn quyền ở đâu nữa cả.

TẦN TẤN TRONG CHIẾN DỊCH HÀO SƠN

Người đời nay thường dùng những chữ, “gá nghĩa Tấn – Tần, nhân duyên Tấn – Tấn” để nói về những cuộc tình duyên thơ mộng lý tưởng. Sự thực cũng có đôi phần đúng nhưng sự thực là chuyện tranh quyền bá chủ giữa 2 nước Tấn, Tần.

Nước Tấn từ đời Tấn Văn Công đã thay thế được Tề Hoàn Công mà làm bá chủ ở Trung Nguyên. Nước Tần từ đời Tần Mục Công đã nắm vững quyền bá chủ ở hơn 20 nước Tây Nhung, uy thế rất mạnh. Tần Mục Công chưa cho là đủ, muốn khuếch trương thế lực vào cõi Trung Nguyên. Muốn như vậy thì phải tập kích nước Trịnh là bạn đồng minh của nước Tấn. Nước Tần đã gài được một nội tuyến là bọn Tỉ Tử, Phùng Tôn, Dương Tôn mai phục trường kỳ ở đó rồi... Nếu đánh được nước Trịnh, nước Tần lập được một trạm nghỉ chân cho những tham vọng to lớn về sau.

Thời cơ là Tấn Văn Công vừa qua đời, thi thể còn quàn tại nhà Thái miếu. Nước Tấn đang bận lo việc tang.

Tần Mục Công quyết ý hưng binh, sai bọn Mạnh Minh (con Bách Lý Hề), Tây Khất Thuật, Bạch Ất Bính

vượt đường xa ngàn dặm, bôn tập nước Trịnh. Kiến Thúc là Quốc lão của nước Tần can vua mình rằng:

- Viễn tập, bôn tập đều cốt ở cơ mưu bí mật. Đi đường xa ngàn dặm thì giữ bí mật quân cơ thế nào được? Tôi chắc rằng quân ta sẽ không thành công!

Tần Mục Công không nghe lời can gián, ra lệnh cho Tam soái (Mạnh Minh, Tây Khất Thuật, Bạch Ất Bính) tức tốc thi hành việc viễn chinh.

Quân Tần đến đất Hoát. Bọn lái buôn trâu nước Trịnh đứng đầu là Huyền Cao biết được âm mưu thâm mưu của Tam soái, liền đem trâu rượu đến làm lễ khao quân. Mặt khác sai người phi báo cho vua nước Trịnh biết. Trịnh Mục Công được tin cấp báo của Huyền Cao sai người dò xét, thử xem bọn Kỷ Tử, Phùng Tôn, Dương Tôn đương làm những trò gì? Bọn nội tuyến này của nước Tần đang sắp đặt cung nỏ, gươm giáo chuẩn bị tác chiến. Người do thám của nước Trịnh bảo bọn nội tuyến nước Tần rằng:

- Nước Trịnh tôi phải cung đốn cơm rượu thịt cho nước ngài từ lâu nay, hết cả những thứ thịt gia súc. Nước tôi cũng như nước Tần có một khu săn bắn nhiều hươu nai. Các ngài đến đó săn bắn, chúng tôi xin làm hướng đạo!

Bọn nội tuyến của nước Tần nghe nói, kinh sợ rụng rời, vội tìm đường trốn chạy. Kỷ Tử chạy sang nước Tề, Phùng Tôn, Dương Tôn chạy sang nước

Tống...

Bọn Tam soái thấy lực lượng nội ứng tan vỡ, cũng không dám đánh úp nước Trịnh nữa. Nhưng không lẽ ra quân tốn kém mà không làm nên công trạng gì, bèn cướp phá nước Hoạt tạn hoang, rồi theo đường Hào Sơn để trở về nước Tần.

Năm 627 TNC, quân Tần bị quân Tấn vây khốn ở Hào Sơn, Tam soái của Tần đều bị bắt làm tù binh. Xác quân Tần phơi trắng gò đồng ở Hào Sơn.

Bà Văn Doanh nguyên là đích mẫu của Tấn Tương Công bảo vua Tấn rằng:

- Nghe nói quân đội nhà vua đã bắt được bọn Mạnh Minh. Xưa-kia, nước Tần từng có ở nơi Tiên quân, nhà vua không cần phải giết bọn nó làm chi để cho tuyệt mất đường ơn nghĩa Tần – Tấn! Cứ thả cho bọn đó về, nước Tấn tỏ cho các nước chư hầu biết ta có độ lượng khoan dung trọng đại ! Về Tần thì mấy thằng bại tướng đó cũng bị đem ra mần thịt mà thôi!

Tấn Tương Công vâng lời bà đích mẫu Văn Doanh, truyền thả bọn Mạnh Minh. Bọn này thoát nạn, ôm đầu chạy gấp về phía bờ sông Hoàng Hà.

Tiên Chấn là lão tướng của nước Tấn, nghe tin ấy vào triều yết Tấn Tương Công. Nhà vua thuật lại sự việc, Tiên Chấn bưng bưng nổi giận, mắng rằng:

- Thằng con nít này không biết sự lý gì cả. Bọn vũ

phu chúng ta tổn không biết bao nhiêu mới bắt được 3 mạng tướng Tần. Nay vua nghe lời phụ nữ nói nhăng, thả cọp về rừng thì làm sao bắt lại được? Một ngày kia, nước Tấn sẽ bị bọn Mạnh Minh đó đánh diệt tan hoang!

Nói xong nhổ nước miếng vào mặt Tấn Tương Công rồi ra đi. Tấn Tương Công hối hận, sai quan đại phu là Dương Xử Phụ đuổi theo. Đến bờ sông Hoàng Hà, bọn Mạnh Minh đã tìm được thuyền, chèo ra đến giữa dòng sông. Dương Xử Phụ đứng trên bờ kêu lớn lên rằng:

- Bớ Tam soái! Vừa rồi, vì gấp quá vua chúng tôi chưa tặng kỷ vật lưu niệm cho các ngài. Các ngài đi đường xa không có ngựa thì khổ lắm. Xin ghé vào bờ, nhận kỷ vật rồi hãy đi!

Bọn Mạnh Minh biết ngay là Dương Xử Phụ phỉnh phờ, đời nào chịu ghé vào bờ, cứ chèo thuyền đi vun vút như tên bắn. Nhắc lại rằng:

- Rất cảm ơn Quý quốc! Ba năm sau nữa, chúng ta sẽ gặp nhau.

Bọn Mạnh Minh về đến đất Tần, thấy Tần Mục Công đứng ở cửa thành, khóc lóc thảm thiết:

- Lúc đầu, vì ta không biết nghe lời Quốc Lão để đến nỗi bọn con em dũng cảm phải thiệt mạng ở sa trường. Lỗi của ta rất lớn. Tam soái phải giúp ta rửa hận phục thù!

Năm 623 TCN, Tần Mục Công thống lĩnh bọn Mạnh Minh, Tây Khất Thuật, Bạch Ất Bính vượt qua sông Hoàng Hà, phá hủy hết các thuyền chở quân, biểu thị ý chí quyết chiến, quyết thắng. Nếu không thắng được chỉ còn có nước chết, chứ không chịu trở về. Quân Tần đến Hào Sơn, thu lượm xương tàn của các chiến sĩ bên Tần đã tử trận từ năm 627, mai táng tử tế để biểu dương lòng trung dũng của những người đã xả thân vì nước...

Quân Tấn chỉ cố thủ chứ không xuất trận trực diện gia phong vì biết quân Tần đều có ý chí quyết tử. Tránh né như vậy là phải vì quân Tần tích lũy thù hận đã lâu.

Chiến dịch Hào Sơn kéo dài 5 năm. Nước Trịnh không bị đánh úp vì có Huyền Cao. Nước Hoạt bị tàn phá, mất hết nhiều của cải vì vua nước Hoạt không biết cái đạo giữ nước gì cả.

Việc binh có thể trăm năm không dùng mà không thể một ngày không dự bị. Đối tượng tiến kích của quân Tần là nước Trịnh chứ đâu phải là nước Hoạt. Chẳng qua bọn Mạnh Minh thấy nước Hoạt không phòng bị gì cả nên thuận tay thì cướp phá mà chơi...! Tai bay họa gởi của nước Hoạt là do vua nước Hoạt tự rước lấy. Có nước mà lơ là chuyện phòng bị thì không khác gì mở cửa mà đón quân xâm lược vào!

Vua nước Hoạt đích thị là người ngu vậy.

Đến như Tấn Tương Công thì cũng không phải là

người khôn. Cái ngu của Tấn Tương Công đã do lão tướng Tiên Chấn nói rõ ra rồi, đồ là cái ngu thả cộp di họa.

Chiến dịch năm 623 TCN, quân Tấn phải nép sợ quân Tần. Nếu không có việc thả cộp 5 năm về trước thì quân Tấn không đến nỗi phải chịu lép vế để cho tin tức đồn rân đến tai chư hầu và uy thế nước Tần tại các nước Tây Nhung càng thêm tăng trưởng.

Một cái ngu có thể đem lại nhiều hậu quả bất ngờ.

Tiên Chấn vì quyền lợi của quốc gia, đã nổi giận mà nhổ nước miếng vào mặt Tấn Tương Công. Nóng lòng vì quyền lợi quốc gia là có lòng yêu nước nhiệt thành. Nhiệt thành đến nỗi nhổ vào mặt nhà vua thì thiệt là quá đáng. "Giận mất khôn"! Mất khôn là ngu chứ còn gì nữa?

Về sau Tiên Chấn cũng biết sự nóng giận của mình là quá đáng nên đã tự tìm cho mình một cái chết oanh liệt. Trong một trận đánh nhau với quân Xích Địch. Tiên Chấn đã trật bỏ áo giáp, xông vào giữa trận địch. Cung tên Xích Địch đã cắm tua tủa vào thân Tiên Chấn như lông nhím. Thế là Tấn Tương Công mất một viên hổ tướng, điều mà vua không nghĩ đến bao giờ...!

QUỶ VƯƠNG VÀ TRƯ VƯƠNG LÀM MẤT NHÀ LÊ

Vua Uy Mục bị sứ nhà Minh gọi là Quỷ vương.

Vua lên ngôi năm 1505, đến năm 1507, được nhà Minh phong làm An Nam Quốc Vương

Viên phó sứ trong sứ đoàn tuyên phong là Hứa Phương Tích trông thấy vua, lui ra than rằng:

An Nam tứ bách vận vưu trường,

Thiên ý như lá giáng Quỷ vương?

Vận nước An Nam còn được 400 năm lâu dài,

Ý trời ra sao mà cho Quỷ vương xuất thế?

Vừa mới lên ngôi vua Uy Mục lo báo thù những người đã không muốn lập mình. Đó là Đàm Văn Lễ và Nguyễn Văn Bật bị đày vào Quảng Nam vì vua không muốn thấy 2 ông này ở chốn triều đình. Vua chưa hả giận, sai người đuổi theo giết chết.

Làm vua cả một nước chứ vua Uy Mục chỉ tin dùng người của 3 nhóm:

- Nhóm phía Đông ở Hoa Lãng, quê hương dưỡng phụ
- Nhóm phía Tây ở Nhân Mục, quê hương quý phi.

- Nhóm phía Bắc ở Phù Châu, quê hương mẹ.

Vua sai Nguyễn Đình Khoa làm việc thể sát tức là dò xét các quan. Bọn chúng lộng quyền, muốn lấy của ai thì lấy, muốn giết ai thì giết.

Bọn Chiêm nô bị an trí ở đất Bắc từ đời Lê Thánh Tông bỏ trốn. Trà Phúc cướp được thuyền, trốn ra biển. Vua Uy Mục truyền lệnh giết hết Chiêm ở đất Bắc, rồi còn sai bọn Lê Tử Vân, Vũ Cảnh vào Quảng Nam tìm giết thêm nữa. Bọn sát thủ đặc phái này làm giàu vô kể vì có thừa sự tàn nhẫn giết người.

Trong số Hoàng thân bị hạ ngục có Giản Tu Công tên là Oánh. Giản Tu Công rút lột vàng bạc cho bọn cai ngục, vượt ngục trốn vào Thanh Hóa, cùng với Nguyễn Văn Lang khởi binh đánh bạo chúa. Nghĩa quân truyền hịch kể tội bạo chúa như sau:

Bạo chúa Lê Tuấn, dòng nghiệt thứ nhì, lạm ngôi bửu vị 5 năm, gây thành tội ác ngàn trạng.

Ném thân thích vào chốn ngục hình, xô thân dân vào nơi nước lửa. Bè ngoại thích nắm quyền chính trị, đuôi chó mặc sức nghênh ngang. Người trung lương xa chốn đàn đình, cốt ngành thôi đành vắng ngắt. Tước đã hết mà lạm thưởng chưa hết, dân đã cùng mà lạm thuế không cùng. Thu thuế khóa thân hào chịu chít, kêu dân xấp xỉ vua Tần. Đãi thân liu như chó ngựa khinh lờn, mạng dân rẻ bằng rơm rác, xác xược quá hơn giặc Ngụy.

Hướng nữa: trang trí cung điện huy hoàng, đào xới ao hồ rộng rãi. Xua dân trồng kiểng, lập Hoa cương học đòi Triệu Tống, xe đồ không kinh. Lấp biển dựng nhà, xây 4 phòng dâm bước u mê, lửa thiêu chẳng sợ. Cung điện cát rồi dỡ, dỡ rồi cát, dân Hải Dương, kinh Bắc nhọc nhằn. Họ ngoại hoành càng ngạo, ngạo càng hoành, dân phương trấn, Tứ Tuyên thống khổ. Toàn dân nhức óc, cả nước đau lòng.

Lại có một tờ hịch khác kể tội cũng kịch liệt như thế. Thêm cái tội đầu độc cả bà nội.

Tháng 11 năm Kỷ Hợi (1509) Quân của Giản Tu Công ra đến núi Thiên Kiện, Bắc Ninh.

Tháng này, trên bầu trời hiện ra một luồng bạch khí dài hơn một trượng như hình lưỡi kiếm. Dân chúng lo sợ, xôn xao. Vua Uy Mục sắp đặt chuyện phòng thủ, sai thả hết tù, cấp cho chúng mỗi đứa 3 tiền, khiến chúng cầm gươm giáo trợ chiến.

Quân của Giản Tu Công áp đến gần Kinh thành. Vua Uy Mục chạy ra phường Nhật Chiêu thì bị chính vệ sĩ của vua bắt vua nạp cho phe địch.

Giản Tu Công phế vua xuống làm Mẫn Lệ Công. Mẫn là gặp nạn lo buồn ở trong nước, Lệ là sát hại người vô tội. Mẫn Lệ Công bị ép phải uống thuốc độc, tự sát. Giản Tu Công sai đặt xác vào sủng, bắn cho tan.

Từ tháng 12 trở đi là niên hiệu Hồng Thuận của

vua Lê Tương Dực.

Vua muốn chứng tỏ mình có tài chính trị, sai Lương Đắc Bằng, người đã thảo hịch kể tội Uy Mục, soạn ra 14 sách lược bình trị.

- *Phải nơm nớp sợ hãi, đề cao cảnh giác để cho tiêu các điềm rối loạn, tai dị.*

- *Dốc lòng hiếu để giữ lòng trung hậu vẹn toàn.*

- *Xa lánh âm nhạc dân dật, sắc đẹp kiều mị.*

- *Đuổi bọn gian tà, xu nịnh.*

- *Không lạm phong, không lạm thưởng.*

- *Phép thuyên tuyền phải công minh*

- *Tiết kiệm của tiêu dùng để cho thói kiệm ước thành phong tục tốt.*

- *Khen thưởng việc tiết nghĩa để trong cương thường.*

- *Cấm chỉ hối lộ.*

- *Sửa vũ bị cho mạnh thế quốc phòng.*

- *Lựa chọn các quan ngự sử, giám sát để tạo thành cái khí thế dám nói, dám can ngăn.*

- *Khoan giảm việc lực dịch để đáp ứng nguyện vọng nhân dân.*

- *Hiệu lệnh phải có tính nghĩa.*

- *Sửa đổi pháp lệnh để mở vận hội thái bình.*

Kinh Thi nói: cái khó không phải ở chỗ biết mà khó ở việc làm.

(Nguyên văn câu kết: Tri chi phi nan hành chi duy nan)

Lý thuyết nghe hay nhưng vua Tương Dực làm trái ngược lời tuyên bố. Như ở mục tiết kiệm của tiêu dùng, vua sai Vũ Như Tô xây Cửu Trùng Đài và Bách Sạn Điệu.

Về mục xa lánh âm nhạc dân dật, nữ sắc kiều mị thì Tương Dực buông túng hoang dân, nên có danh là Trư Vương (vua heo).

Về mục dốc lòng hiếu để giữ lòng trung hậu vẹn toàn thì vua giết tông thất 15 người

Về việc đuổi bọn gian tà, xu nịnh thì vua dùng bọn Lê Phong làm Đốc tướng. Phạm Đức Vũ làm Tham tướng. Nguyễn Đốc làm Tổng đốc đi vào Thuận Hóa, Quảng Nam khiến cho dân chúng cả một miền Nam bị quấy nhiễu, rối loạn.

Tóm lại, điều gì vua tuyên bố tốt thì vua kiếm cách làm cho trái ngược. Hồng Thuận trị bình bảo phạm là chuyện lý thuyết nghe rất vui tai. Thực tế thì Trư Vương dân ngược, kiêu hoang tệ hơn Quỷ Vương.

Bởi thế, hết giấc Ngô Văn Tổng, Thâu Văn Nhạc thì đến giấc Trần Tuân. Rồi lại đến giấc Phùng Chương.

Về cái diêm tai dị đã nói ở mục thứ nhất trong

Hồng Thuận trị bình bảo phạm thì tháng 2 năm Quý Dậu (1513) có rấn lớn đến ở sông Cò Xá, dân chỉ đuổi đi chứ không dám giết. Năm Giáp Tuất (1514) sao thái bạch hiện giữa ban ngày. Chốn Kinh thành lại có lụt lớn hơn năm trước. Các hồ ao ở Kinh thành đều có rấn lớn xâm nhập ngụ cư.

Năm Kỷ Hợi (1515) giặc Phùng Chương tung hoành ở Tam Đảo. Quân Triều đi đánh bị thua.

Mạnh nhất là giặc Trần Cao. Trần Cao được xưng là hậu duệ nhà Trần, nổi dậy ở Thủy Đường, ứng với lời sấm truyền. Phương Đông có thiên tử khí. Tháng 5 năm Bính Tý (1516), Trần Cao đã chiếm hết Hải Dương. Đông triều, Tiên Du, Gia Lâm, đem đại binh uy hiếp Kinh thành. Vua Tương Dực phải đích thân nghênh chiến. May nhờ có Nguyễn Hoàng Dụ giữ bến Bồ Đề, giặc không qua sông được phải lui về Ngọc Sơn.

Trong lúc gian nan trăm phần thì Trịnh Duy Sản bị vua Tương Dực đánh đòn oan ức, nổi giận đem quân vào cửa Bắc Thần giết vua. Trịnh Duy Sản lập Quang Trị mới có 8 tuổi làm vua, sau lại lập Lê Ý tức là vua Chiêu Tông. Rồi rước vua về Tây Kinh.

Trần Cao vào Thăng Long, lên làm vua, đặt niên hiệu là Thiên Ứng. Sau phải bỏ Kinh thành, chạy lên Lạng Nguyên. Rồi nhường ngôi cho con là Trần Thăng, niên hiệu Tuyên Hòa. Mãi đến năm 1520, Trần Thăng thua chạy lên Thất Khê rồi sang Tàu bị quân nhà Minh

đánh bắt được, giải giao cho quân nhà Lê.

Bọn yêu tăng đã nương thân cửa Phật để trốn xâu lậu thuế, lại còn phổ biến các tà thuyết, mê tín dị đoan, phiến hoặc dân tâm. Dân chúng ít học, tin theo chúng là chuyện đã đành mà trong số tín đồ bậy bạ này còn có cả quan và đáng lấy làm sự lạ là có cả vài vị quan lớn nữa. Yêu tăng tự phong những chức tước rất lớn... ở trên trời! Như tên Cù Khắc Xương làm Thiên Vũ nguyên soái, tên Trần Công Vụ xưng là Thiên Bồng Nguyên soái coi thủy quân của Thượng đế ở sông Ngân Hà!

Hết lòng trung nghĩa với vua Chiêu Tông là tướng Trần Châu. Không biết lời sấm tự ai truyền mà người trong thiên hạ xâm xì vào tai nhau 4 câu:

Trần Hữu nhất nhân

Vi thiên hạ quân

Thổ đầu xà vỹ

Tế thế an dân.

Nghĩa là:

Có người họ Trần làm vua thiên hạ. Đầu thỏ đuôi rắn, giúp đời trị dân.

Vua Chiêu Tông hôn ngu, không phân biệt được kẻ nịnh người trung, nghe được lời sấm ấy, tự cho là cơ nghiệp nhà Lê bị đe dọa, nghe lời bọn xiểm nịnh, lập kế mai phục bọn đao phủ ở trong cung, triệu Trần Châu đến để bàn việc quân quốc. Trần Châu trung trực

không nghi ngờ gì cả, nghe vua triệu thì tuân mạng đến ngay, và cũng bị sát hại ngay!

Bọn thủ hạ của Trần Châu là Hoàng Duy Nhạc thấy chủ tướng bị chết oan ức, đem binh sĩ vây đánh Kinh thành. Lê Chiêu Tông phải đem quân Vũ Lâm (quân chuyên trách bảo vệ vua) ra chống cự rồi phải bỏ trận mà chạy trốn... vua triệu các tướng Trịnh Tuy, Nguyễn Hoằng Dụ đem quân cứu giá, không tướng nào thèm hưởng ứng lời vua. Bắc đắc dĩ, vua phải theo Mạc Đăng Dung chạy về Bảo Châu.

Trịnh Tuy lập Lê Do lên làm vua, đặt niên hiệu là Thiên Hiến. Mạc Đăng Dung đánh thắng được vua Thiên Hiến này, uy quyền càng ngày càng lừng lẫy. Lê Chiêu Tông nghi sợ, nửa đêm trốn chạy lên Sơn Tây. Mạc Đăng Dung lập Lê Xuân lên làm vua, đặt niên hiệu là Thống Nguyên.

Lê Chiêu Tông (niên hiệu Quang Thiệu) ban một chỉ mộ quân Cần Vương ở Giang Bắc (phía bắc sông Nhữ Hà) nhưng những đám quân mới nổi dậy đều bị Mạc Đăng Dung đánh cho tơi tả, tan nát. Đương lúc nguy khốn ấy thì Trịnh Tuy đem quân hơn 1 vạn từ Thanh Hóa ra cứu giá.

Đáng lẽ phải biệt đãi, gia phong chức tước cho Trịnh Tuy để khuyến khích những người trung nghĩa thì vua Lê Chiêu Tông lại bắt giết bọn thuộc tướng của Trịnh Tuy. Lần này cũng như lần trước, vua nghe lời

bọn hoạn quan xui đại! Trịnh Tuy nổi giận, bắt vua đem về Thanh Hóa.

Mạc Đăng Dung sai bọn Mạc Quyết đi đánh Trịnh Tuy, rồi nhân danh vua Thống Nguyên, tuyên bố phế Lê Chiêu Tông làm Đà Dương Vương.

Năm 1526, Mạc Đăng Dung làm Đô tướng đi đánh Trịnh Tuy, bắt được Đà Dương Vương ở sách Thúy Cử, châu Lang Chánh. Mùa đông, Đà Dương Vương bị giết.

Mạc Đăng Dung được phong làm An Hưng Vương gia cử tịch (9 thứ quyền lợi biệt đãi như xe ngựa sang trọng, y phục quý giá, âm nhạc riêng, cửa sơn son, bệ thềm cao, lính hộ bộ hộ vệ, cung tên như vua, rìu búa đặc biệt, đồ uống rượu vàng ngọc)

Giữa năm 1527, An Hưng Vương Mạc Đăng Dung ép vua Thống Nguyên phải nhường ngôi cho mình.

Triều đại nhà Lê cáo chung, triều đại nhà Mạc làm chủ đất Việt, được nhà Minh phong làm An Nam Đô Thống Sử.

Nhà Lê suy diệt vì Quỉ Vương và Trư Vương, mất đứt địa vị Thiên Tử từ năm 1526 đời Lê Chiêu Tông (Đà Dương Vương) như vua Lê Chiêu Tông gặp lúc quốc nạn đa đoan mà cứ nhắm mắt tin theo bọn hoạn quan thì thiệt là ngu hết chỗ nói! Hoạn quan thứ đầy tớ ở trong cung điện, sao lại cho bọn đó bàn việc chính trị làm chi!

Ông vua sáng nghiệp ở với thầy, ông vua thủ

thành ở với bạn và bấy tôi, ông vua mất nước ở với đầy tớ.

Lê Chiêu Tông trước sau ở với đầy tớ thì mất nước là sự lý đương nhiên, không thể không mất được.

Đà Dương Vương đáng gọi là Ngu Vương!

SỰ LƯỜI BIẾNG ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ CỦA MINH THẾ TÔNG

Vua Thế Tông nhà Minh đặt niên hiệu là Gia Tĩnh. Vua trị vì 45 năm. Có tánh lười biếng không vua nào trong lịch sử Trung Hoa sánh kịp. Có lần, vua nghỉ việc thiết triều liên tiếp hơn 20 năm!

Thế thì làm sao giải quyết các việc quân quốc? Ở chốn triều đình, vua dùng một số Họa sĩ cố vấn, ở trong cung, vua dùng bọn hoạn quan. Vua không cần đọc các sớ tấu của các quan (đã có cố vấn đọc trước rồi) vua cũng không thèm cầm bút viết các lời phê. Bọn hoạn quan phê giúp! Thực sự, hoạn quan và họa sĩ nắm quyền thống trị đại lục Trung Hoa.

Đoạn mở đầu truyện Kiều của Nguyễn Du có câu:

Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh,

Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng!

Hai kinh là Nam Kinh và Bắc Kinh. Có thật là phẳng lặng, vững vàng không?

Những năm 1549, 1550, rợ Yêm Đáp vào cướp phá biên thùy phương Bắc rồi cướp phá luôn Bắc Kinh.

Trên mặt biển, Nụy Khấu Nhật Bản cướp phá Triết Giang.

Mãi đến năm 1561, Minh Thế Tông mới hạ ngục Nghiêm Trung, cố vấn chính trị. Thu của con Nghiêm Trung hơn 10 triệu lượng vàng!

Hối lộ công hành là chuyện bình thường, các quan tỉnh về Bắc Kinh muốn được quan Cố vấn Học sĩ mời cơm thì phải dâng hối lộ ngàn lượng. Một bữa cơm trị giá một ngàn lượng vàng, quả là một giá biểu đắt nhất thế giới vậy!

*

* *

Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, các di thần của nhà Lê trốn sang đất Lào, phủ lập Lê Ninh lên làm vua. Lê Ninh sai Trịnh Liêu sang Tàu kêu kiện. Minh Thế Tông sai quan đi điều tra sự việc, năm 1537 có quyết định vãn tội An Nam quyết định 3 năm, mãi đến năm 1540, quân Minh mới đến gần biên giới nước Đại Việt, Cừu Loan đeo ấn Chinh Di tướng quân, Mao Bá Ôn làm Tán lý quân sự.

Mao Bá Ôn khuyên Cừ Loạn nên thận trọng, đóng quân ngoài biên giới để chờ xem nhà Mạc phản ứng ra làm sao. Trước khi dụng võ thì phải dụng văn đã.

Việc dụng văn là noi gương Thánh Thượng (vua Gia Tĩnh) Thánh Thượng đã tặng thơ cho Mao Bá Ôn, có những câu khen ngợi rất hào hùng... (hay là kiêu căng, khoác lác thì cũng thế!)

Đại tướng Nam chinh đảm khí hào

Yên hùng thu thủy nhận linh đao!

Phong suy đà cổ sơn hà động

Điệu thiểm tinh kỳ nhật nguyệt cao.

Nghĩa là:

Đại tướng đi đánh phương Nam, thật có can đảm hào hùng. Lưng đeo gươm súng lấp lánh như nước mùa thu. Gió thổi tiếng trống bịt da cá sấu vang động núi sông. Ánh điện chớp nhoáng trên các thứ cờ dưới ánh dương rực rỡ, ánh trăng sáng dịu.

Mao Bá Ôn làm thơ vịnh bèo, ám chỉ thân phận nước Việt như cánh bèo trên mặt nước, đến lúc trên trời nổi cơn gió mạnh, quét sạch ra biển thì biết đâu mà tìm?

Trạng Nguyên nhà Mạc là Giáp Hải họa lại bài thơ bèo, có những lời lẽ cứng cỏi.

Mũi kim vậy găm dễ luôn đâu

Dính gốc, liền cành kể sống lâu

*Mây trắng từng thua soi bóng nước
Dương vàng khó nổi chiếu dòng sâu
Sóng dôi lớp lớp còn nguyên đám
Gió dữ ngàn cơn chẳng cúi đầu
Chốn ấy ít nhiều rồng cá ẩn
Xui tài Lữ Vọng khó buông câu.*

(Dịch bài “Cầm Lân mật mật” của Giám Hầu)

Mạc Đăng Dung xin hàng, nạp 5 động Tô Phù, Kim Lạc, Cổ Xung, Liễu Cát, La Phú sáp nhập vào Khâm Châu.

Bọn Cừu Loan, Mao Bá Ôn cũng được nhà Mạc cho một số vàng bạc. Như vậy là cuộc Nam chinh của các tướng Minh thắng lợi rõ ràng. Và nhất là công tư vẹn cả hai bề.

Dụng văn có kết quả tốt đẹp hơn dụng võ.

Sứ giả nhà Lê vẫn cứ còn đi kiện nhưng Vua Minh Thế Tông không còn xét nữa.

Bởi vì nhà Minh còn phải lo nhiều việc hệ trọng hơn ở các nẻo biên thùy phương Bắc và mặt biển Thái Bình Dương.

Minh Thế Tông chỉ muốn yên thân. Các đời vua sau kém phúc đức hơn, phải cứu viện Triều Tiên, đối phó với Nhật Bản. Súng trường của Bồ Đào Nha đã du nhập vào đất nước Phù Tang.

Nhà Mạc đối với nhà Minh giữ trọn một niềm cung thuận, nộp cống, xưng thần. Nhà Minh cũng hết lòng che chở cho nhà Mạc. Như vậy là sau năm 1540, việc ngoại giao Việt – Hoa tiến triển trong không khí hòa bình. Phương Nam yên tĩnh.

TỪ CÁI NGU CỦA LƯU CHƯƠNG ĐẾN CÁI NGU CỦA LƯU BỊ

Năm 214, Lưu Bị đem quân từ Kinh Châu theo lời mời của Lưu Chương, vào chiếm Thành Đô thủ phủ của Tây Xuyên.

Tây Xuyên không phải không có những kẻ sĩ có mưu trí biết nhìn xa thấy rộng, hiểu rõ tình thế trong thiên hạ. Như Vương Lữ, Hoàng Quyền, hai người đều điều trần lợi hại. Mời Lưu Bị vào giúp Tây Xuyên có khác nào ngồi một mình trên sườn núi, mời hùm beo đến kết bạn cho vui! Can gián hết lời, Lưu Chương vẫn cứ một mực tin vào độ lượng nhân nghĩa của Lưu Bị mà cự tuyệt hết các quan văn võ đất Tây Thục. Vương Lữ thấy nguy cơ mất nước của Lưu Chương, sai thủ hạ đem treo mình trước cửa thành, tay cầm gươm lăm lăm, nếu những lời nói thống thiết lần cuối cùng này mà cũng bị

bỏ qua thì Vương Lũy tự cắt dây treo, đem cái chết báo đền ơn đất nước. Rồi Vương Lũy chết giập óc trước cửa thành.

Lưu Chương tự ý làm mất cơ nghiệp, sự ngu dại không đáng thương. Đời Tam Quốc là đời ganh đua trí dũng, mưu lược. Lưu Chương bất tài thì bị Lưu Bị cho đi an trí ở một quận nhỏ trong đất Kinh Châu.

Quan Vũ tọa trấn Kinh Châu. Năm 219 thì bị Lữ Mông bên Đông Ngô dùng kỳ mưu của Lục Tốn đánh úp một trận, lấy được thành ngay. Quan Vũ chỉ có dũng lực xông pha ngoài cõi sa trường chứ mưu trí thì sút kém, giữ Kinh Châu sao nổi!

Năm 220, Tào Phi lên ngôi Hoàng đế ở đất Trung Nguyên chấm dứt cơ nghiệp nhà Hán.

Năm 220, Lưu Bị cũng Đế hiệu, đem hết lực lượng tinh nhuệ trong đất Thục đi đánh Đông Ngô để báo thù cho Quan Vũ, Triệu Vân (Triệu Tử Long) can rằng:

- Quốc tặc là Tào Phi chứ không phải là Tôn Quyền. Nếu Bệ hạ đi đánh Bắc Ngụy thì mới nên thân chinh, còn như đi đánh Đông Ngô thì sai một đại tướng cũng đã đủ.

Thù nước là thù chung, thù anh em là thù riêng của một nhà. Cần phải phân biệt rõ ràng mới được.

Triệu Vân nói không dặt lờ. Quân sư Gia Cát Lượng dâng thư can gián, thư bị ném xuống đất. Gia Cát

Lượng lại thống lĩnh các quan vào can ngăn lần nữa. Lưu Bị đã hơi chuyển ý. Bất ngờ Trương Phi từ Lãng Trung về Thành Đô, viện dẫn lời thề kết nghĩa Đào Viên ngày xưa, xin thực chủ hưng binh, Lưu Bị lại quyết ý phạt Ngô như trước.

Trương Phi chỉ là một dũng tướng như Quan Vũ vậy thôi. Mưu trí, thao lược không có gì hết. Phi có tánh ham uống rượu, rượu say rồi thì đánh đập quân sĩ và kẻ hầu gần. Lưu Bị răn đe Trương Phi rằng:

- Khanh hay đánh đòn sĩ tốt, rồi để cho chúng hầu gần, đó là con đường chuốc lấy tai họa vậy. Từ nay phải bớt rượu chè mới được.

Lời khuyên như nước đổ lá khoai. Rốt cuộc quân Thục chưa ra cũi mà Trương Phi đã bị thủ hạ là bọn Phạm Chương, Trương Đại đâm cho một nhát gươm chết ngay trên giường ngủ.

Lưu Bị xử việc nhà khôn hơn Trương Phi. Nhưng xử việc nước thì mù quáng lắm.

Quân Thục vào đất Ngô, thắng được năm bảy trận nhỏ, tiến quân đến Hào Đình. Từ cửa Xuyên đến Hào Đình đường dài 700 dặm, quân Thục hạ 40 trại liên tiếp nhau, thanh thế rất lừng lẫy.

Ngô chủ là Tôn Quyền đắp đàn bái tướng, phong Lục Tốn làm Đại Đô Đốc, chỉ huy toàn thể quân Đông Ngô, Lục Tốn truyền lệnh các tướng phải giữ vững các

cửa ải, nhất thiết không ra đánh nhau với quân Thục. Các tướng Ngô như Hàn Dương tỏ ý không phục, cười thầm Lục Tốn nhất gan. Lục Tốn bảo Hàn Dương rằng:

- Nhuệ khí của quân Thục đương thịnh lắm. Ta không nên giao phong. Họ giống ruồi giữa đồng bằng, cầu chiến không được tất phải lui quân vào những nơi có cây cỏ êm mát, có sông suối để tiện việc nấu ăn. Lúc bấy giờ ta sẽ dùng kỳ mưu mà đánh họ.

Quả đúng như sự dự liệu của Lục Tốn, quân Thục lui vào núp bóng mát trong rừng, đợi sang thu sẽ tiến mạnh.

Tướng Ngô như Từ Thịnh, Đinh Phụng thấy quân Thục dời vào rừng rú, xin Lục Tốn cho đánh ngay. Lục Tốn cứ truyền lệnh cố thủ, không cho đánh, đợi quân Thục hạ trại yên ổn đã! Các tướng nói:

- Phá Thục nên phá ngay lúc họ mới đến. Nay họ lập trại liên tiếp năm sáu trăm dặm, giữ gìn hơn bảy tám tháng trời, bao nhiêu chỗ hiểm yếu, họ đều chiếm giữ cả rồi, ta còn phá họ sao được.

Lục Tốn giảng giải rằng:

- Lưu Bị là bậc kiêu hãnh, nhiều mưu trí. Lúc quân Thục mới đến, khí thế đang hăng, quân phong quân kỷ nghiêm mật. Đến giờ lâu rồi mà không thấy quân ta ra đánh, tất họ sinh ra trễ nải. Ta phá được họ chính ở lúc này.

Bấy giờ các tướng Ngô mới chịu phục là phải. Lục Tốn đã định xong mưu mẹo phá quân Thục, viết thư báo với Tôn Quyền chỉ nay mai là có đại tiệc. Tôn Quyền đem quân đến tiếp ứng.

Về phía Lưu Bị thì cứ trường khu đại tiến, vào sâu trong đất Ngô.

Trước đó, Lưu Bị cũng có nghe lời Mã Lương vẽ địa đồ những nơi đóng quân về trình với Gia Cát Lượng. Gia Cát Lượng thất kinh bảo với Mã Lương rằng:

- Khí số nhà Hán hổng mất rồi.

Bao bọc cả chỗ hiểm trở, cao thấp mà đóng đồn, đó là điều tối kỵ trong phép dùng binh, nếu quân địch đánh hỏa công thì cứu làm sao. Tai họa đến nơi rồi. Lâu nay, Lục Tốn giữ vững không ra chính là vì thế. Người nên trở về cho mau, tâu với Thiên tử dời đồn đi chỗ khác mới được.

Mã Lương chưa kịp đến nơi thì thấy Lục Tốn đã sai Chu Nhiên, Hàn Dương đem chiến thuyền chở các vật liệu dẫn hỏa thiêu đốt các đồn ở phía Bắc bờ sông. Quân Thục có 40 đồn, quân Ngô chỉ đốt 20 đồn thôi. Cứ cách một đồn đốt một đồn. Quân sĩ phải mang theo lương khô, ngày đêm hết sức đuổi đánh, kỳ cho bắt được Lưu Bị mới thôi.

Triệu Vân đang đi tuần trong cửa Xuyên nghe tin Ngô, Thục đánh nhau, lại trông thấy xa xa lửa cháy rực

trời, vội kéo quân ra tiếp ứng, cứu được vua Thục vào thành Bạch Đế.

Từ đầu năm, lúc chiến cuộc mới phát khởi, Tôn Hoãn đã bị quân Thục vây khốn ở Di Lăng, các tướng xin đi cứu, Lục Tốn không cho, bảo rằng:

- Tôn Hoãn rất được lòng quân sĩ, chắc giữ được Di Lăng, nếu quân Thục ở Hào Đình bị phá tan thì Di Lăng tự nhiên thoát nạn.

Trận Hào Đình xảy ra năm 221

Đồng minh của quân Thục là Sa Ma Kha bị tướng Ngô là Chu Thái giết chết trước trận. Tôn phu nhân nghe tin quân Thục đại bại, vua Thục đã chết trong đám loạn quân, sai thị nữ đẩy xe ra bờ sông, phu nhân nhảy xuống nước, tự trầm.

Vua Thục vào thành Bạch Đế, được ít lâu phát bệnh rồi băng hà vào năm 222 (năm Chương Võ thứ 3). Ủy thác con thơ là Lưu Thiện lại cho thừa tướng Gia Cát Lượng.

*

* *

Tác giả Tam Quốc Chí diễn nghĩa là La Quán Trung cố ý gieo rắc vào người đời sau những nhận xét sai lầm về Lưu, Quan, Trương.

Lưu Bị không phải là người khoan nhân độ lượng mà lại là người cố chấp hẹp hòi, không biết nghe những

lời can gián trung trực.

Chiến dịch Hào Đình đáng lẽ không xảy ra mà vẫn cứ diễn ra. Lưu Bị đã dùng cả lực lượng một nước Thục để báo một mối thù riêng của đạo bằng hữu. Ai can gián cũng không được, kể cả Triệu Vân và Gia Cát Lượng.

Làm tướng giữ Kinh Châu mà để mất toàn bộ đất đai thì tội của viên tướng ấy thiệt không phải là nhỏ!

Thế mà La Quán Trung khi phải nói về cái chết của Quan Vũ thì dùng những lời lẽ trang trọng hiểu thánh, hiểu thần! Độc giả ở Trung Hoa bị mê hoặc mà độc giả Việt Nam cũng không thoát khỏi cái nạn ấy.

Như bài thơ của một nhân sĩ người Việt đề vào vách miếu thờ Quan Vũ ở đất Việt, tỉnh Bình Thuận:

*Đình tiền nhất thốc lẫm thần uy
 Chính khí chu lưu tự viễn thù
 Tích tuyết tầng tầng ngưng nghĩa nhận
 Man đài điểm điểm họa chinh y
 Dĩ kinh ức tải tàn biên hậu
 Phục kiến tam phân bức liệt kỳ!
 Vãn bối tự tâm vô trí dũng,
 Chỉ tương tâm sự cáo thần tri...*

Khuyết danh

Bản dịch của L.G:

Trước đền chiêm bái vẻ nguy nga
Chính khí lưu hành đến cõi xa.
Tuyệt động gươm linh ngời ánh thép,
Rêu phong áo chiến ửng màu hoa.
Sử biên mấy lớp tàn tro bụi,
Chia cắt phen này lại diễn ra.
Vãn lối thẹn mình không trí dũng.
Chứng minh thần hấn xét lòng ta.

Quan Vũ trung dũng nhất trên đời! Chính khí lưu hành suốt hai nước Hoa Việt. Người Trung Hoa tin như thế, người Việt Nam tin tưởng như thế, sao mà khéo rập khuôn nhau!

Cho hay ảnh hưởng của văn chương sâu xa thiệt!

SỰ HOANG PHÍ CỦA CÁC BÀ KIỀU NỮ

Lợi khí của các bà là nhan sắc kiêu diễm. Khi nhan sắc kiêu diễm ấy lọt vào mắt xanh của các đấng quân vương thì nó phát sinh ra tính kiêu xa hoang phí. Cái “ngàn vàng” của các bà đắt giá không ai tưởng tượng nổi. Phải có tài liệu sổ sách ghi chép lại minh bạch thì chúng ta mới biết được một đôi điều lý thú.

Nữ hầu tước Pompadour là tình nương của Louis XV nước Pháp Lang Sa. Cuộc tình duyên thơ mộng của bà với vua Louis XV kéo dài 19 năm. Bà đã tiêu tốn của nước Pháp 36 triệu Phậ lăng. Phậ lăng (Frane) là quan tiền Pháp. Nếu tính theo giá biểu thế kỷ XX này thì con số 36 triệu ấy phải được nhân lên gấp 10 lần mới là tương xứng với thực tế sinh hoạt.

Hoàng hậu của Đại Đế Nã Phá Luân tiêu phí vàng bạc nhiều hơn các bà Hoàng hậu khác ở Âu Châu vào Thế kỷ XIX. Bà là người để dành suốt cả buổi sáng vào việc trang điểm mặt phấn thẩm hồng. Bà quyền dụ cách nào mà Nã Phá Luân nhìn khuôn mặt phụ nữ nào cũng có cảm tưởng khuôn mặt ấy tái mét vì thiếu lớp phấn hồng trét kỹ bên ngoài. Phấn trét dày bao nhiêu thì nữ trang xiêm áo đắt giá bấy nhiêu. Khi phải thanh toán số

tiền mà Hoàng hậu đã chi tiêu, đức ông chồng đầu là Đại Đế cũng phải lắc đầu và thở dài náo ruột! Cuộc tình duyên kéo dài từ năm 1796 (lúc Đại Đế chỉ mới là một vị nguyên soái) và chấm dứt vào năm 1809 chưa được 15 năm. Đại Đế phải cử ra một đoàn luật sư để xét trường hợp kiện ly dị!

Kể ra thì số phận của bà cũng còn may mắn hơn Hoàng hậu Marie – Antoinette bị dân chúng Pháp gọi trộm là Bà Thâm Thủng (Madame Déficit) vì dân cho rằng bà tiêu xài lớn quá, công quỹ phải gánh chịu sự thâm thủng liên miên. Vua Louis XVI phải lên đoạn đầu đài, bà cũng phải theo chồng lên đó.

Sự hoang phí vô độ của các bà kiêu nữ đã di hại rất nhiều cho các triều đại đế vương mà các bà tham dự. Đó mới thiệt là nhan sắc khuynh quốc khuynh thành!

Lịch sử Đông Tây kim cổ ghi chép rất nhiều chuyện khuynh thành khuynh quốc vì ở đâu cũng vậy, ở thời đại nào cũng vậy, nhan sắc kiêu diễm được coi trọng hơn đức độ tài năng.

Bài “trường hận ca” của Bạch Cư Dị có câu:

Thiên sinh lệ chất nên tự khí

Nhất triều tuyển tại quân vương trắc

Dịch:

Trời đâu lẽ đặt bày duyên số,
Chất diễm kiêu phí bỏ sao nên.
Có ngày lựa chọn dâng lên,
Chỗ ngồi cao quý ở bên ngôi rồng.

Các bà càng cao quý thì quốc gia càng tốn nhiều tiền. Một cuộc đi tắm suối của Dương Quý Phi, người đẹp đời Đường, tốn hết 4 vạn quan tiền theo giá biểu thế kỷ VIII. Đường Minh Hoàng thất kinh, sợ người đời sau đàm tiếu, bảo các sử quan bỏ qua sự việc, đừng có ghi chép làm chi.

Dương Quý Phi là một đầu mối cuộc tranh giành tình ái giữa An Lộc Sơn và Đường Minh Hoàng, cả một miền Hoa Bắc khốn khổ, bi thương, cuộc nổi loạn của An Lộc Sơn sau chín năm chiến tranh đã làm cho dân số nhà Đường hao hụt hơn 2/3 từ 52.900.000 còn 16.900.000 người! (ghi con số tròn cho dễ nhớ)

Chẳng những di hại ở thế kỷ VIII mà mãi đến hai trăm năm sau, nhà Tống cũng bị liên lụy vì cuộc biến loạn đó mà góc đầu không lên! Thiệt là một khúc ca trường hận...

Nhưng mà theo luật tiến hóa, nhân loại càng ngày càng văn minh và do đó, nhan sắc các kiều nữ càng tăng thêm phần mê ly, hấp dẫn, và cũng do đó, ái tình càng đắm đuối, mãnh liệt. Việc chi phí cho ái tình cũng tăng tiến theo cấp số không ngừng...

Sự hoang phí của các bà kiều nữ bao giờ mới chấm dứt? Chẳng bao giờ cả vì trời đất còn có khí âm, khí dương, nhân loại còn có đàn bà kiều diễm và đàn ông hiếu sắc.

CÁI NGU CỦA MỘT MƯU SĨ VÀ CÁI NGU CỦA MỘT DANH SĨ

Năm 196, Tào Tháo lập Hứa Đô. Viên Thiệu chiếm giữ đất Hà Bắc. Hai bên đều đem lực lượng trọng yếu tương trì ở Quan Độ.

Quân của Viên Thiệu đông hơn, lương thực cũng đầy đủ hơn. Hứa Du hiến kế rằng:

- Tào Tháo dồn hết binh lực ra đây, Hứa Đô chắc không còn trọng binh trấn giữ. Ta nên dùng kỵ binh bồn tập thì chắc làm cho căn cứ của Tào Tháo bị lung lay, Hứa Đô nguy thì Tào Tháo giữ vững Quan Độ thế nào được?

Viên Thiệu do dự vì biết Tào Tháo có tài dùng binh. Lúc đương luận việc thì có thư của Thấm Phối đi thanh tra ở Ký Châu gửi đến, tố cáo Hứa Du thả lỏng cho con em ăn hối lộ của dân. Viên Thiệu xem thư, nổi giận quát mắng Hứa Du rằng:

- Đồ tham nhũng vô liêm sỉ kia sao dám đến trước mặt ta trình bày quỷ kế? Hay là người ăn hối lộ của Tào Tháo mà kiếm cách lừa gạt quân ta? Cút đi cho khuất mắt! Từ rày về sau, ta cấm người vào trong trường xúi dại xúi khôn!

Hứa Du ức lắm, chạy sang phía Tào xin được đầu

hàng và hiến kế phá Viên, Tào Tháo đương nằm trong trường, nghe báo có Hứa Du đến, mừng quá, chạy ra đón tiếp, chân không kịp xỏ vào giày.

Tào Tháo vốn có quen biết Hứa Du từ xưa, lạy chào theo kiểu bạn cũ, rồi hỏi ngay rằng:

- Cố nhân đến đây, có bày cho tôi cách gì phá ngay Viên Thiệu không?

Hứa Du đáp liền rằng:

- Tôi đã bày cho Viên Thiệu dùng quân khinh kỵ bốn tập Hứa Đô...

Tào Tháo tái mặt, nói:

- Nếu nó dùng cách ấy thì quân tôi nguy mất!

Hứa Du hỏi lại rằng:

- Trong quân của Thừa tướng còn được bao nhiêu lương.

Tào Tháo mỉm cười đáp:

- Lương thảo đủ dùng nửa năm nữa!

Hứa Du cười âm lên, nói gọn:

- Chưa chắc!

Tào Tháo hạ bớt con số xuống:

- Đủ dùng 3 tháng!

Hứa Du lại cười tộ:

- Cũng chưa chắc!

Tào Tháo liền làm bộ thân mật, kề miệng vào tai Hứa Du nói nhỏ:

- Đủ dùng một tháng nữa!

Hứa Du nói:

- Người ta đồn Tào Tháo dối trá, quả thật không sai!

Tào Tháo cười nói:

- Túc hạ không biết chữ “binh bất yếm trá” hay sao!

Hứa Du nói lớn:

- Thừa tướng hết lương rồi!

Tào Tháo sửng sốt hỏi:

- Sao cố nhân biết?

Hứa Du liền đưa ngay ra bức thư gửi về Hứa Đô để thúc giục việc tiếp tế lương thảo mà hỏi rằng:

- Ai viết thư này?

Tào Tháo hoảng kinh hỏi:

- Vì đâu mà cố nhân đón bắt được bức thư tối mật này? Xin bày cho một kế phá Viên Thiệu ngay đi! để chậm thì nguy lắm!

Hứa Du nói nhỏ, đủ để cho mình Tào Tháo nghe:

- Lương thảo của Viên Thiệu để cả ở Ô Sào. Tướng trấn giữ là Thuần Vu Quỳnh không biết lo tuần

tiều xa gần, chỉ chăm uống rượu. Ta nên đột kích, dùng kế hỏa công thiêu rụi sổ lương ấy đi.

Tào Tháo lưu Hứa Du ở lại trong quân mình. Hôm sau, chiều tối sai Hứa Chử, Trương Liêu đi trước, tự mình đi đốc chiến, giả xưng là quân của Tướng Ký đi tiếp lương. Kéo thẳng đến Ô Sào mở trận hỏa công. Lửa cháy ngút trời, quân của Viên Thiệu thua chạy, Tào Tháo bắt được Thuần Vu Quỳnh, sai cắt mũi, xẻo tai rồi thả ra cho chạy để làm nhục Viên Thiệu!

Quân của Viên Thiệu thấy lương thảo bị đốt, rối loạn cả lên. Tào Tháo thừa khí đắc thắng, mở trận bao vây tiêu diệt chiến, đuổi Viên Thiệu chạy qua sông Hoàng Hà.

Quân Tào thắng lớn. Hứa Du cậy có công lớn, sinh ra kiêu ngạo. Lúc Tào Tháo đem các tướng vào chiếm lĩnh thành Ký Châu, Hứa Du tể ngựa lên trước, quay mặt lại, kêu Tào Tháo bằng tiểu tự và bảo rằng:

- Tào A Man! Nếu không có tôi thì các anh làm sao ra vào cửa này được?

Các tướng giận lắm muốn giết Hứa Du. Tào Tháo cười xòa, bảo bọn chúng rằng:

- Bọn cũ nói giỡn nhau, không sao cả.

Ít ngày sau, Hứa Du gặp Hứa Chử ở cửa thành, cũng giữ y luận điệu cũ:

- Các anh không có tôi thì làm sao ra vào được cửa

này?

Hứa Chử nổi giận, mắng rằng:

- Đồ hủ nho nói khoác! Chúng ta vào sinh ra tử, công dã chiến biết bao nhiêu trận mới chiếm được Ký Châu. Sao mày dám nói thế!

Hứa Du mắng lại rằng:

- Mày chỉ là một đứa dưng phu, biết gì mà nói?

Hứa Chử nổi giận, tuốt gươm chém chết Hứa Du rồi cắt lấy đầu đem trình thừa tướng.

- Thằng này láo quá, tôi phải giết nó để giữ thể diện cho thừa tướng đó thôi.

Tào Tháo trách cứ Hứa Chử mấy câu qua loa cho xong chuyện! Hứa Chử cứ là tướng thân tín của Tào Tháo như thường. Riêng Hứa Du thì thiệt mạng một cách lãng xẹt.

Nghĩ cho kỹ thì chính Tào Tháo muốn giết Hứa Du mà lại mượn tay Hứa Chử. Nếu Tào Tháo kính lễ Hứa Du như lúc mới đến thì Hứa Chử đâu có dám ra tay? Hứa Du khinh mạn, việc ấy hiển nhiên. Nếu Tào Tháo muốn dùng Hứa Du lâu ngày thì chỉ nên gọi y và trách riêng vài câu là đủ.

Tào Tháo đã tìm được cách tổng khứ Hứa Du một cách triệt để và vĩnh viễn mà không sợ bị ai cười là độ lượng hẹp hòi. Xử sự như thế là khéo lắm. Đứa nào ngu thì chết trong hội đấu trí thua tài này!

Mưu sĩ có quyền hiểm ác mà không có quyền ngu. Ngu chết ráng chịu!

Dương Tu thọ hơn Hứa Du nhưng cũng không khôn hơn Hứa Du bao nhiêu.

Nguyên là Tào Tháo rất sợ bị người ta ám sát, nhất là thích khách lại lựa lúc mình đương ngủ mà ra tay. Tào A Man liền giở cái tài man trá mọi người ra, nói cho mọi người biết mình có bệnh tâm thần, giết người trong khi mơ ngủ. Như vậy là nhấn bảo cho mọi người biết, thấy y ngủ đừng có đến gần. Lỡ ra y đương mơ mà y lại giết người thiệt thì sao?

Một ngày nào đó. Tháo lim dim ngủ trưa, y đập cái mền rơi xuống đất. Một tên lính hầu cận rón rén bước đến bên giường, lượm cái mền lên với hảo ý đắp cho thừa tướng. Bất ngờ Tháo vùng dậy, rút gươm chém chết tên lính rồi lại giả bộ ngủ ngon. Lúc tỉnh dậy, tả hữu thuật lại câu chuyện, Tháo giả bộ thương khóc, sai đem tên lính mai táng, cấp tiền tuất cho vợ con kẻ tử nạn. Nhiều người tin là Tào Tháo có bệnh giết người trong giấc ngủ mơ.

Dương Tu nghe chuyện, cười bảo mọi người:

- Không phải thừa tướng ngủ mơ đâu. Các anh ngủ mơ thì có!

Tào Tháo nghe thuật lại lời Dương Tu, ghét cay ghét đắng... Nhưng mà lấy cớ gì để bịt miệng Dương Tu.

Không cho nói nửa lời? Đành phải ghi nhớ sự việc và chờ cơ hội. Giết người phải có danh nghĩa chính đáng mới được chứ! Giết bậy thì những danh sĩ trong thiên hạ sẽ ai còn tìm đến với mình?

Năm Kiến An thứ 23 (Dương lịch 2/9) Lưu Bị tự tiến phong làm Hán Trung Vương. Tào Tháo nhân danh là Thừa tướng nhà Hán, đem binh đi vãn tội. Lưu Bị sai Mã Siêu giữ đường Tà Cốc, không cho quân Tào tiến lên. Đôi bên giằng co nhau ở quan ải hiểm trở này.

Một buổi chiều, nhà bếp dâng lên cho Tào Tháo một bát cháo gà, có cả đùi và đôi giò luộc, Tháo đang ăn bỗng có viên quan võ vào xin mật khẩu canh gác ban đêm. Tháo buột miệng nói:

- Gân gà, gân gà!

Mật khẩu truyền ra, các trại quân cứ bố trí việc canh gác nghiêm ngặt như thường lệ.

Dương Tu nghe qua khẩu hiệu, bảo Hạ Hầu Đôn rằng:

- Ngụy Vương sắp rút quân về!

Hạ Hầu Đôn hỏi tại sao biết. Dương Tu lý giải rằng:

- Gân gà ăn thì vô vị, bỏ đi thì tiếc. Nay quân ta với quân Thục tương trì ở đây đã lâu, tiến lên không được, lui binh thì sợ người ta chê cười, chi bằng lui về cho tiện việc.

Hạ Hầu Đôn nghe nói, cho phép quân sĩ chuẩn bị hành lý kéo khi lâm sự thì lại lật đật, vội vàng.

Bất ngờ đêm ấy Tào Tháo đích thân đi tuần. Đến trại Hạ Hầu Đôn thấy quân sĩ lo xếp gọn đồ đạc. Tháo cho gọi Hạ Hầu Đôn đến hỏi căn do. Hạ Hầu Đôn khai là nghe Dương Tu luận đoán chuyện “gân gà” nên chuẩn bị trước cho khỏe. Tháo nổi giận đòi Dương Tu đến mắng rằng:

- Mày ước đoán bậy bạ, làm rối loạn quân tâm. Tội đáng chém!

Rồi truyền lệnh cho võ sĩ lôi Dương Tu ra chém thật!

Thế là chỉ muốn tỏ ra mình là người cao kiến, đoán trước đúng sự việc mà Dương Tu bỏ mạng như không! Tào Tháo giết Dương Tu là vì cái lý phải giữ nghiêm quân phong, quân kỷ. Ai làm cho quân tâm rối loạn thì xử theo quân luật, tội chết không tha!

Dương Tu cũng như Hứa Du, cả hai người đều tự gây tử nạn cho mình. Mưu trí thông minh mà lại cái nghĩa “Tu thân vi đại” tự giữ được mình là việc lớn của đời người. Bỏ phí sự thông minh, bỏ phí tài năng, đáng tiếc lắm!

CÁI NGU CỦA VIÊN THIỆU

Viên Thiệu là dòng dõi thế gia, tứ thế Tam Công, tổ tiên 4 đời làm đến Thái sư, Thái Phó, Thái Bảo, môn khách rải rác trong thiên hạ, nơi nào cũng có. Khởi đầu việc tranh bá đồ vương đã có 4 châu Thanh, Tinh, U, Ký ở Bắc ngạn sông Hoàng Hà.

Mưu sĩ có Điền Phong, Thư Thụ là những người trung nghĩa. Chiến tướng có Hầu Lãm, Trương Cáp là những dũng sĩ, võ nghệ cao cường.

Văn sĩ có Trần Lãm là người hành văn mau chóng, lời lẽ hùng hồn, hoa mỹ.

Nhân, tài, vật lực của 4 châu phong phú, hơn hẳn lực lượng Tào Tháo chỉ có được một phần cõi Trung nguyên

Thấy rõ cái lợi thế của Hà Bắc, Điền Phong hiến kế nuôi dân, luyện lính ba năm. Lúc bấy giờ, ưu thế của Hà Bắc sẽ trở thành vô địch. Viên Thiệu bác đi, không thèm nghe.

Khi Viên Thiệu cất quân ra tranh hùng với Tào Tháo ở Quan Độ, Điền Phong lại can rằng:

- Nay nên giữ vững để đợi thời, không nên khinh thường cử đại binh đi, e có việc bất lợi.

Viên Thiệu lại không nghe, sai đem giam Điền

Phong vào ngục, đợi khi đánh thắng Tào Tháo xong, trở về sẽ trị tội!

Rồi kéo quân đi, cờ xí rợp trời, giáo gươm sáng loáng. Thực là khí tượng của bậc vương giả đi đánh kẻ có tội. Đến Dương Võ, Thư Thụ hiến kế rằng:

- Quân ta tuy nhiều nhưng không tinh nhuệ, dũng cảm bằng quân Tào. Quân Tào tuy tinh nhuệ, dũng cảm nhưng lương thảo không bằng quân ta. Bọn nó ít lương, lợi ở việc tốc chiến. Quân ta nhiều lương, lợi ở việc giữ vững lâu ngày. Nếu kéo dài ngày tháng, quân ta chắc thắng, quân nó chắc thua.

Viên Thiệu muốn tốc chiến, tốc thắng. Thư Thụ lại bày mưu trì hoãn chiến, chờ đợi lâu ngày. Như vậy là đôi bên ý kiến trái nghịch nhau, Viên Thiệu liền sai đem giam Thư Thụ vào ngục.

Lúc Tào Tháo sắp đi đốt lương của Viên Thiệu ở Ô Sào. Thư Thụ ở trong ngục lại hiến kế nên sai người phòng giữ cho cẩn thận, đề phòng quân Tào phục kích bằng những trận hỏa công. Viên Thiệu lại nổi giận, sai chém người coi ngục vì cái tội không giam giữ Thư Thụ cho nghiêm cẩn.

Trung như cái kiếu Thư Thụ là ngu trung.

Khi Viên Thiệu thua trận ở Quan Độ, chạy về Ký Châu lại sai người đi bức tử Điền Phong vì Viên Thiệu mắc cỡ, không muốn thấy mặt Điền Phong nữa. Còn

Thư Thụ chạy theo Viên Thiệu không kịp, bị quân Tào bắt sống, Tào Tháo rộng lượng tha chết cho. Thư Thụ trộm ngựa, muốn trở về Hà Bắc. Bất đắc dĩ, Tào Tháo phải giết đi.

Người đời sau bình luận những hành vi ngu muội của Viên Thiệu, có lời phán đoán rằng:

*Tạc Tiêu Thụ thụ quân trung tử
Kim nhật Diên Phong ngục nội vong.
Hà Bắc đồng lương bằng chiết tận
Bản sơ an bất táng gia bang?*

Dịch:

Đêm kia Thư Thụ chết rồi
Sáng nay kết liễu cuộc đời Diên Phong
Cột rường Hà Bắc tiêu vong
Cơ đồ Viên Thiệu khó mong an toàn.

Viên Thiệu có đất 4 châu, lại có con đã trưởng thành, thế mà không biết sắp đặt việc nhà. Năm 202, Viên Thiệu đau nặng, thổ huyết mà chết. Viên Thượng là thứ nam vì ở gần cha, nên tự lập ở Ký Châu, chiếm mất phần của trưởng nam là Viên Đàm.

Quân Tào đến đánh Ký Châu, Viên Thượng thua luôn, rút vào thành cố thủ. Mưu trí của Tào Tháo là Quách Gia hiến kế rằng:

- Viên Thiệu bỏ con trưởng lập con thứ. Máy anh

em nhà họ Viên hiện đương tranh giành nhau, kéo bè, kéo cánh, ta đánh gấp thì chúng cứu nhau, ta trì hoãn thì chúng tranh nhau.

Chi bằng rút quân về Kinh Châu, đánh Cừ Biển. Đợi khi nào anh em họ Viên có biến, ta quay lại thì chỉ đánh một trận là xong ngay.

Tào Tháo nghe theo kế Quách Gia, sai Tào Hồng giữ Quan Độ còn đích thân đem đại quân sang đánh Kinh Châu.

Từ việc nước đến việc nhà, Viên Thiệu đều làm hỏng cả. Thiệu là người hiếu mưu vô đoán, nghe nhiều sách lược mà không cương quyết thực hiện một sách lược nào. Người đời sau phê bình Viên Thiệu rằng:

Dương chất, hổ bì, công bất tộ

Phượng mao, kê đảm, sự nau thành.

Bên trong là tính chất dê, bề ngoài là da cọp, công việc không thành tựu được gì. Lông phượng, gan gà, làm việc khó thành công lắm.

Không ai khởi nghiệp tranh hùng khoảng đầu đời Kiến An nhiều vốn bằng Viên Thiệu, thế mà Viên Thiệu làm mất tất cả, lại còn di cái họa tranh chấp cho các con.

Chỉ cái vỏ hào nhoáng ở bên ngoài, không có thực tài, thực trí ở bên trong thì binh mạnh hóa thành binh yếu, đất nhiều hóa làm đất ít, lòng dân ly tán thì cái ảo

vọng tranh bá đồ vương phải tiêu tan như sương sớm dưới dương vãng.

Còn lại được gì?

Còn lại lời đàm tiếu của người đương thời và người đời sau.

THI LÝ LỊCH: CHUYỆN LẠ!

Năm 1527. Mạc Đăng Dung chấm dứt cơ nghiệp nhà Lê, sáng lập ra nhà Mạc.

Nhưng từ năm 1533, Nguyễn Kim đã lập Lê Duy Ninh làm vua ở Sầm Châu, ở nhờ đất Thượng Lão rồi dần dần xuống Thanh Hóa, Nghệ An, diễn tiến cuộc diện Lê Nam Mạc Bắc. Từ Ninh Bình ra Bắc là phần đất nhà Mạc, từ Thanh Hóa vào Nam là đất nhà Lê.

Hai bên đều mở những khoa thi, kén chọn những kẻ sĩ tài năng ra giúp vua, giúp nước.

Nguyễn Bỉnh Khiêm, học trò của bảng nhãn Lương Đắc Bằng, thi đỗ Trạng nguyên, làm quan với nhà Mạc, dâng sớ xin chém 18 người gian thần. Vua nhà Mạc không nghe lời, ông cáo quan, trở về Hải Dương, mở trường dạy học.

Trong số học trò này có Lương Hữu Khánh là con

trai của Lương Đắc Bằng. Vốn có ông cha làm quan thanh liêm nên Lương Hữu Khánh nghèo lắm, phải đi làm thuê, làm mướn kiếm ăn. Thường kiếm không đủ ăn vì Hữu Khánh ăn to lắm. Nguyễn Bình Khiêm thấy con thầy học cũ nghèo đói, thường giúp cho tiền gạo ăn học.

Nhà Mạc mở khoa thi, Lương Hữu Khánh ứng thí vì muốn lập một chút công danh để có lương bổng giúp đỡ gia đình. Văn bài của Hữu Khánh kỳ nào cũng đứng nhất, thuộc loại tối ưu, nhưng đến khi hồi phách các quan giám khảo thấy ông là người gốc ở Thanh Hóa nên truất hạng, đưa xuống bậc thứ hai, cất nhắc Kế Khê là người đỗ bậc nhì lên bậc nhất! Hữu Khánh thấy các quan giám khảo chấm thi theo kiểu tra xét lý lịch, bỏ về không thềm vào thi Đình.

Kế Khê ra làm quan với nhà Mạc. Vua nhà Mạc nghe tiếng Hữu Khánh là người kỳ tài, sai Kế Khê tìm cách chiêu dụ ông về với nhà Mạc. Kế Khê rước Hữu Khánh về nhà nuôi, cung cấp cơm nước đầy đủ, tử tế. Từ khi bị xử ức trong khoa thi, Hữu Khánh nuôi chí hướng vào An Trường phục vụ nhà Lê. Kế Khê không làm cho Hữu Khánh thay đổi chí hướng được, nên tìm cách khéo léo đuổi đi. Kế Khê bảo Hữu Khánh rằng:

- Vua bảo phải làm một bài phú, nhưng tôi bận việc quan nhiều quá, anh làm giúp tôi đi.

Rồi trao đầu đề cho Hữu Khánh. Hữu Khánh xem đầu đề “Tân quan văn Kê” nghe tiếng gà gáy ở cửa ải

nước Tần, biết là Kế Khê đuổi khách đi, sắp đặt công việc lên đường gấp. Ông làm xong bài phú, để lại cho Kế Khê rồi tìm đường vào An Trường, nói có hành điện vua Lê.

Hữu Khánh có nhiều tài, làm quan văn, quan võ, đều lập được nhiều thành tích tốt đẹp.

Thế là vì cái óc kỳ thị nhỏ nhen, chật hẹp của mấy ông giám khảo mà nhà Mạc mất đi một nhân tài. Nhân tài ấy vốn ở bên mình, mình đuổi họ sang phe địch, xử sự như thế là thất sách quá chừng. Chấm thi mà dựa vào lý lịch thì còn gì là công minh nữa! Lý lịch đâu phải là tài năng hữu dụng? Thi cử như thế, thôi thà đừng mở khoa thi, đừng nói chuyện cần nhân tài giúp việc nước.

CÁI NGU CỦA NGÔ TAM QUẾ

Cuối đời nhà Minh, thiên hạ loạn lạc. Bên trong là bọn lưu khấu tung hoành, bên ngoài là người Hậu Kim hưng khởi, bắt đầu xâm lấn Trung Quốc. Ngô Tam Quế vâng mạng vua nhà Minh, cầm đại binh trấn giữ Sơn Hải Quan, ngăn ngừa quân Hậu Kim xâm lấn lãnh thổ.

Lưu Khấu Lý Tự Thành đề xướng ra khẩu hiệu “Nghinh Sáu Vương, bắt nạp lương”, dân nghèo đói hưởng ứng đông lắm. Đồn rước Sáu Vương (tức hiệu của

Lý Tự Thành) thì khỏi nạp thuế, nạp lương tiền. Lý Tự Thành chiếm được Bắc Ninh, vua Tư Tông nhà Minh tự sát. Chuyện này tuy quan trọng nhưng có chuyện còn quan trọng hơn. Sáu Vương chiếm được nàng Viên Viên, ái thiếp của Ngô Tam Quế. Làm sao để giành lại người đẹp vô song này? Ngô Tam Quế liền hàng vua Thuận Trị nhà Thanh, rước quân Thanh vào cõi.

Để cho có danh nghĩa đánh Lý Tự Thành, Ngô Tam Quế truyền cho dân mình mặc đồ trắng để tang vua Tư Tông.

Đồng khốc lục quân giai cỏ tổ.

Xung quan nhất nộ vị hồng nhan

Dịch:

Sáu quân đều mặc đồ tang

Tướng quân nổi giận vì nàng Viên Viên.

Rồi Ngô Tam Quế chiến thắng, giành lại được người đẹp, còn nhà Đại Thanh thì thống trị toàn thể Trung Quốc, phong Ngô Tam Quế làm Bình Tây Vương, trấn giữ Nam Vân.

Trước khi thua chạy, Sáu Vương Lý Tự Thành đã làm cỏ cả gia đình Ngô Tam Quế. Bài “Viên Viên khúc” ghi rằng:

Thê tử khởi ứng quan đại kế

Anh hùng vô nại thị đa tình

Toàn gia bạch cốt thành khôi thổ

Nhất đại lương trang chiếu hãn Thanh!

Dịch:

Vợ con chuyện nhỏ tầm thường
Anh hùng quen thói vẩn vương lưới tình
Phối xường toàn thể gia đình
Sử xanh chói rạng một mình giai nhân!

Mãi đến 1645, Ngô Tam Quế mới đánh bình lưu khấu Lý Tự Thành được.

Rồi Ngô Tam Quế lại giúp nhà Thanh các vua Long Vũ, Vĩnh Lịch nhà Nam Minh.

Nhà Thanh phong vương cho 3 người có công lớn trấn giữ miền Hoa Nam,

- Ngô Tam Quế làm Bình Tây Vương ở Vân Nam.

- Cảnh Tinh Trung làm Trĩnh Nam Vương ở Phúc Kiến.

- Thượng Khả Hỷ làm Bình Nam Vương ở Quảng Tây.

Sử gọi là Tam phiên. Năm 1674, khởi đầu loạn Tam Phiên lần lượt 3 vị vương đều nổi dậy, chống nhà Thanh.

Năm 1678 Ngô Tam Quế xưng là Chu Đế rồi qua đời, cháu là Thế Phiên nối nghiệp.

Lúc Tam Phiên nổi dậy, anh hào nghĩa sĩ Hán tộc tưởng là thời cơ hưng Hán bài Mãn đã đến, nên hưởng ứng rầm rộ. Cơ nghiệp Mãn Thanh có vẻ lâm nguy. Ngô Tam Quế đòi chia nước, nghị hòa. Vua Khang Hy không

chịu, cứ tiến hành việc đánh dẹp và chiêu hàng. Thượng Chí Tín, con của Thượng Khả Hỷ về hàng nhà Thanh.

Đáng lẽ tìm con cháu nhà Minh mà phù lập thì dễ làm cho lòng dân Hán xúc động biết mấy, nhưng Ngô Tam Quế tham lam, chỉ muốn xây dựng nghiệp đế riêng cho mình. Dân chúng thất vọng, dân tâm ly tán.

Đáng tức cười là con cháu nhà Mạc ở cao Bằng, Việt Nam. Mạc Kính Vũ (Kính Hoàn) về bè với Ngô Tam Quế, hy vọng làm cho nhà Mạc phục hưng. Chúa Trịnh Tạc sai các tướng đánh đuổi Mạc Kính Vũ chạy sang Tàu. Quân nhà Thanh vây bắt được Kính Vũ ở Long Châu, áp giải trả về cho An Nam xử trí. Thế là nhà Mạc hoàn toàn diệt vong.

Trong việc đánh dẹp Tam Phiên, vua Khang Hy nhờ công sức của Verbiest cũng nhiều. Verbiest đúc súng đạn, gửi về các chiến thuật tác xạ.

Năm 1681, cháu nội Ngô Tam Quế là Ngô Thế Phiên thua trận, chết. Nhà Thanh bình định nội địa Trung Hoa. Lại bình định luôn Đài Loan nữa.

Nhà Thanh làm chủ Trung Quốc, có ngọc tử là của báu truyền từ đời Tần. Chính vì được ngọc tử nên Hậu Kim mới đổi tên là Đại Thanh. Nhiều người coi triều đại Mãn Thanh là chính thống cũng vì cái ngọc tử ấy.

Dẫu không có ngọc tử, nhà Minh cũng truyền được 17 đời. Còn việc xưng đế của Ngô Tam Quế chỉ được có 3 năm.

Cái ngu lớn nhất của Ngô Tam Quế là muốn mưu

đồ việc lớn mà không biết dựa vào chính nghĩa dân tộc. Đó là một nguồn sức mạnh vô biên.

Ý thức dân tộc của Ngô Tam Quế rất lu mờ từ khi còn làm tướng cho nhà Minh trấn giữ Sơn Hải Quan đến khi làm tướng cho nhà Thanh trấn giữ Vân Nam. Ngô Tam Quế đã làm cho những nghĩa sĩ của Hán tộc thất vọng. Thiếu sự hậu thuẫn của chính nghĩa dân tộc mà mưu đồ việc lớn thành công được sao?

*

* *

Một chút bói toán về tộ vận nhà Minh.

Vào thuở Mãn Thanh xâm lược, một vị quan nhà Minh đi bói chiết tự về vận nước tồn vong.

Quan viết chữ hữu thầy bói Thất Khư nói:

- Nhà đại Minh đã mất đến một nửa rồi.

Vị quan liền cải chính rằng:

- Ấy, lộn! Tôi định viết chữ dậu này mà!

(chữ dậu người Tàu vẫn đọc là hữu)

Thầy bói càng kinh sợ, nói:

- Chí nguy! Chí nguy! Đấng chí tôn đã cụt đầu và cụt đuôi rồi!

Vị quan lại nói:

- Ấy, lộn nữa. Tôi định viết chữ hữu này!

Thầy bói vẫn kinh sợ, la lên:

- Thôi, nguy quá, nguy quá! Bọn phản tặc đã ló

đầu rồi.

Điều xấu vẫn xấu, không có cách gì sửa được, 3 lần đổi chữ là 3 lần bất tường. Số trời đã định thế!

Có người cho rằng viên quan đi bói là thuộc cấp thân tín với Ngô Tam Quế. Đi bói để biết đường hành động cho thuận hợp ý trời.

Quẻ bói linh ứng hay là ông thầy bói khéo biện luận, khéo đoán mò!?

TỘI PHÁ HỦY CỔ TÍCH DIỆT TRỪ VĂN HÓA

Trong cuộc chiến đấu kéo dài 30 năm, nhà Cự Nguyễn (Nguyễn Gia Miêu) thắng nhà Tân Nguyễn (Nguyễn Tây Sơn).

Vua Gia Long đốt hết sách vở phiên dịch của Sùng Chính Viện nhà Tây Sơn. Công phu dịch thuật của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp tàn theo tro bụi.

Những công trình kiến thiết, kiến trúc của nhà Tây Sơn ở Tông Thành (thành Qui Nhơn) đều bị đốt phá theo như kiểu Hạng Vũ phóng hỏa ở Hàm Dương.

Vua Gia Long còn viện cớ lấy vật liệu gỗ đá kiến trúc để xây dựng thành trì mới, phá hủy những cổ tích

lịch sử.

Đại Nam Nhất Thống Chí ghi công tác xây dựng từ đời Long Thụy Thái Bình triều Lý. Năm Gia Long thứ 3 phá tháp lấy gạch đá xây thành trấn Hải Dương.

Đại Nam Nhất Thống Chí ghi công tác xây dựng của nhà Nguyễn Gia Miêu là như thế đó. Người hậu thế là chúng ta đây sửng sốt kinh ngạc sao lại có một hành vi phá hoại ngu xuẩn đến như thế. Thiệt là ngoài sức tưởng tượng.

Đàn Nam Giao đời nhà Lý ở địa phận huyện Thọ Xương, nhà Lê đời Quang Thuận sửa lại, chính điện 3 gian, hai bên Đông vu mỗi bên đều 7 gian, có các tòa điện Canh y bên trong bên ngoài xây tường bao quanh 3 gian nghi môn. Đời Quang Hưng dựng thêm điện chiêu sự. Qui chế thì 4 góc có cột đá, cột rường xà đều chạm long phượng, sơn son, thếp vàng. Hồ Sỹ Dương soạn bài ký.

Bản triều, đầu đời Gia Long dỡ lấy gạch đá để xây thành, chỉ còn đền chính ở phường Thịnh An. Năm Tự Đức thứ 11, đền bị hỏa tai.

Vậy mà vua Gia Long phá hủy đền Nam Giao của nhà Lý, nhà Lê. Vua Tự Đức thì bỏ mặc đền cho hỏa tai hoành hành, không có chút trách nhiệm bảo tồn lịch sử gì cả!

Thiệt là hai vị minh quân?!

Chúng ta liên tưởng đến lũ lính lê dương dưới quyền thực dân Pháp trong chiến cuộc 1945 – 1954 phá

tan tháp cổ Chiêm Thành ở phía Bắc thị xã Phan Rang để lấy gạch đá xây lô cốt. Vùng này có 3 tháp thực dân phá mất 1, còn lại 2 tháp trơ gan cùng tuế nguyệt! Miền này xưa có tên là đồng ba Tháp vì có tháp cổ Chiêm Thành.

Chúng ta ghi chép những hành vi phá hoại của vua Gia Long và của lũ lê dương thực dân mà lòng buồn rười rượi. Không biết những nhà sử học, khảo cổ học của UNESCO sẽ buồn đến bậc nào?

Nhà Tây Sơn có thâm thù với nhà Nguyễn Gia Miêu, vua Gia Long đốt sách vở, phá đền miếu của nhà Tây Sơn thì coi như là một hành động trả thù. Nhưng sao vua Gia Long lại phá hủy luôn đền miếu của nhà Lý, nhà Lê? Dẫu có ai hùng biện cách mấy cũng không bào chữa được cách xử sự ngu xuẩn và vô học này cả...!

SÁCH LƯỢC HUNG QUỐC CỦA NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

Nguyễn Trường Tộ là người làng Bùi Chu, tổng Hải Đông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Là một giáo dân có nhiệt tâm với tiền đồ quốc gia nên đã dâng lên triều đình Huế nhiều bản điều trần nói về các việc tu chỉnh võ bị, phát triển kinh tế, cách tân văn hóa, đào

luyện nhân tài.

Sau khi vua Tự Đức bỏ mất 6 tỉnh Nam kỳ, ông dâng bản điều trần tu chính võ bị.

Trách nhiệm mất nước là ở bọn hủ nho chỉ lấy một bài thơ, một lời nói mà tưởng có thể làm cho quân giặc phải rút lui. Khi lâm sự không có vũ khí trấn áp thì tất cả quốc gia, quan quyền, dân thứ, luật lệ, pháp độ đều rơi vào tay giặc, lúc đó các quan văn còn lấy đâu ra nước để mà cai trị nữa?

Việc cấp tốc là phải mua tàu máy hơi, trang bị súng lớn bắn đạn mẩu tử (đạn trái phá, trong đạn mẹ có đạn con) thuê người Anh, người Pháp coi máy móc, huấn luyện cho quân ta tập bắn. Dùng đại pháo bắn vào đồn giặc rồi dùng kỵ binh truy kích.

Vựa lúa Nam Kỳ đã mất rồi thì Triều đình phải nghĩ đến kho lúa gạo ở Bình Nguyên đất Bắc. Để cho việc tiếp tế Kinh đô khỏi bị gián đoạn, xin đào một con kênh lớn từ Hải Dương vào đến Thuận Hóa để thông đường vận lương, tránh cái nạn bị giặc uy hiếp ở hải đạo.

Các thành lũy nên sửa sang lối kiến trúc cho hợp với binh pháp đời nay.

Lúc du học ở Âu châu, Nguyễn Trường Tộ đã lưu tâm nghiên cứu kỹ càng về binh học và kiến trúc học nên tự nguyện đứng ra trông coi việc ấy cho triều đình. Như triều đình lo ngại thiếu tiền thì ông xin sang Hương Cảng vay đỡ 8, 9 triệu để mua tàu, mua súng.

Triều đình Huế không chịu dùng ông, sai Lê Huy

đi Hạ Châu (Tân Gia Ba) mua tàu. Lê Huy không biết tàu xấu tốt thế nào phải nhờ Pháp soái chiếu cố!

Trong bản “Tế cấp bát điều”, ông viết:

Thuở nhỏ, học văn tự thờ phú, lớn lên lại làm những việc thuộc về luật, lịch, binh, hình. Thuở nhỏ học những tỉnh Sơn Đông, phương Tây mắt chưa hề thấy, lớn lên làm việc ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ là nơi thường lui tới. Thuở nhỏ học thiên văn, địa lý, chính trị nước Tàu (hiện nay đã đổi mới khác cả rồi), lớn lên làm việc thiên văn, địa lý, chính trị, phong tục nước Nam, mỗi nơi mỗi khác. Thuở nhỏ học về lễ nhạc, cư xử, chiến tranh trong thời quá khứ nước Tàu, đến lúc lớn lại làm những việc lễ nhạc, yến tiệc, cư xử, chiến tranh của nước Nam hiện đại.

Học và hành như vậy thì làm sao có nhân tài? Các nhà nho thường cứ chê đạo trị của nước Hán, Đường là chưa được thuần mà không chịu xét đến cái đạo trị nước của mình hiện nay ra làm sao?

Cứu nước cần phải có nhân tài, cho nên nhất thiết phải sửa đổi việc giáo dục để đào luyện nhân tài mới thích ứng với thời đại. Triều đình gấp ở việc tự cường, mở rộng đường dư luận để thu thập tài dư, đức sót, thế mà ngoài khoa cử ứng chế thì không thấy có khoa nào khác. Điều đó đủ chứng minh rằng nền giáo dục của ta chưa đào luyện được nhân tài để phục vụ nước nhà cho đắc lực.

Trong bản “học tập dự trữ nhân tài”, ông viết:

Nhân nghĩa đạo đức là bản chất của con người tuy

dân Mường Mọi cũng không bỏ nó mà giữ được nước, bọn trộm cướp cũng không bỏ nó mà bắt đồng bọn phải khuất phục theo mình. Nhưng những kẻ hay nói nhân nghĩa hề gặp điều lợi là tối mắt lại, đó là vì không có tài nghệ gì để tự nuôi dưỡng, cho nên mới thấy lợi mà quên nghĩa, dục thắng lý vong

Người xưa nói:

Kho lẫm có đầy đủ thì sau mới biết được lễ tiết. Ăn mặc có đầy đủ thì sau mới biết phân biệt điều vinh, điều nhục. Còn như bị sự nghèo đói theo đuổi, lo cứu mạng sống mình chưa xong, còn thì giờ, sức lực đâu mà lo điều nhân nghĩa?

Chính vì vậy mà Mạnh Tử hề nói đến điều nhân thì phải dựa vào sản nghiệp hằng có, Khổng Tử nói điều tín thì trước phải nói đến chuyện đủ ăn. Cứ xem ý nghĩa sâu xa của thánh hiền thì điều phú phải có trước sự giáo dục, tài nghệ làm thành điều phú cho nên kẻ nào chăm lo trau dồi tài nghệ là kẻ ấy hiểu rõ cái lý người và vật mà nuôi được cái gốc đạo đức. Cho nên việc thành ý, chính tâm, tu thân tề gia phải ở sau việc cách vật trí tri. Cách vật trí tri do ở học tập mà có.

Người xưa nói:

Có một vật gì mình chưa biết, nhà nho lấy điều đó làm hổ thẹn.

Không hề nghe nói một chữ không biết bao giờ! Đó là vì người xưa coi trời đất, nhân nghĩa đều là vật hết. Phép cầu đạo của người xưa, gần thì ở bản thân, xa

thì ở vật cho nên kẻ nào học về thân, vật, tài nghệ thì đều biết lẽ ấy để làm cho đạo sáng tỏ.

Căn bản đạo đức của con người phải có gốc từ thuở nhỏ, cho nên người xưa dạy bọn sơ học bằng 6 nghệ (lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số) đến khi đã hiểu biết dựa vào đạo đức nhân nghĩa thì lại “du ư nghệ”. Coi việc thì điểm khởi đầu là nghệ mà điểm chung kết cũng là nghệ vậy.

Thời xưa gọi là bậc đại thánh, những người mở vật thành việc. Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế bắt đầu chế ra đồ dùng, đến Nghiêu Thuấn thì nói công nghiệp. Đại Vũ trị nước lụt chế ra các đồ cống hiến. Vua Thang, vua Vũ đánh dẹp, mở mang. Chu Công góp hết các kỹ thuật chế tác. Thái Công đặt ra 9 phủ để dùng điều lợi, thời đó đâu có nghe chuyện người nổi danh vì văn chương?

Từ Tam Đại trở về sau, bậc làm vua như Ngũ Bá cho đến các vị khai cơ sáng nghiệp ra các triều Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, chưa từng thấy có người nào nổi danh về văn học, những bậc làm tướng văn, tướng võ như quân trọng giỏi về nội chính tiêu chuẩn giỏi việc binh, Tô Tần, Trương Nghi bày ra các mưu lược tung hoành, Tào Tham, Tiêu Hà đều ít dùng văn cho đến Trương Lương, Đặng Vũ, Khổng Minh, Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối cũng chưa từng nổi danh vì chương cú chút nào cả.

Thời Chu có rợ Nghiêm Doãn, đời Hán có rợ Hung Nô, đời Đường có rợ Đột Quyết, các thứ Di Địch, Tây Nhung thuở ấy đều cường thịnh hơn Trung Quốc nhưng không thể dọc ngang, cắt xé, chiếm cứ Trung Quốc lâu

ngày được là vì Trung Quốc có nhiều người tài giỏi có nghề khéo lạ hết sức vì Trung Quốc giữ gìn. Nay xem các sách luật, lệnh, phương thuốc, các món đồ dùng đã ghi thành sách của họ đều là từ đời Ngũ Đế về sau, từ đời Đường trở về trước truyền lại, đủ thấy trình độ chuyên môn thuở ấy như thế nào.

Về sau, các đời Tống, Minh chuyên về văn học, suy yếu không gượng lên nổi để cho các triều Nguyên, Thanh vào chiếm Trung Hoa, tuy nói là do vận số xui nên, nhưng thực cũng có ít người tài nghệ che chở mà ra nông nổi.

Chuyện Tây phương cũng vậy. Đường thời Hán – Đường, La Mã lập một triều đại thống nhất, võ công chấn động bốn biển, uy thế trùm khắp bốn phương, đó là nhờ có nhiều kẻ tài lạ sáng chế, tạo tác mà dựng thành nghiệp lớn. Lưu truyền đến nay, từ trung điệp trở về sau, những kẻ giữ cơ nghiệp đã thành vui chơi yến tiệc, kẻ làm quan thì dùng văn chương làm mức thang, các bậc quân tử đua nhau sáng tác những văn từ tuyệt diệu, tự cho là cao lạ hơn đời, thực học bị phế bỏ, đến nỗi các rợ Hồ ở Tây – Bắc giày xéo, xé nát làm nhiều nước. Đến nay, người phương Tây coi đó làm gương, cẩn thận như người húp canh. Cho nên việc chọn lựa kẻ sĩ không dám căn cứ vào một khoa văn chương độc nhất nào.

Trừ Trung Hoa, Nhật Bản, Cao Ly và nước ta, các nước khác không có nước nào dùng văn chương để chọn người có tài, sự thực làm thơ không thể đuổi giặc, nói ngàn lời mà không có sách lược gì. Cho nên họ đã biến

ra cái học tạo hóa làm việc.

Tạo hóa là thầy của loài người, làm việc gì cũng có thực dụng như thời tiết đến thì vật sinh ra, khí bay lên, nước chảy xuống, trên trời có nhật nguyệt, các vì sao; trong không trung có gió mây, mưa móc, trên mặt đất có các loài bay, loài lặn, các thứ cây để giúp cho ta hoạt động, kinh doanh. Phàm những điều mắt ta trông thấy đều là vật có thực, ta không chịu học theo tạo hóa, không coi các hiện tượng là điều chỉ dạy đúng lý. Không học cái quyền lực xảo diệu, không biết dùng các vật báu chưa ở núi biển, ta lại bỏ hết cơ nghiệp vĩnh viễn của tạo hóa, ta chỉ biết theo đuổi những lời nói trống rỗng, những văn từ vô dụng, không biết tác thành những vật mà tạo hóa di lưu, không dùng những của quý mà tạo tác để đến khi gặp thời thế thúc bách thì ngửa mặt lên trời mà than rằng “Sao mà trời đất dành cho ta khốn quẫn đến thế này?” Như vậy há chẳng nhục cho tạo hóa lắm sao!

Cho nên việc học tập tài nghệ là bắt chước theo nghi thức, độ số của tạo vật như người xưa thấy bèo trôi mà làm ra xe, thấy nét cong của vầng trăng mà chế ra cung, thấy hình tượng các vật mà chế ra chữ, theo khuôn phép gió mà chế ra nhạc, thấy hình sao mà chế ra đồ dùng, phạm vi của các việc chịu khó mà thành công đều thuộc các loại như thế. Các đồ dùng kỳ lạ của người phương Tây ngày nay không có gì là không nhân cái sức có sẵn của tạo hóa mà làm ra. Cho nên nói rằng “máy móc thần diệu với một khúc cây làm ruộng của người dã man cũng như nhau”. Cái khác là vì người không biết

suy xét vậy.

Học tập những điều tạo hóa chỉ dạy hiểu được hình thức của tạo hóa, làm điều gì cũng là nhân cái mà tạo hóa đã bày ra, hưởng được cái gì cũng là do tạo hóa để lại, cho nên nói người giúp vào việc trời mà nên công.

Phàm việc trong thiên hạ xưa nay không có việc gì không nghĩ ngợi mà có được, không học mà giỏi được, tuy là bậc thánh còn phải học hoài, huống chi là người thường. Học điều thực dụng thì có điều thực dụng, học điều đáng xé bỏ thì có được điều đáng xé bỏ. Trồng đậu thì được đậu, đó là cái lý đương nhiên, ai làm trái cái luật này được? Cho nên người nước ta lấy cái học trường ốc khoa bảng làm vinh, điều sở đắc chỉ là nhai văn nhá chữ, làm sao dùng được cái khéo của trời đất? Người Tây cũng chỉ là người, họ vượt luật trời được sao?

Chẳng qua họ lấy sự thật của tạo hóa mà học, cho nên có thể góp công với tạo hóa, làm thành cái khéo của trời đất để giúp vào những điểm tạo hóa còn bất cập. Nước ta há chẳng là con dân của tạo hóa sao? Sao mà ta kém hèn vậy?

Những điều tôi bầm lên, không phải là vất bỏ cái cũ, dặt dẵn cái mới về, mà chỉ muốn nắm cho vững những cái tốt có sẵn của ta, kiêm dùng lớn cái khéo mới, tốt của thiên hạ. Cái khéo cũ, tốt của chúng ta thiên hạ lại không có. Ta lấy hai cái trí chọi lại một cái trí, thiên hạ ai dám lấn hiếp ta?

Nay tôi thỉnh cầu triều đình ra một số đề mục giao

cho các quan địa phương rao hỏi khắp nơi, không câu nệ lương dân, giáo dân, ai hiểu được thực lý, thực dụng của các đề mục ấy, viết ra lời mà nạp lên. Mỗi tháng góp hết các quyển đệ nạp về kinh một lần để chờ khảo duyệt.

Hễ quyển nào có ích cho việc dùng gấp ngày nay thì thưởng cho chút đỉnh để khuyến khích. Người làm quyển được theo những điều mình đã viết ra mà thực hành, như làm đúng với lời nói, đó là có ích cho việc nước, việc công, cứ theo khoa đã định mà cất nhắc lên dùng. Như có ích cho việc dùng của dân thì cấp bằng cho họ để được phép chế tạo mà bán. Nếu quan địa phương cố đim quyển của họ thì họ được quyền đến Kinh mà cáo tố.

Các đề mục xin liệt kê như sau:

+ Xin các trường quốc học, tỉnh học, tư học, các nhà học, những người thi hương, thi hội đều lấy thời văn (văn nghị luận thời thế) làm trọng, như luật, lệnh, binh, hình, công lễ, các việc chính trị, việc gì tệ hại, điều gì tốt đẹp, điểm nào nên theo cũ, điểm nào nên đổi mới, phân tích cho tinh vi, nói thực không giấu giếm, xác thực đúng thời nghi, như thế cho là trúng cách... cổ văn chỉ có địa vị thứ yếu.

+ Các khoa hải lợi. Kẻ nào đặt ra diêm chính mới, bày ra lưới, nôm, các dụng cụ đánh cá phương pháp giỏi hơn trước đều coi là trúng cách được thưởng.

+ Các khoa sơn lợi. Kẻ nào tìm ra khoáng sản mới như loại ngũ kim, cách tìm thế nào, chế luyện ra sao,

khai quật ra sao, kẻ nào có phương pháp hay để săn tê tượng, để tìm của quý, để lấy mà dùng cây gỗ, các khoa lâm lợi... ở gần địa phương mình. Kẻ nào vẽ được hình thế núi sông, chú giải cho rõ ràng... bề trên sẽ xét cái lợi to nhỏ mà thưởng.

+ Các khoa địa lợi. Nơi nào có đất bỏ hoang, không luận là đất núi rừng hay đất từ mặt biển bồi lên, cát sông dồn lại, ao hồ ẩm ướt đầm bển sinh lầy, ai bày được cách khai phá bồi đắp, đề phòng hậu hoạn, lại tùy theo thế đất mà trồng trọt các loại lúa đậu, cây dâu, cây đay tốt quá mức thường, cũng tùy theo lợi mà được ban thưởng.

+ Các khoa thủy lợi là món lợi lớn nhất. Đào cừ đắp đê, chứa nước phòng hạn, khai thông nước ứ, lấy nước từ nơi xa mà tưới ruộng hoặc tìm được mạch nước ở sâu để chờ khi đem dùng, phương pháp ra sao, nếu đem ứng dụng mà có thực nghiệm, lại có thể truyền dạy cho kẻ khác, nên ban thưởng trọng hậu để bù công lao. Như đất ở Tứ Xuyên (trung châu Bắc Kỳ) hay bị ngập lụt, ai có cách gì trừ tai họa lâu dài nên dùng ngay để làm lợi cho dân.

+ Những đồ dùng hàng ngày, ai nghĩ được cách chế tạo khéo hơn, tiện hơn, rẻ hơn, nhân cái cũ làm ra cái mới.

+ Các đồ ăn uống, dùng cách gì để chế được nhiều hơn, hoặc để lâu không hư, vị lại ngon hơn, hoặc tìm ra thức ăn mới để cứu nạn những năm đói kém.

+ Các vị thuốc nước ta rất nhiều, thích hợp với cơ thể chúng ta, vị nào đồng khí chất với thuốc Bắc, cách chế luyện tinh vi, các vị thuốc dân chúng thường dùng, các vị thuốc của dân Mường. Mọi cách trồng, cách chế, thí nghiệm đích xác có hiệu lực, cho biên vào sách bản thảo để lưu hành.

Ba khoản đồ dùng, thức ăn, vị thuốc, nên thưởng cách riêng để đền công khó.

+ Những kẻ nào đi ra nước ngoài, chọn được thổ sản của nước ấy thích hợp với đất đai, khí hậu của ta, đem về trồng mà thực có lợi, cũng được thưởng như người chế ra vị thuốc.

+ Trong dân gian có kẻ lập hội buôn, vốn được trăm vạn, xét đúng sự thật nên ban thưởng lớn. Lại những người lập hội hay tụ lực một nhà tạo được tàu lớn hay mua cũng được, có dư sức đi sang Trung Hoa hay sang các nước khác buôn bán, cũng thưởng.

+ Trong dân gian những kẻ nào biết lập hội cứu giúp lẫn nhau như cứu chữa hỏa tai hoặc bảo hiểm cho các thuyền buôn, hoặc đào cảng lấy tiền thuế, hoặc thay thế quốc gia sửa chữa cầu đường, tu bổ phòng ốc, hoặc cho nhà nước vay tiền, hoặc vì quốc gia mà thiết lập các nhà nuôi dưỡng trẻ mồ côi, người cô đơn tật bệnh, đem thân mình ra cáng đáng những việc ấy, hoặc khi nhà nước có việc dùng gấp mà cho vay được một vạn trở lên thì nhà nước ước lượng công sức, việc làm lớn nhỏ mà ban cho phẩm tước, tuyên dương bằng cờ biểu.

+ Những tư nhân bất luận là ai, thông thạo tiếng nói nước ngoài, tiếng Pháp kể là hạng nhất, tiếng Tây Ban Nha, Anh Cát Lợi, kể là hạng nhì, tiếng Qua Oa (Jowa, Nam Dương) Trung Quốc kể là hạng ba, tiếng Man Lào ở Tây Biên kể là hạng tư, sau khi đã khảo hạch chứng tỏ năng lực đều được gọi là Hành nhân Tri Tài, miễn cho các thứ sưu dịch hoặc vài năm hoặc suốt đời, những người tinh thông các máy móc có ích cho việc thực dụng, theo chữ dịch ra, theo hình vẽ ra, hoặc một bộ, hoặc hai ba bộ, cứ lấy 1.000 trang làm hạn, do bộ đệ nạp, sau khi được quan Tây khảo duyệt, công nhận là đúng thì được coi là tú tài tại gia.

+ Ở trong thành và ngoài thành chốn Kinh Đô các nhà giàu nào có tiền xuất ra lập phố nhà lợp ngói trên đất công đều được cho thuê, tiền thuê nộp lại cho công quỹ 2 phần 10, nhà tranh thì dỡ hết đi. Tùy theo số nhà phố lợp ngói nhiều ít mà ban thưởng. Khoản này có nhiều sự đụng chạm, Triều đình cũng hiểu rõ rồi không dám nói nhiều.

+ Các viện dục Anh, các trường dạy trẻ đều là một ngành hoạt động của đạo giáo, các nước Tây phương cho phép các hội đến cứu tế. Việc nuôi dạy trẻ là điều đầu tiên trong chính sách nhân ái của Chu Văn Vương nước ta bận việc nhiều, chưa làm được. Bỏ thân mình phục vụ cho người là việc khó nên khó lựa được người. Bỏ phế một mạng người là làm hao tổn sức nước một phần, nay đặt ra công việc nuôi dạy để chu toàn được cuộc sống và thành được tính tình của hạng người cùng khổ, cô độc ấy,

há chẳng hơn việc xây chùa dựng tháp hay sao? Như lập viện dục Anh thì chia ra có ban dạy chữ Tây, nghề Tây, cho ban dạy chữ Nam, nghề Nam song song với nhau, trẻ em nam nữ đều được vào học cho đến khi khôn lớn, các hội khác đều phỏng theo như thế.

Triều đình là cha mẹ dân, phàm có điều gì ích cho con dân mà thấy có thể làm được thì nên tìm cách làm, về sau sẽ có tác dụng lớn. Đại cương thì như vậy, các chi tiết không thể nói hết dầu dùng giấy đến năm sáu trăm trang... Như triều đình cần đưa ra đề mục nào, tôi sẽ trình bày thêm chi tiết cho tường... Như một thời văn, thời chính, tự nó đã có rất nhiều chuyện rồi, nên chú trọng vào những việc đó có thể sửa đổi ngay được. Lại như các khoản công phu máy móc nên vì dân xướng xuất, lần lượt làm một hai điều.

Phàm ở đây cũng vậy, dân chúng yêu thích, ghét bỏ điều gì là đều do người lãnh đạo ở trên khuyến khích trừng trị làm gương.

Nay ta quý người học Nho, người học Nho quý ở chỗ hay chữ, nay lấy cái công phu kiên nhẫn học cho hay chữ để học những sự khéo léo giàu sang của tạo vật thì sẽ được những điều đáng quý nhiều hơn. Vật nào cũng có cái kỳ diệu đáng quý há chẳng hơn chỉ có một cái đáng quý hay sao? Khả năng của con người có nhiều chỗ không giống nhau, ai cũng có điểm sở trường để ứng với tạo vật. Nay ta chỉ dùng có một cái sở trường hay chữ thì không trông mong gì các nghề khác có người gắng sức làm cho được?

Tóm lại, người nước Tây phương tùy theo tư chất của từng người mà chia nhau học cái ban khéo léo của tạo vật, có tài nghề thực dụng để trở về với đạo đức, dân có nhiều ngõ thành công. Nay ta chỉ quý có một thứ sĩ, ta chỉ được cái kết quả hay chữ mà thôi. Nếu triều đình chủ trương biết được nhiều nghề là quý thì chỉ trong ít năm sẽ có nhiều người đến dưới cửa Khuyết hiến tài nghề vậy...

Bản “học tập dự trữ nhân tài” đưa lên cho các quan lớn trong triều từ năm Tự Đức thứ 24 (1871) và sau những cuộc thảo luận bâng quơ của các quan, nó cũng bị xếp xó như các bản điều trần khác.

Ròng rã 8 năm trời, từ năm 1863 đến 1871 Nguyễn Trường Tộ cố gắng kêu gào. Bức tường hủ nho vững như thành đồng lũy sắt. Cho đến ngày mất hết nước, một số rất đông đảo hủ nho vẫn không từ bỏ cái học từ chương. Nguyễn Trường Tộ u uất, lo buồn, chết vì bệnh đau tim. Lúc chết cái nhọt dưới quả tim vẫn còn rướm máu.

NHỮNG VIỆC LÀM BÊ BỐI, TẮC TRÁCH CỦA TRIỀU ĐÌNH HUẾ

Năm Tân Hợi (1861) giữa lúc chiến cuộc ở Nam Kỳ nguy ngập và tình thế Bắc Kỳ loạn lạc, triều đình Huế xuống chiếu các địa phương xét cử những người có tài lạ, chiếu theo điều mục sau đây:

- Thông thạo binh pháp.
- Mạnh bạo hơn người.
- Võ nghệ xuất chúng.
- Thông hiểu thiên văn.
- Biết tinh địa lý.
- Có mưu lược cơ biến tinh tường.
- Hùng biện lanh lợi.
- Có nghề y dược.
- Rành việc khám thính, tình báo.
- Kỹ nghệ khéo léo.

Chỉ thấy, có việc xét cử nhưng vì không có việc học tập, dự trữ nhân tài thì lấy đâu ra người mà cử? Mãi đến năm sau cần người quá, quan tỉnh Nghệ An mới đề được Nguyễn Trọng biết chữ Pháp đã từng xuất dương (Nguyễn Trường Tộ lúc này đang ở Gia Định, Đặng Đức Tuấn đang lo trốn tránh kéo bị ở tù về tội theo đạo Gia Tô) và Nguyễn Văn Thụ giáo dân đang ở tù tại Lạng Sơn.

Năm Quý Sửu (1863) triều đình mới chịu lập trường thi Văn, thi võ ở An Giang, ý hẳn cho rằng như thế là đủ để mưu đồ việc khôi phục, còn việc tập bắn súng cho quân sĩ theo lời Đặng Đức Tuấn trình bày thì không thấy thi hành gì cả.

Năm Giáp Tý (1864) mãi đến cuối năm mới Khiêm vệ Thủy sư và sở Võ Khố lựa người khoẻ mạnh, siêng khéo theo tàu máy hơi để học tập chế tạo máy móc cho Huỳnh Văn Xưởng và Lê Văn Mân làm chánh phó quản lý (năm này tháng 9 các tỉnh từ Nghệ An vào đến Quảng Ngãi đều bị nạn lũ lụt, dân nhiều người chết đói, nhà vua vẫn cho xây Vạn Niên Cơ ở làng Dương Xuân Thượng, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên). Đối với vua Tự Đức, việc xây lăng quan trọng hơn việc học tàu máy hơi nhiều lắm!

Năm Ất Sửu (1865) mới bắt đầu đặt ra kỳ thi Võ Tiến Sĩ. Năm Đinh Mão (1867) lại cho mở thêm trường thi Võ Tiến Sĩ ở Bình Định và Hà Nội.

Năm Bính Dần (1866) lúc Pháp đã hăm dọa lấy luôn 3 tỉnh miền Tây triều đình mới ra lệnh cho 2 tỉnh An Giang, Vĩnh Long lựa người sang Gia Định học tập máy móc. Số lượng cũng hạn chế, chỉ có 20 người thôi.

Cũng trong năm này Nguyễn Trường Tộ và giám mục Ganthieu (Ngô Gia Hậu) được sang Pháp mua máy móc, rước giáo sư chuyên môn. Đang lúc công việc tiến hành thuận lợi thì Tự Đức giáng chiếu đình chỉ mọi việc, không mua sắm gì nữa, không rước giáo sư làm chi cho tốn kém. Việc canh tân quốc phòng là việc trọng đại mà

gã hôn quân này tự tung tự tác, thất tín với thần dân với người ngoại quốc.

Năm sau Gauthier trở qua đất Việt, đem theo hai giáo sĩ tình nguyện dạy cơ khí cho thợ Việt nhưng Tự Đức vẫn cứ nhắm mắt lại, không chịu dùng.

Năm Mậu Thìn (1868) Triều Đình Huế sai các quan khai mỏ than, mỏ sắt ở Thái Nguyên, mỏ than ở Quảng Yên, ở Khánh Hòa. Vì dốt nát về khoáng chất học, các quan không làm nên tích sự gì cả. Hải hước nhất là chuyện than đá ở Khánh Hòa. Lúc khai quật lên thì đó là một thứ đá đen chứ không phải than.

Năm này, Trần Đình Túc đi Hương Cảng về, tâu xin lập phố buôn bán ở cửa Trà Lý, cho dân tới buôn và bán của cải với người các nước để tính kế chấn hưng thương nghiệp lâu dài. Triều Đình Huế lại theo lệ thường, đưa vấn đề ra thảo luận bằng quơ rồi kết luận là công việc này chưa hợp thời, không cần xét đến.

Cũng trong năm này, một giáo dân ở Ninh Bình là Đinh Văn Điền mật tâu các việc:

- Mở dinh điền, khai mỏ vàng.
- Chế tàu máy hơi, rước người Tây dạy máy móc.
- Giao thiệp với người Anh để có ngoại viện (khoản này Đặng Đức Tuấn đã tâu xin từ năm 1862).
- Tha cấm binh thư, binh pháp cho người trong nước tự ý học tập (có kỳ thi có hỏi về binh pháp song việc học phải do các quan ở Quốc Tử Giám trông coi. Dân không tự ý tìm học).

- Bớt việc phục dịch cho quân lính để họ có thì giờ học tập bắn súng, giỏi thì thưởng phẩm hàm, lâm trận bị thương tật thì Nhà nước cấp dưỡng trọn đời, tử trận thì con cháu được lộc dụng)

Vua lại chiếu lệ giao cho các quan bàn luận.

Bớt việc phục dịch cho quân sĩ thì lấy ai hầu hạ các quan ông, quan bà, cậu ấm, cô chiêu? giao thiệp với người Anh thì bất tiện, sợ người Pháp nghi kỵ gây việc chiến tranh. Chế tàu máy hơi thì còn thiếu người, thiếu tiền ... Việc nào cũng chưa nên làm cả!

Năm Canh Ngọ (1870) mua một tàu máy hơi nhỏ, đặt tên là Đăng Huy, trị giá 72.820 đồng bạc. Hai năm sau lại mua một tàu nữa của Đức đặt tên là Viễn Thông. Người Đức muốn thông thương với ta. Vua sai Nguyễn Chánh qua Hương Cảng giao thiệp với họ rồi mua tàu.

Cuối năm Nhâm Thân (1873) lại bàn việc mở thương cảng ở Đà Nẵng, Đồ Sơn và Ba Lạt. Các quan lại có dịp trở tài hùng biện, phân tích 5 điều lợi và 8 điều khó.

Năm điều lợi là:

- Nhóm dân ở bờ biển, cửa biển, bờ cõi nhân đó mà vững vàng thêm.

- Chứa của nơi dân, ngụ việc binh ở việc buôn bán.

- Lập hãg buôn ở dọc bờ biển, tin tức dễ thông, nhân đó ngăn được giặc biển.

- Lập hãg buôn thì phải có tàu chiến giữ gìn

thương cảng, nhân đó mà các thuyền công tải cũng được bảo vệ.

- Ta với các nước giao thiệp, nhân đó mà dò xét được thực trạng của họ, biết được đại thế trong thiên hạ.

Tám điều khó là:

- Cần phải có bộ binh, thủy binh để bảo vệ các hãng buôn, chi phí rất nặng mà hiện nay công quỹ nghèo nàn.

- Quân lính ở các thương cảng cần phải cấp lương cho hậu. Hiện nay, lính đi đánh giặc vẫn ăn lương theo lệ cũ. Làm sao tránh khỏi chuyện so bì, ta oán?

- Cần có người tài giỏi mới giao thiệp nổi với các nước. Tìm đâu ra người?

- Nếu gắng gượng mở một ít hàng phố thì không có lời, cơ sở mong manh không bền vững được.

- Vượt biển đi buôn thì phải xuất vốn cho nhiều, triều đình phải xuất vốn rồi dân mới tin theo. Hiện nay ngân khoản eo hẹp, không nên ép dân phải góp vốn.

- Chứa của nơi cửa biển xa xôi, nhà giàu chưa chắc đã hưởng ứng. Chỉ có những hiệu buôn nhỏ, e lại làm mồi cho giặc cướp.

- Nhóm dân ở cửa biển, cần phải có người trọng trách mà chưa chắc đã ngăn nổi được kẻ gian tư thông với ngoại quốc, làm nội ứng cho giặc khi có chiến tranh.

- Lâu nay chưa lập thương cảng mà đã có người ngoài lén lút chở đồ quân trang vào bán cho giặc cướp

trong nước rồi lại chở các món hàng quốc cấm ra biển. Nếu lập thương cuộc, nạn buôn lậu gây ra loạn lạc, dẫn dắt đến chiến tranh.

Vậy là việc lập thương cảng nhất định không nên làm để cho bọn buôn lậu hưởng lợi!

Việc gì cũng không kịp thời chỉ trừ việc ngâm thơ vịnh phú, nhai văn nhá chữ để chờ các khoa thi hương, thi hội, thi nhĩ sĩ, cát sĩ.

Đến nỗi sau khi quân Pháp ép ta phải khai thương Bắc Kỳ, họ có tặng cho ta 5 tàu máy hơi Scarpion, D'Eotaing, D' Entrecasteause, Mayence và Biên Hòa, cho người huấn luyện thủy thủ, ta cũng không chịu học rồi tìm cách đuổi khéo họ đi bằng cách đối xử lãnh đạm để cho bọn Hamelin phải chán nản, tự ý rút lui.

Những việc cầu viện nước Anh, nước Đức, triều đình Huế cũng không biết đường làm, chỉ ngóng cổ trông vào một nước suy nhược...

*

* *

Tự Đức là một ông vua độc nhất vô nhị trong lịch sử Việt Nam. Trải qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, không có một ông vua dùng nửa thì giờ của quốc gia để bàn việc gia đình cả.

Sử gia Trần Trọng Kim ghi rằng:

Ngài thờ đức Từ Dụ rất có hiếu. Lệ thường cứ ngày chẵn thì châu cung, ngày lẻ thì ngự triều. Trong một

tháng châu cung 15 lần, ngự triều 15 lần, trừ khi đi vắng và khi se yến. Trong 36 năm, thường vẫn như thế, không sai chút nào.

(Việt Nam sử lược, trang 471, bản in lần thứ sáu. Tân Việt Sài Gòn)

Sử gia Trần Trọng Kim quên không nhận xét rằng trong suốt các quốc triều dân tộc độc lập, không có một ông vua nào châu cung như kiểu Tự Đức cả.

Bọn Vũ Duy Tuân dâng sớ xin vua cố hết sức đánh giặc. Vua phê ngay vào tờ sớ rằng:

Kim nhật thỉnh chiến, minh nhật thỉnh chiến. Chiến nhi bất thắng, tương trí ngô gia mẫu tử vu hà địa?

(Ngày nay xin đánh, ngày mai xin đánh. Đánh mà không thắng, sẽ đặt mẹ con nhà ta vào nơi nào?)

Vũ Duy Tuân lại liều chết một lần nữa, dâng sớ can ngăn vua, có nói bóng gió đến việc châu cung:

- Yếu tước xử đường, mẫu tử tương bộ, lui lúc nhiên kỳ tương lạc, tự dĩ di an!

(Chim én, chim sẻ ở mái nhà, mẹ con mớm mồi cho nhau, cùng nhau vui thú, tự cho là yên ổn!)

Vua lại sắm một quyển tập, hể bà Từ Dụ phán bảo được câu gì hay thì vua ghi ngay vào tập, đặt tên là Từ Huấn Lục.

Sử gia Trần Trọng Kim khen thêm rằng:

- Bà Từ Dũ biết việc đời cũng rộng...

Người hậu thế như chúng tôi xin hỏi:

- Rộng như thế nào? Nước mất ở ngay trước mặt mà không biết lo sợ thì còn biết được cái gì mà nói là rộng và hẹp?

Trong đời Tự Đức có đến 101 vụ giặc cướp từ ngoài đến và 53 vụ cướp biển... Có một vụ, vua suýt bị giặc Tàu Ô bắt cóc ở cửa Thuận An.

Vậy mà vua còn dám tự phê rằng:

- Tuy không có tài bằng Đường Thái Tông nhưng cũng không mất bản chất của Hán Văn Đế!

(Tuy và Đường Thái chi tài, diệu bất thất Hán Văn Chi chác!)

Năm 1868, tổng đốc Bình Phú là Thân Văn Nhiếp can rằng:

- Phương Nam mất đất, phương Bắc giặc nhiều. Vạn Niên Cơ tổn gấp 10 lần lẫnng Thiên Thọ. Ngói sắt mua ở Hạ Châu, đĩa bát, gấm vóc mua ở Hương Cảng, năm nào cũng có giấy đòi tiền...

Bão lụt, hạn hán chỗ nào cũng có. Lầu trong cung xong rồi lại lầu ngoài sông. Hay là vua cho rằng làm như thế cũng vô hại?

Lời can ngăn của Thân Văn Nhiếp thiệt là can đảm nhưng cũng không đem lại chút kết quả. Tự Đức vẫn cứ xây lầu ở ngoài sông để hứng gió mát.

Một ông vua hôn ngu như thế, chẳng trách bọn Đoàn Trưng, Đoàn Trục sục lĩnh bọn dân phu nổi loạn ngay tại Kinh thành...

MỤC LỤC

Những Điều Bất Trí Của Hàn Tín	5
Thuốc Trường Sinh, Những Sự Mê Tín Lạ Lùng.....	9
Phá Hoại Di Tích Lịch Sử Khôn Hay Ngu?	13
Trần Cao Khôn Hay Không Khôn?	16
Có Tài Thì Phải Chết!	21
Khôn Mà Dại.....	24
Tâm Lý Của Dân Chúng Bắc Hà Thời Trịnh Sâm (1767 – 82)	29
Khi Cái Ngu Tái Diễn	33
Những Cái Ngu Đặc Biệt.....	42
Khôn Vật Mà Ngu To...!	45
Ngu Hiếu	48
Những Ngày Thê Lương Cuối Đời Tề Hoàn Công.....	50
Ngu Vì Miếng Ăn	62
Vần Thơ Và Ngục Đá	71
Cái Ngu Trường Hận	74
Cái Ngu Của Tống Tương Công	79
Ngu Công Có Ngu Không?.....	82
Cái Ngu Của Vua Nước Hồ	86
Trong Trăm Điều Khôn, Ất Có Lẫn Một Điều Ngu	87
Si Mê Chim Hạc	92

Sắc Bất Ba Đào...	95
Mụ Già Ngu Ở Syracuse	99
Trước Khôn Sau Ngu	100
Vua Philippe Nước Macédoine Và Xạ Sứ Ates Đều Ngu	101
Một Sự Ra Oai Không Cần Thiết	103
Múa Rìu Qua Mắt Thợ!	105
Vụ Án Chu Hu Nước Vệ.....	108
Hạ Cơ Nghệ Thuật Tình Dục.....	111
Dương Nhật Lễ Làm Vua Đời Nhà Trần.....	116
Hoạ Sĩ Ăn Hối Lộ.....	119
Vô Kỷ Luật.....	126
Một Vị Vương Trộm Cấp	129
Ngự Y Gian Dâm Cung Nữ	131
Những Cái Ngu Đặc Biệt Của Trần Nghệ Tông.....	132
Cuồng Sĩ Nễ Hành.....	135
Độc Vũ	138
Sở Thái Tử Thương Thần Thí Phụ	142
Trùm Cướp Lớn Xử Trị Trùm Cướp Nhỏ: Chu Nguyên Lệ Xử Tội Hồ Quý Ly	148
Dâm Phong Đời Nhà Trần.....	153
Phục Hưng Rồi Tuyệt Diệt! Lỗi Về Ai?	156
Dục Tốc Bất Đạt.....	162
Mất Kinh Châu Lỗi Tại Ai?.....	171
Những Điều Mê Muội Của Po Ro Mé (Vua Mê)	177
Cái Ngu Của Bạo Chúa Phalaris Và Cái Ngu Của Tên Xiêm Nịnh Bédilos.....	180

Bỏ Con Trưởng, Lập Con Thứ, Vua Đinh Lỗi Đạo Nhà.	
Nuốt Sao Rơi, Đỗ Thích Sinh Cuồng Vọng	183
Cái Ngu Suýt Táng Mạng Của Martial Merlin.....	189
Tần Tấn Trong Chiến Dịch Hào Sơn.....	193
Quỷ Vương Và Trư Vương Làm Mất Nhà Lê.....	199
Sự Lười Biếng Độc Nhất Vô Nhị Của Minh-Thế Tông	
.....	208
Từ Cái Ngu Của Lưu Chương Đến Cái Ngu Của Lưu Bị	
.....	212
Sự Hoang Phí Của Các Bà Kiều Nữ.....	220
Cái Ngu Của Một Mưu Sĩ Và Cái Ngu Của Một Danh Sĩ	
.....	223
Cái Ngu Của Viên Thiệu.....	231
Thi Lý Lịch: Chuyện Là!.....	235
Cái Ngu Của Ngô Tam Quế	237
Tội Phá Hủy Cổ Tích Diệt Trừ Văn Hóa	242
Sách Lược Hưng Quốc Của Nguyễn Trường Tộ.....	244
Những Việc Làm Bê Bối, Tắc Trách Của Triều Đình	
Huế.....	258
Mục Lục	266

NHỮNG CÁI DẠI CỦA NGƯỜI XƯA

LAM GIANG - NGUYỄN QUANG TRÚ

Chịu trách nhiệm xuất bản :

BÙI VĂN NGỢI

Biên tập :

NGUYỄN TRƯỜNG

Vẽ bìa :

HUY TIẾN

Sửa bản in :

NGUYỄN GIANG

In 1000 cuốn, tại Xưởng In Ban TT-VH Thành Ủy TP. HCM.
Số đăng ký kế hoạch xuất bản số : 68/44 CXB do Cục Xuất bản cấp
ngày 13/1/2000. In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2000.



Giá : 20.000đ